

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VI ★ SỐ 95 ★ 1-1-63

1.— Giá trị của bằng cấp	Nguyễn-văn-Cồn	8 — 9
2.— Lửa đốt thành La-Mã	Từ trăm Lê	10 — 14
3.— Một luồng gió mới tiếp đón ngày Giáng-sinh	Thiếu-Sơn	15 — 20
4.— Điệu mừng (thơ)	My-Sơn	21
5.— Noël trên biển cả (truyện dịch)	Hoàng-Thắng	22 — 28
6.— Trước đây vài ngàn năm ai đã lại viếng Quả-Đầu?	Võ quang Yên	29 — 37
7.— Bức tường ô-nhục (thơ)	Hoài Việt	38
8.— Nuối tiếc (thơ)	Hữu-Phương	39
9.— Đức Mẹ có tiền tri bom nguyên-tử chăng?	Té-Xuyên	40 — 46
10.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	47 — 51
11.— Văn-đề Lữ-Gia trong lịch-sử V.N.	Trần Vinh Anh	52 — 57
12.— Đông lạnh (thơ)	Cầm Thủy	58
13.— Vẻ yêu kiều (thơ)	Trần Tuấn Kiệt	59

14.— Một giấc mơ hoa	Duyên-Hồng	60 — 64
15.— Sự mạng của nhà tri thức	Tam Ích	65 — 72
16.— Bệnh Dịch Hạch (Y học)	B.s. Ngô quang Lý	73 — 81
17.— Phê-bình sách mới	Nguyễn Vỹ	82 — 86
18.— Cha Xuân (truyện ngắn)	Phạm đức Thịnh	87 — 88
19.— Giai thoại về bài « thơ cú-li »	Thiếu Sơn	89 — 90
20.— Đêm huyền diệu (thơ)	H. K. K. M.	91
21.— Minh ơi!	Diệu Huyền	92 — 102
22.— Hẹn trở về (thơ)	Diệp Thanh Tú	103
23.— The Forest Lord	Victor Lofusson	104 — 107
24.— Sách báo mới	Phổ thông	108
25.— Lợi ngược	Nguyễn-Vỹ	109 — 113
26.— Phổ-Thông vòng quanh thế-giới	Xuân-Anh	114 — 116
27.— Thư bạn đọc	Phổ-Thông	117 — 119
28.— Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền	120 — 130



- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- ★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và dùng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỔ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng-Phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
● Notre Représentant général pour l'Europe et l'Afrique
● Our General Agent in Europa & Africa:

LONG-HIỆP

13, Rue de la Montagne Ste Genevière — PARIS V
(vente — abonnements — Publicité)

Bức
thư

P
A
R
I
S

★ NGUYỄN-VĂN-CỒN

GIÁ-TRỊ của BẰNG CẤP

BẠN thân mến,

Tôi thường thấy nhiều người quá chú trọng đến mảnh bằng, họ cho đó là nấc thang duy nhất để bước đến những địa-vị tối cao. Chúng ta cũng thường thấy nhiều người **lầm lẫn** bằng cấp với những *chân giá trị* (les vraies valeurs) ở đời! Đó là sự ngộ nhận và thành kiến mà ngày nay ta cần phải đánh đổ, cũng như ta đã phải bỏ câu nói sặc mùi trường giả xưa kia: «*Phi cao-đẳng bất thành phu phụ*».

Nói thật ra, trong cuộc đời thực tế, bằng cấp *trước hết* là để bảo đảm một phần nào công việc làm có liên can đến sinh mạng của con người; chẳng hạn như các bằng cấp Y-sĩ, dược-sư, kiến-trúc sư, kỹ-sư cầu-cống v.v. Bằng cấp của các ông là một bảo-đảm tối-thiểu trước mặt pháp luật và đôi khi sự lầm lỗi của các ông cũng bị đưa ra trước Công-lý. *Sau đó*, bằng-cấp bảo-đảm trình-độ học-thức và khả-năng, chỉ để cho người ta kiểm-định việc làm nhiều lương trong các công sở, hay tư-sở.

• Giá-trị của bằng-cấp chỉ có thể thôi, không hơn không kém!

Ta cần phải *giác ngộ* những người đã tưởng *lầm lẫn* rằng những người có bằng-cấp đều là những *bực tài ba* xuất chúng!

Thật ra thì đa số những *bực tài ba* không phải ở trong đám người có bằng-cấp cao!

Ta thử lấy vài thí dụ gần đây:

Những nhà đại văn hào Pháp Anatole France, André Gide, Henry de Montherlant có phải là *biạc-sĩ*, *tiễn-sĩ* cầu! Nhà văn còn trẻ tuổi (tiếc đã chết sớm) Albert Camus chiếm giải thưởng Văn Chương Nobel đầu có phải đã *miệt mai* ở Đại-học!

Tại Anh-quốc, Shakespeare chỉ là một *kép hát* thể mà đã *đá* lại cho nhân loại những vở kịch bất hủ. Hai chị em cô Brontë, Charlotte và Emily chỉ có học ở nhà và trường làng thể mà đã soạn hai tác phẩm «Jane Eyre» và «Wuthering heights» ngày nay còn làm cho văn-giới Anh ngạc nhiên và cảm phục.

Ngày ở xứ ta, những thi-nhân danh tiếng có phải là những *bực đại khoa đầu*! Nguyễn-Du chỉ *đỗ tú-tài*; Nguyễn-dinh-Chiều chỉ là một ông *Đồ* và Nguyễn-Khắc-Hiếu chỉ là *ám sinh*, đi thi hương không *đỗ*.

Người ta đã thấy vị thủ tướng Clémenceau, chỉ là một nhà viết báo, kiêm chính-trị gia, thể mà đã đưa nước Pháp đến cuộc chiến thắng trong trận thế-giới chiến tranh 1914-1918 và ngày nay pho tượng vẫn còn đứng vững tại Rond Point des Champs-Élysées.

Còn bao nhiêu thí-dụ khác khắp trong thiên hạ đã làm cho ta thấy *tài ba* và *bằng-cấp* là hai việc khác nhau.

Ta vẫn kính-trọng những bằng-cấp theo giá-trị cụ-thể, nhưng ta cũng chú trọng đến những *tài-năng* ở tất cả mọi tầng lớp xã-hội, và nhứt là về mặt văn-hóa, ta vẫn đi tìm những *thiên-tài* chưa ai biết đến. Dĩ-nhiên, *bằng cấp không cần, nhưng học-thức không thể không cần được*.

Nước ta đã bị chiến tranh tàn phá và đang cần những công cuộc xây dựng, tức là cần những người có khả năng thực-tế. Ta sẽ lo sợ cho ngày mai, nếu ta chỉ có những *hạng trí-thức* ngồi đếm các mảnh bằng, khoe khoang các mảnh bằng, so sánh mảnh bằng mình hơn mảnh bằng kia. Tự phụ cho trường mình học «OAI» hơn trường học kia! Những người «*học rộng bằng cao*» phải tự mình hỏi mình: «từ ngày nước biển, mình đã làm được việc gì ích quốc lợi dân chưa? Mình đã viết được một bài văn, một quyển sách để dẫn dắt thanh-niên hay để bồi-bổ văn-hóa nước nhà chưa?»

Nếu không, ta không nên trách những người «*không học rộng, không bằng cao*», những «*trạng thanh-niên đầy tâm huyết*» đã xem thường những mảnh bằng của các ông! Vì rằng nếu mảnh bằng chỉ được coi như là một dụng-cụ để đem lại no ấm cho cá nhân mà thôi, thì giá-trị của nó có gì là cao-siêu? Và *hạng người* mà quốc dân yêu mến, không phải hẳn là các ông có những «*bằng-cấp*» suông mà là *những người có chân giá trị về tinh-thần và đạo-đức*, những người có *chân tài*, có *khả-năng* đem ra thi-thố *tài ba* của mình và *phụng-sự* nhân-dân, xã-hội.

Thân-mến chào các bạn và xin hẹn Bức thư Xuân!

NGUYỄN-VĂN-CỒN

Lửa đốt

MỞ MÀN 250 NĂM SÁT ĐẠO

TỪ-TRÁM-LỆ

thành LA - MÃ

NĂM 64 sau Chúa Giáng-Sinh.

Đêm 18 rạng 19 tháng 7.
Đêm tối xuống với không khí oi bức đến khở sở phủ trùm khắp thành La-Mã. Nơi những khu đông người, sau những công việc nặng nhọc trong ngày, đám thường dân cố tìm giấc ngủ để lẩn trốn vào trong đấy nỗi mệt mỏi và sự oi bức của tiết trời. Trên những chiếc giường khổ, những tấm thân trần nửa mình, mồ hôi nhễ nhại, lặn qua trở lại mái, vừa bức bối

rên than. Đây đó, từ những ngõ hẻm bần thiêu, tối-tăm, từng chập vang lên tiếng kêu khóc của một trẻ sơ sinh, tiếng gây gổ ồn ào của những tay đệ tử Lưu-Linh. Qua những «lỗ» cửa chật hẹp, những mái nhà tối-tàn thò ra một mùi thiêu ối lợm giọng.

Các gia-đình quyền quý đã rời thành phố để đến những biệt thự sang trọng của họ ở bờ biển. Về phần hoàng-đế Néron, người ta bảo nhau là ông nghỉ mát nơi chiếc lâu đài tráng-lệ ở Anzio. Vào giờ này của đêm nay, nhà vua

đang đánh đàn và ngâm thơ — những câu thơ rất dở của ông — giữa một đám sùng-thần, bên rượu thịt ê hề. Tất cả đều đã say lảm rồi, đầu họ ngã chịu vào đôi bàn tay bợ bụng lấy, họ làm ra rất tán-thưởng tiếng đàn, câu thơ của nhà vua để che dấu những cái ngáp dài.

Ở thành La-Mã, thời-khắc lặn trôi qua nặng nề và chậm chạp. Đột nhiên, từ trên bảy ngọn đồi của thành phố, tiếng kèn nổi lên vang dậy, xé tan vẻ lặng lẽ, cô-tịch từ đầu hôm. Bấy giờ là mới vừa quá nửa đêm đôi chút, bình-minh hãy còn xa lắm. Thế mà cả vùng trời thấy bùng lên những ánh sáng hồng. Từ trên mấy ngọn đồi, những quân lính canh gác nhìn thấy những ánh lửa bốc lên và thòi kèn báo động. Lửa bốc cháy thành phố. Sức lửa mạnh và lan đi rất nhanh chóng đến kinh hoàng, nó vồ ngốn trong chớp mắt những mái nhà lụp xụp bằng gỗ chen chúc nhau vô số của mấy khu bần-tiện kia. Nhà nhà thi nhau cháy bùng lên một cách mãnh-liệt không ngăn chống nổi, và chẳng mấy chốc cả khu thành hạ đã biến thành một biển lửa mênh mông.

Trước sự đột ngột và sức hung bạo của lửa, đám dân chúng chỉ kịp thoát thân với những gì đang mặc trong mình trong lúc ngủ. Họ xô chạy tán loạn, họ tìm đường trốn lửa, nhưng lửa vây quanh bốn bề, cầm tù họ lại ở giữa. Lắm phụ-nữ, trẻ con và người già cả bị những đàn ông chạy sang đập ngã nhào, dẫm bừa lên. Tiếng kêu thét rừng rợn vang lên không ngớt. Người vẫn xô chạy, lửa vẫn đuổi theo, ví bên này, đón bên kia như đùa cợt rồi bỗng thỉnh linh vươn lên chụp ngon lấy con mồi. Thời khắc lặn qua. Và ngày rạng lên trên cái quang cảnh của một cuộc tận thế, mà lửa thì vẫn tung hoành dữ dội.

Trọn sáu ngày sáu đêm liên tiếp, thành La-Mã làm mồi cho ngọn lửa, cho mãi đến khi không còn chất liệu để đốt nữa, nó mới dừng tắt dưới chân ngọn đồi Esquilin.

Người chết đếm hàng ngàn và hàng vạn, kẻ khốn khổ không còn nhà cửa, cùng mất tất cả sự sản trong trận hỏa-hoạn. Họ kéo nhau đi lang thang, vẻ mặt còn in nét hờ hãi, sảng hoàng, và trong ánh mắt của họ đã thấy thoáng hiện lên nét hung tợn,

hăm dọa. Trong số 14 khu của thành phố, hết 10 khu bị tàn phá hoàn-toàn. Sự đói khổ và nổi kinh khiếp ngự trị trên những điều tàn. Lòng căm oán nhóm lên, và chẳng mấy chốc, những « bầy » người rách rưới, hốc hác, kéo nhau đi trong thành phố, gào lên đòi báo thù và đòi xử những thủ phạm, vì sự thề hứa hoạn xảy ra như thế thấy rõ không còn ngờ gì nữa là có một bàn tay sát nhân đã chủ tâm phóng hỏa. Từ hạng cùng đinh, sự tức giận dâng lên, bùng ra dữ dội.

Rồi, có tiếng đồn truyền lan rằng La-Mã đã bị đốt do bởi lệnh của hoàng đế Néron, vì ông muốn có hình ảnh một trận hỏa hoạn to tát cho sánh được với trận hỏa hoạn thành Troie, để ông làm thơ hầu giúp ông có thể vượt hạng bậc vĩ-dại Homère. Há người ta đã chẳng thấy, trong cái đêm khủng khiếp ấy, những tội-tớ thuộc trong cung điện nhà vua tay cầm đuốc chạy trong các ngõ hẻm, vút lửa vào nhà dân chúng?

Và nhà vua há chẳng có trở lại La-Mã ngay trong đêm ấy, và mình mặc đồ săn-khẩu, tay cầm đàn, từ trên cao sân thượng

trong cung điện, đứng nhìn ngắm cái quang cảnh khốc liệt và vĩ-dại kia, vừa ngâm lên những câu thơ? Có những chứng-nhân doan chắc là đã có thấy nhà vua.

Cùng lúc với tiếng đồn trên, một giả thuyết thứ hai được đưa ra: hoàng đế Néron, vốn ưa thích sự trang-thiết đô-thị, và muốn tái-thiết La-Mã theo kiểu thức thành Alexandrie, thế nên há chẳng phải là nhà vua đã đem thi hành một phương sách hủy phá cực kỳ tàn ác, nó làm cho bình địa mau chóng hơn là dùng lưỡi cuốc? Hai giả-thuyết, mà cái nào cũng thuộc trọng tội, đều đi khớp với tánh khí của vị hoàng đế độc tài ấy vốn ham thích làm những sự to tát. Và luồng dư-luận ấy làm cho lên đến cực điểm sự tức giận của đám dân đen đã từ lâu rồi cúi mình dưới ách chuyên chế của nhà vua.

Vào lúc bấy giờ, Néron chưa đầy 30 tuổi, nhưng đã tỏ ra rất bạo tàn. Lên ngôi trên ngôi báu trước đó 10 năm, nhà vua đã đi từ tội ác này đến tội ác khác. Do lệnh ông, mẹ ruột ông, hoàng-hậu Agrippine, bị ám-sát, ông bỏ Britannicus vào ngục, và

để làm vui lòng người ái-thiếp là Poppée, ông từ bỏ vợ là hoàng-hậu Octavie, và sau đó xuống lệnh cho bà phải cắt đứt gân chết đi. Sự say máu cuồng loạn của ông cũng không chừa những tên sủng-thần mà ông yêu quý hơn hết.

Tuy nhiên, dù trận hỏa hoạn thành La-Mã là do ngẫu nhiên mà xảy ra, hay bởi lệnh của ông hoàng đế ích-kỷ, bạo tàn, có một sự rõ ràng: đám dân chúng cũng chẳng cần nghĩ chi đến tánh cách khả-thực của hai giả thuyết trên, trước cảnh nhà tiêu của mất, lang thang, đói khổ của mình, họ chỉ biết tức giận và quy tội cho nhà vua trách nhiệm về cuộc hỏa hoạn.

Trong cung điện mà bốn mặt thành đều vang dội tiếng la hét căm oán của đám dân chúng, vua Néron thấy lo sợ. Ông mới hỏi kể những cố-vấn của ông. Các ông này bàn rằng phải hướng sự tức giận của dân chúng vào một nơi khác, phải cần kiếm đưa ra một kẻ thế nạn. Và họ nghĩ đến người Thiên-chúa-giáo. Gia dĩ, cái môn-phái tôn-giáo từ Cận Đông truyền sang ấy, đối với dân chúng, đã có sẵn nhiều điều khả nghi lắm.

Người ta chẳng đã thường tố cáo rằng tín-dồ đạo ấy thù ghét loài người, rằng trong những cuộc hội hợp bí mật về đêm của họ trong những cái hang bên ngoài thành phố, họ có làm những cuộc lễ gớm ghê và hung ác, như cắt cổ và ăn thịt những trẻ sơ sinh. Dân chúng vốn tin tưởng dị đoan, và đã có thành-kiến ghê tởm và sợ hãi đối với giáo phái ấy như vậy rồi, thì đem trút lên đầu họ cái tội lỗi gây nên cuộc hỏa hoạn kia chẳng khó gì.

Thế là, một đạo binh với những truyền-lệnh sứ trần đi khắp thành báo tin cho dân chúng hay rằng những kẻ đốt nhà đã được khám phá ra rồi, và công lý của hoàng đế sẽ trừng trị nghiêm khắc. Rồi nhà cầm quyền mở một cuộc bố ráp vĩ đại. Tất cả những ai tự xưng tín-dồ Thiên-chúa giáo bị bắt giữ đã đành, nhưng còn rất lắm người cũng bị bắt vì là nạn nhân của những sự thù hằn, mặc dù họ phủ-nhận quyết liệt. Bị quân lính xiềng lại, kéo xềnh đi tàn nhẫn, những người bị bắt, đàn ông, đàn bà, ông già, bà cả, bị vút vào những hầm tối của ngục-đường ghê gớm Mamertine, và

chẳng mấy chốc đã đầy ứ người.

Đã thoát được sự tức giận của dân chúng bằng cách xoay trút tội cho đám giáo dân, vua Néron còn muốn làm hơn thế nữa. Đề củng cố thêm quyền lực của mình, nhà vua quyết định cho đám dân đen được hưởng một cuộc giải trí ít có. Nhà vua đã tự đứng ra đạo diễn một quang cảnh khủng khiếp không tiền khoáng hậu trong lịch-sử.

Lúc xế chiều và đêm 15 Aout, cửa vườn nhà vua mở toang cả ra cho dân chúng vào xem trị tội những kẻ gây hỏa hoạn. Đám người Thiên-Chúa giáo bị dẫn đến, cho dị trang bằng da thú rồi thả ra trong vườn cho những

đàn chó săn to lớn và những tay đấu bò săn giết. Lắm người bị chó vật ngã, cắn đứt cổ chết liền, những kẻ khác bị giáo phóng xuyên qua mình lẫn xuống đất, lũ chó xông đến xâu xé ra. Về khuya, sự say máu lên đến cực độ: mỗi gốc cây, cột vào một người Thiên-Chúa giáo tầm nhựa thông đầy mình. Thế rồi, nhà vua ra hiệu, quân lính châm lửa vào những kẻ khổ nạn ấy. Nhà vua, mình mặc bộ đồ xà-ích, tự tay phóng xe chạy trên mấy con đường trong vườn, giữa tiếng hò hét vang rền của đám dân chúng, trong ánh lửa bùng lên đỏ rực của những cây đuốc người...

TỪ-TRẦM-LỆ



★ GIỒNG

Một bà đến chơi một nhà bạn, thấy con bạn, bèn gọi lại gần, ngẫm ngía rồi khen :

— Cậu Thanh này, mắt là mắt thầy, miệng là miệng me, mũi là mũi bà...

Cậu bé tiếp ngay :

— Thưa bà, con còn cái áo là áo anh con nữa !

B. H.

MỘT LƯỒNG GIÓ MỚI

GIẢNG
SINH

TIẾP ĐÓN NGÀY

★ THIẾU-SƠN

NĂM nay có nhiều biến-cổ quan-trọng trên thế-giới. Trong những biến-cổ quan-trọng đó có đại-hội Công-đồng ở Tòa-Tam-thánh Vatican. Chính đức Giáo-Hoàng Jean XXIII ký quyết-nghị triệu tập đại-hội Công-đồng làm cho những cộng-sự cao-cấp ở kẻ bên ngoài phải kinh-ngạc vì không được ngài hỏi ý-kiến trước.

Khi Công-đồng đã nhóm họp chính Đức Giáo-Hoàng lại làm cho người ta kinh-ngạc một lần nữa vì bài diễn-văn của Ngài.

Ngài nói :

« Trong khi chúng tôi thi-hành nhiệm-vụ tinh-thần mỗi ngày đều thấu tới tai chúng tôi những lời xa gần, úp mở của một số người quá sốt-sắng nhưng thiếu độ-lượng, thiếu thận-trọng và mực thước. Trong thời-đại tôi-tân này những người đó chỉ thấy sự suy-đổi và đồ nát. Họ nói với chúng tôi rằng thời-đại của chúng ta so-sánh với thời xưa thật là tệ-lậu...

« Tôi thấy cần phải nói rằng chúng tôi không đồng ý với những nhà tiên-tri dự-hung sự luôn luôn tiên-đoán những

thâm-trạng sắp xảy ra và sắp tới ngày tận-thế.»

Đức Giáo-Hoàng Jean XXIII xuất-thân từ một gia-đình nông-dân, có lòng nhân-ái bao-la mà lại có óc rộng-rãi khoan-hồng nên không bằng lòng một số chức sắc trong đạo hẹp-hòi và lạc-hậu. Những lời ngài phán ra chính là để xây-dựng những người đó.

Đầu thế-kỷ XX Giáo-Hoàng Pie X đã nghiêm-khắc lên án hiện-đại chủ-nghĩa (le modernisme) cho rằng nó có những tư-tưởng và hành-động chông với giáo-lý của Thánh Kinh.

Tới nay ảnh-hưởng của cựu Giáo-Hoàng Pie X còn tồn-tại ở một số người quá sốt-sắng và thủ-cự mặc dầu đã lỗi thời.

Những người này chủ-trương thuyết toàn-vẹn (intégrisme) nghĩa là phải giữ cho giáo-lý được toàn-vẹn, Thánh Kinh dạy sao thì phải tin-tưởng như thế và cô-nhiên là không thể chấp-nhận được những phát-minh mới mẻ của khoa-học, những ý-kiến táo-bạo của loài người.

Chúa Jê-sus ra đời đã được 20 thế-kỷ và hồi đó Chúa đã

có những nhận xét khác thường và những ý-kiến thoát sáo. Chính vì thế mà Chúa đã bị hiểu lầm, bị người đời ngược đãi và chịu chết trên Thánh giá.

Tới nay những giáo-lý của Chúa còn là những bài học cho chúng ta về lòng nhân-ái, về đức khiêm-nhường, về tình đồng loại, về sự hy-sinh. Nhưng nhân-loại đã có những bước tiến không-lỗi mà không thể có những vũ-trụ-quan và nhân-sanh-quan in hệt như tiền-nhân từ 20 thế-kỷ về trước. Và như thế thì cũng không thể chấp-nhận được chủ-nghĩa toàn-vẹn như đã nói ở trên.

Chính chủ-nghĩa toàn-vẹn đã gây ra bao nhiêu tội-lỗi. Chính nó đã khiến cho người ta đốt sách *Phương-pháp-luận* (Discours de la Méthode) của Descartes và lên án Galilée vì đã xướng-minh thuyết trái đất tròn và quay. Chủ-nghĩa toàn-vẹn thường lẫn ranh đạo và đời, gây nên những xung đột giữa đạo này với đạo khác, giữa chủng-tộc này với chủng-tộc khác và nhiều khi lại cản-trở

phong-trào giải-phóng ở nhiều nơi vì những dân tộc này chưa phải là tín-đồ của Chúa và vì bọn thực-dân lại hắt lòng «ngao đạo».

Đức Giáo - Hoàng Jean XXIII không tán-thành chủ-nghĩa toàn-vẹn vì Ngài thấy rằng không thể bắt loài người đi thụt lui được và cũng không cần được bánh xe tiền-hóa của lịch-sử. Loài người đương sống trong thời-đại nguyên-tử, các dân-tộc đương vùng vẫy để trưởng-thành, các ý-thức - hệ đương xung - đột quyết - liệt, các cường - quốc đương thi-đua võ-trang và cạnh-tranh ảnh-hưởng thì vai tuồng của Tòa Thánh là phải ở trên tất cả để hòa-giải và đoàn-kết tất cả. Tòa Thánh cần phải phân ranh rõ-ràng giữa đạo và đời, chỉ lo phần đạo mà không can-thiệp tới việc đời, nghĩa là tuyệt-đời không làm chánh-trị và cũng không kỳ-thị những tư-tưởng không bắt nguồn từ Thánh Kinh.

Tuy nhiên giáo-lý của Chúa có sức mạnh huyền-diệu là nó làm cho nhiều người ngoại-đạo mà cũng phải thương

Chúa và càng ngày càng say-mê mùi đạo. Họ thấy Chúa cao-cả, đẹp-đẽ, đại-độ, khoan-hồng, yêu đời, yêu người, yêu hết thầy chúng-sinh mà không phân-biệt tín-đồ và ngoại-đạo. Vậy thì những vị giáo-đồ cần nhất là phải phát-huy được cái tinh-thần và đạo-lý của Chúa và phải noi gương Chúa trong hành-vi và nếp sống của mình chứ không nên xen vào những cuộc xung-đột ở ngoài đời, nhất là những cuộc tranh đấu về chánh-trị.

Đọc lại lịch-sử Việt-Nam về cuối Thế-kỷ XIX ta đau lòng về những vụ tàn-sát giáo sĩ và giáo-dân nhưng ta cũng đau lòng về những hành-động thiêu ngay thẳng của một số giáo-sĩ Tây-Phương hồi đó.

Năm 1960 Đại-Hội các đức Hồng-Y và Tổng Giám-Mục ở Pháp đã lên án một cuốn sách nhan đề «*Đề Ngài ngự trị*» (Pour qu'il règne) Trong sách đó có câu này :

«Vương - quốc của Con Thượng-Đề không phải chỉ có quyền-lực đối với linh-hồn mà còn là một vương-quốc xã-hội vì thừa kế quyền hành của Ponce Pilate, thông-độc

của La-Mã. Đó là một bằng chứng chắc chắn rằng quyền dân-sự không ở ngoài ảnh-hưởng của Vương-quốc ».

Những loại sách như thế là của nhóm toàn-vẹn mà toàn-vẹn một cách cực đoan không-thích-hợp với thời-đại bây giờ.

Đức Giáo - Hoàng Jean XXIII muốn rằng các hàng giáo-sĩ chỉ lo xây dựng phần hồn mà đừng can-thiệp vào chuyện đời ở cõi tạm này. Và lại chuyện đời bây giờ không giản-dị như thời xưa còn phong-kiến và cũng không dễ-dãi như thời cận-đại mà đế-quốc Tây-Phương còn thao-túng hoàn-cầu.

Những người chủ-trương thuyết toàn - vẹn thường nương dựa vào những lực-lượng phong-kiến và thực-dân còn sót lại để tái-lập cái trật-tự của thời Trung-cổ mà con người đã quen thói bóc-lột người và kẻ bị bóc-lột cam chịu cảnh tội-đời nô-lệ. Cái tôn-ti trật-tự đó không còn nữa nên người ta mới rêu-rao lên rằng thời-đại này tệ-lậu hơn thời xưa, rằng

phải phục-hồi lại quyền-lực của Chúa trong cả hai lãnh-vực đạo và đời, rằng nếu không thì sẽ có đại loạn và nhân-loại sẽ gần ngày tận-thê.

Đức Giáo-Hoàng cho những người đó là những nhà tiên-tri dự hung - sự (les prophètes de malheur). Ngài không tán-thành ý-kiến của họ vì Ngài nhận-định rằng Nhơn-loại đương trải qua những cơn khủng-hoảng để trưởng-thành, rằng ánh sáng khoa-học đã nâng-cao sự hiểu biết của họ rất nhiều, rằng tất cả mọi người đều có quyền sống tự-do, bình-đẳng và có quyền tranh-đấu vì lẽ sống nói trên. Cuộc tranh-đấu có thể gây nên cảnh hỗn-loạn nhưng trong cái loạn đã có mầm trí và sau nhiều cuộc đảo-lộn sẽ xuất-hiện một trật-tự mới trong đó loài người sẽ bớt ngăn cách vì giàu, nghèo, sang, hèn, mạnh, yếu, bớt chia rẽ vì màu da đen, đỏ, trắng, và họ sẽ chung sống với nhau một cách hòa-ái. Nhân-đạo hơn. Bây giờ họ đương sống cơ-cực, lâm-tham họ nghĩ tới Chúa để an-ủi

phần hồn. Mai này họ được sống sung-túc và dễ chịu hơn, họ càng gần Chúa hơn nữa để học-tập những đức-tánh cao-quí như lòng vị-tha, tình nhơn-loại, đức hy-sinh và lượng khoan-hồng.

Đức Giáo - Hoàng chẳng những không lên án hiện-đại chủ-nghĩa mà còn muốn hiện-đại-hóa và dân-chủ-hóa tôn-giáo cho thích-hợp với thời-đại của chúng ta.

★

Năm 1955 Giáo sĩ Teilhard de Chardin trước khi chết có để lại 200 cuốn tập viết là bản thảo của một bộ sách vĩ-đại mà ông đã trứ-tác trong suốt một đời người. Ông là một nhà quý-tộc, một nhà nhân-chủng học và đã từng xung-phong làm phu khiêng cáng để cứu vớt những chiến-thương ngoài mặt trận. Ông tham - khảo sách vở và tự nghiên-cứu để tìm thấy nguồn gốc của thế-giới và loài người khác hẳn với cảnh tạo thiên, lập địa nói trong Kinh Thánh.

Ông là một tín-đồ ngoan đạo, ông thầy lương-tâm ông bứt rứt khó chịu, ông không nỡ nói ra những điều gì

ngịch với giáo-lý nên ông không cho xuất-bản sách của ông. Nhưng ông cũng không nỡ hủy-hoại những chơn-ly mà ông đã tìm ra. Sau khi ông chết người nữ thư-ký mà cũng là người thừa-kê của ông cho xuất-bản sách của ông với nhan-đề « *Hoàn-cảnh thiêng-liêng* » (Le milieu divin).

Sách in ra 100.000 bản, tiêu-thụ mạnh nhưng cũng gặp một phần - ứng mạnh do số người có chủ-trương toàn-vẹn. Họ xin Tòa Thánh lên án sách đó không được thì họ ngậm ngậm xúi tín-đồ tẩy chay không đọc. Họ còn mở một chiến-dịch chống với sách của giáo-sĩ Teilhard de Chardin. Họ cho in một tập sách chia làm 3 phần :

Phần I công-kích cha Teilhard de Chardin chống kinh Phúc-Âm.

Phần II công-kích cha chống Khoa-học.

Phần III công - kích cha chống đạo Thiên-Chúa.

Sách còn có một phụ-lục nói về Hội Tam-Điểm (Franc-Maçonnerie).

Ngoài ra còn 2 truyền đơn gài trong sách, một cái in

toàn lời chê diều tho-tục lý-thuyết của cha Teilhard de Chardin, một cái đáng lời giới thiệu một cuốn sách của một tác-giả xuất-thân ở trường Cao-Đẳng Bách-Khoa khẳng-định rằng *trái đất không quay*. Thời-đại này mà còn dám lập thuyết « trái đất không quay » thì cái ông tác-giả đó nhưt định phải sống lui lại mấy thế-kỷ và nhưt-định ông chẳng bao giờ có mặt ở Trường Cao-đẳng Bách-Khoa.

Nhưng phái « toàn-vẹn » cương-quyết giữ vững lập-trường nên trong một số báo « *Tư-tưởng Thiên-chúa giáo* » (La pensée catholique) họ đã viết câu này :

« Nếu cái nào tốt là phải hoàn-toàn tốt thì chúng ta phải kết-luận rằng chỉ có sự thật khi nó hoàn-toàn thật. Vậy thì cái gì không hoàn-toàn thật là sai. »

Câu này trích ở trang 12 trong tờ báo số 21.

Lập thuyết như thế thật là nguy-hiểm vì trong cái tốt cũng có cái xấu, trong cái đúng cũng có cái sai, và

ngược lại.

Nhưng họ phải chủ-trương như thế để giữ vững chủ-nghĩa toàn-vẹn và để chống đối với tất cả những sự thật mới-mẻ mà nhân-loại đã tìm ra. Đức Giáo-Hoàng sáng-suốt hơn, rộng rãi hơn, tiền-bộ hơn, không có thái-độ kỳ-thị đối với những tư-tưởng mới-mẻ, những chủ-nghĩa đối-lập, không binh-vực những giáo-lý đã lỗi thời, nhưng luôn luôn làm sáng tỏ bộ mặt nhân-ái của Chúa, luôn luôn củng cố những sức mạnh tinh-thần của đạo và tin-tưởng rằng loài người chỉ tranh-đấu để đoàn-kết, chỉ xung-đột để hòa-ái, rồi cuộc rối cũng chung sống trong tình Thương. Chúa chỉ mong có thế, chỉ mong được thế. Và mỗi năm tới ngày Giáng-Sanh Chúa sẽ ban phước lành cho Nhơn-loại.

Sau ngày hội Công-đồng năm nay một luồng gió mới đã thổi qua để cho Lễ Giáng-Sanh thêm long-trọng.

THIỆU-SƠN

điều mừng

★ MY-SƠN

Ý ngọc lời châu nhạc lạ-lùng
So dây xao-xuyến cả không-trung
Cần khôn nắn nốt đàn sang cả
Mười triệu đường tơ trời điệu mừng.

Thơm nước trầm bay theo gió bay
Bảy màu thiên-kieu nhuộm hoa mây
Chim muông so cánh thành tân-vũ
Tinh-tú quên xoay một phút này.

Nhân-loại nghe chừng ai viếng thăm
Đất khô sa-mạc bỗng nứt mầm
Không-gian rực sáng vì sao lạ,
Tự thủy cùng chung chỉ một lần

Hoan-hỉ trường-sơn khê chuyển mình,
Sóng trùng-dương đệm nhịp cung-nghinh
Mầm xuân nở giữa đời đông lạnh
Thiên-sứ đem lời cũng ngạc-nhiên !

Tự buổi tạo-thiên chỉ một lần
Trái chín hoa chào chẳng đợi xuân.
Muôn hành-tinh-hệ ngừng xoay hẳn,
Là phút Ngôi-Hai xuống thế-trần.

(Đà-lạt — Noël 61)



TRÊN BIỂN CẢ (LE NOËL DU COMMANDANT)

● W. LEDERER

★ HOÀNG-THẮNG dịch

TẤT cả nhân-viên thủy-thủ đoàn mới trên chiếc Khu-trục hạm được lệnh tới phòng chỉ-huy của viên hạm-trưởng Elias Stark

Sau vài câu thăm hỏi, viên chỉ-huy liền hỏi địa-chỉ của người thân nhất của nhân-viên thủy-thủ đoàn và ghi vào sổ.

Trong số thủy-thủ này có bốn người đều có tên chữ đầu bằng vắn K. Bốn người này đã có tiếng ba-gai nhất trong đám lính thủy. Đó là Krakow, Kratch, Koenig và Kelly.

Khi bốn «K» đó tiền lại, viên hạm-trưởng ngược mắt nhìn thay cho lời hỏi.

Krakow, cứng đầu nhất bọn, liền chỉ Kelly, Kratch và Koenig rồi nói:

— Thưa hạm-trưởng, bọn chúng tôi bốn người đều không có gia-dình. Cha mẹ không, vợ con không và họ hàng cũng không.

Viên chỉ-huy trưởng liền chặn lời.

— Và các chú chỉ có «mèo» thôi phải không?

Hạm-trưởng Stark hít một hơi dài chiếc tàu thuộc lá rồi nhả nha nói thêm:

— Các chú có thể nói cho tôi hay tên và địa-chỉ những người con gái mà các chú thường liên-lạc để tôi ghi vào hồ-sơ được không?

Bốn thủy-thủ «K» liếc nhìn nhau băn khoăn.

— Thưa hạm-trưởng, Krakow lên tiếng, chúng tôi thiết tưởng tên, họ và địa-chỉ của các cô gái mà chúng tôi quen biết đâu có quan hệ đến đối cấp chỉ huy phải lưu-ý tới!

Krakow ngưng lời vì Kelly kéo tay y về nói nhỏ vài lời.

— Vâng, Krakow nói tiếp với giọng chậm biêm, nếu hạm trưởng cần muốn biết rõ những «bồ bịch» của chúng tôi, tôi sẽ nói để hạm-trưởng được biết.

● Đây là câu chuyện có thật, do một cựu thủy-thủ trong ngành Hải-quân Hoa-kỳ kể lại

Thưa hạm-trưởng, «mèo» của tôi là Rita Hayworth, của Kelly là Gingers Rogers, của Kratch là Lana Turner và của Koenig là Paulette Goddard. Bốn cô này đều ở chung một địa-chỉ: Hollywood.

— Tốt lắm, viên hạm-

trưởng gật đầu nói. Tôi sẽ ghi tên và địa-chỉ của bốn người đàn bà này.

Thôi bây giờ các chú có thể giải tán.

Khi về tới phòng, bốn lính thủy «K» bàn tán om sòm về câu chuyện vừa xảy ra. Kelly cất tiếng hát — bài hát không hề soạn trước — rồi Krakow, Kratch và Koenig phụ-họa theo. Khi người này hát thì ba người kia im lặng lắng tai nghe. Bốn điệp-khúc của bốn ca kể lại câu chuyện viên hạm trưởng đã cố ý tìm hiểu địa-chỉ những cô mèo của nhân-viên thủy-thủ đoàn.

Sự thật, viên chỉ-huy chiếc khu-trục hạm hỏi nhân-viên dưới quyền mình địa-chỉ của người thân cận nhất của họ chỉ để — ba tháng một lần — gửi một bức thư ngắn-ngủi về cho gia-dình họ để báo tin sức khỏe của nhân-viên thủy-thủ đoàn của mình.

Đại để những lá thư đó như sau:

Thưa Bà,

Cậu con trai John của Bà vẫn mạnh khỏe. Nếu cậu ta chịu khó cạo râu luôn và chịu

khó chú ý tới quần áo của mình một chút nữa thì cậu ta sánh kịp với người chỉ-huy trưởng đấy!

Tôi vẫn coi John như một viên xạ-thủ xuất-sắc nhất của nhân-viên thủy-thủ đoàn.

Nếu có dịp, trong vài tháng nữa, Bà sẽ nhận thấy cậu con trai của Bà nặng thêm tới 6 ký nữa.

Xin bà nhận nơi đây lòng tôn kính của tôi.

Elias Stark
Đại-Úy Hạm-trưởng

Vào tháng 9-1943, chiếc khu-trục hạm được đưa tới xưởng đóng tàu Brooklyn để xem xét lại toàn thể.

Hầu hết nhân-viên thủy-thủ đoàn được nghỉ phép đi chơi. Riêng viên Đại-Úy Hạm trưởng ở lại tàu. Trong suốt thời gian đó không một ai biết viên chỉ-huy của mình làm gì mà cần gấp như thế, nhưng mỗi lần đi qua cửa buồng của ông ta, mọi người đều thấy vị chỉ-huy của mình đang cầm cùi viết, khối thuốc lá nơi chiếc tàu tỏa ra nghi ngút.

Tất cả lại càng ngạc-nhiên hơn nữa khi họ thấy có độ mười gói hàng được chuyển lên tàu trước khi con tàu lại ra khơi.

Cho tới khi chiếc tàu ra biển cả thì những gói đồ đó đã lên tới non một trăm.

Bọn bọn « K » sáng - tác những bản hát, đại ý ám chỉ những gói đồ đó chỉ toàn là tạt lưa, thuốc lá, rượu whisky, thuốc men mà viên chỉ-huy sẽ đem bán chợ đen bên nước Anh. Những số tiền lời này sẽ dư sức để cho viên chỉ-huy tậu lâu đài để nghỉ dưỡng-sức một khi chiến-tranh chấm dứt.

Nhân-viên thủy-thủ đoàn bắt đầu xăm-xi bàn-tán. Họ đặt câu hỏi những gói hàng đó là những thứ gì. Tại sao viên hạm-trưởng lại giấu kỹ thế. Họ còn nghi ngờ viên chỉ-huy trưởng của mình là một tay trùm buôn lậu và những gói hàng kia chắc là thuốc men đã ăn trộm được trong kho của Thủy-quân.

Nhưng đến khi nhìn người chỉ-huy của mình vẫn luôn luôn nghiêm-nghị và bình-thản, họ lại cảm thấy câu

chuyện họ bàn tán là vô lý.

Vào giữa tháng chạp, chiếc khu-trục hạm được lệnh theo hộ-tống một đoàn tàu vận-tải chở dầu sáng máy bay.

Trong lúc đi đường, đoàn tàu đã gặp bão. Suốt một tuần lễ, tất cả thủy-thủ đoàn không hề chớp mắt được một phút vì sóng biển nổi dữ dội và khi đó, đã có những chiếc tàu ngầm của Đức đang lờn vờn rình mò. Thịnh thoảng mặt biển lại bùng sáng vì một chiếc tàu bị nổ tung bởi thủy-lôi của tàu địch bắn trúng.

Cho tới buổi sáng Noël, đoàn tàu mới tới gần mũi phía đông-nam xứ Irlande và được một phi đoàn Không-quân Hoàng-gia Anh bay tới để yểm-trợ.

Biển đã lặng sóng. Tất cả mọi người lúc này mới được ăn một bữa cơm nóng ngon lành. Trừ những người có phận sự, còn lại tất cả đều về phòng ngủ để ngủ bù cho thỏa thích.

Nhưng vào lúc 9 giờ, một hồi kèn thổi rộn-rã đã đánh thức tất cả mọi người dậy. Ai nấy đều cầu nhàu khó

chịu vì chỉ trừ khi có lệnh tác-chiến mọi người mới phải dậy.

Mấy phút sau, giọng nói của hạm-trưởng Stark oang oang trong các ống loa:

— Đây là chỉ-huy trưởng hạm-đội. Tôi biết rằng các bạn, đang mệt mỏi và đang ngủ ngon giấc, nhưng hôm nay là ngày lễ Noël, có rất nhiều quà đang chờ đợi các bạn do gia-đình các bạn gửi tới.

Sau đó viên chỉ-huy khu-trục hạm nói rõ nơi để các gói quà tặng.

Lời tuyên-bỏ trên đã như một quả bom nổ tung một cách mãnh liệt. Mọi người hơn hờ vùng chạy tới nơi đã chỉ-định.

Khắp nơi trên boong tàu, mọi người ngồi cắt giầy buộc, xé bao giấy... Họ vừa quệt nước mắt vì cảm động vừa reo to lên, báo cho các bạn bè hay những món quà họ có.

Riêng bốn chàng « K » thì không tìm thấy quà của họ. Bốn người đứng vào một số, mặt nhăn nhó nhìn đồng bạn đang hơn hờ với gói quà của mình.

— Hừ, Noël, Koenig nói, đúng là một dịp để cho bọn nhẹ dạ tiêu phí đồng tiền.

— Tôi không cần cậu phải khoe với tớ chiếc đồng hồ đeo tay kia, Krakow cười nhếch miệng trước mặt người thầy - thủ đang hân - hoan ngắm nhía chiếc đồng hồ mới. Nếu tớ cần, tớ tự bỏ tiền ra mua lấy.

Một người thầy-thủ trẻ khệ nệ mang một gói đồ lớn, miệng oang oang :

— Đây là quà của vị-hôn thê gửi cho tôi. Giờ đây tôi mới hiểu tại sao Hạm-trưởng lại muốn biết tên của nàng.

— Ô ! Krakow vội kêu lên và nắm tay Kelly giật mạnh. Có phải chính chúng ta cũng có cho Hạm-trưởng hay tên và địa-chỉ mề của chúng ta không ?

Kratch cười mĩa :

— Cậu nói Rita Hayworth, Lana Turner, Paulette Goddard và Gingers Rogers phải không.

— Đúng như vậy, và tại sao chúng ta không nhận được món quà nào cả ?

— Phải đi tìm «ông Già» mới được.

Cả bốn «K» chạy tới phòng

viên chỉ-huy.

— Thừa hạm-trưởng, Krakow làm bộ lễ-phép nói, thiết chúng tôi đã đến quây rầy hạm-trưởng lúc này. Mọi người trên tàu đều nhận được quà do nơi họ đã nói cho hạm trưởng biết tên và địa-chỉ...

Viên Đại-Ủy hạm-trưởng nghiêm-nghị nhìn bốn người rồi nói :

— Anh không nhận thầy rằng đó là một sự bất ngờ lý-thú à ?

— Nhưng, chính chúng tôi cũng có cho địa-chỉ và tên mà không nhận được gì cả.

— Các chú không nhận được gì cả ? Viên hạm-trưởng dịu-dàng hỏi lại.

— Thừa không. Tất cả đều nhận được trừ chúng tôi. Thật là cả một sự thiên-vị.

Viên chỉ-huy hạm-đội đứng dậy, miệng nói :

— Có mấy gói quà mà tôi tự hỏi...

Vừa nói, ông tiến tới phòng ngủ của mình, lật tấm mền bọc lên để lộ ra một đồng hồ.

—Ồ, có một gói của tôi kia, Kelly rú lên và định nhào tới lấy.

Viên hạm-trưởng Stark vội

cán y lại. Ông cảm những gói đồ lên và trao cho từng người một.

— Và bây giờ nếu các chú muốn, cùng tôi ra dự lễ cầu-nguyện cho ngày Chúa Giáng Sinh cùng với thầy-thủ đoàn.

Dứt lời, viên chỉ-huy bước ra phía cầu tàu.

Bồn «K» vội vàng xé bao đồ. Krakow vội vã hơn, lấy dao găm cắt đứt băng quấn quanh gói đồ. Y thấy một chiếc hộp rất đẹp đựng đôi găng tay bằng len đen.

Krakow vội thử luôn và reo lên :

— Tuyệt, thiết là vừa vặn.

Ở trong hộp còn có thứ khác nữa : tấm hình một người đàn bà đẹp lộng lẫy, mặc áo hồ cỏ. Phía sau tấm hình có hàng chữ viết tay :

Anh Joe Krakow thân mến,

Tôi đã cố ý đan đôi găng tay này tặng anh bởi vì tôi chẳng có ai là bạn, cả ngoài anh ra ở trong ngành Thủy-Quân Mỹ.

Tôi ước mong rằng đôi găng tay này sẽ làm cho anh được ấm áp và anh được hưởng một Noël vui vẻ ở một nơi nào đó mà anh đang ở.

Người bạn gái của anh,
Rita Hayworth

Joe Krakow vội tìm khăn tay trong túi nhưng không tìm thấy.

— Còn các cậu. Các cậu nhận được món quà gì thế. Krakow hỏi.

Koenig đáp :

— Mình nhận được chiếc vi và một tấm hình của Paulette Goddard.

Kelly được một cây viết máy và một tấm hình của Gingers Rogers, còn về phần Kratch, anh chàng được Lana Turner gửi tặng một cón dao (canif) và một tấm hình của nàng.

Cả bốn «K» dẫn nhau ra chỗ cầu tàu nơi hạm-trưởng đang đứng trước micro, quyền Thánh Kinh mở rộng nơi tay.

— Thừa Hạm-trưởng... Krakow lên tiếng.

— Không phải lúc, viên chỉ-huy trả lời không cả quay đầu lại nhìn.

Rồi sau đó viên chỉ-huy khu-trục hạm tuyên bố sẽ nói về ý-nghĩa ngày lễ Noël.

Khắp mọi chỗ : trong nhà bếp, trong hầm máy, nơi phòng lái, từ nơi mũi tàu cho tới đuôi tàu, 250 nhân-

viên chú ý lắng nghe viên chỉ-huy đọc lịch-sử ngày lễ Thánh-Đản.

Khi đọc xong, ông ta bảo mọi người nhích lại gần ông để cùng hát một vài bản Thánh ca thích hợp với ngày lễ.

Bọn «K» tiến lại gần. Krakow vội nói:

— Thưa hạm-trưởng, xin cho chúng tôi giúp người.

— Đó không phải là việc của anh!

— Nhưng thưa hạm-trưởng, chúng tôi muốn tặng người như một món quà Noël.

— Như món quà Noël cho tôi? Viên Hạm-trưởng mơ màng n i. Thôi được, tôi bằng lòng. Tôi tin rằng mọi người sẽ bằng lòng buổi hát tập thể trong buổi lễ này.

Chúng ta bắt đầu sao đây? Bọn người thủy-thủ ngược nhìn viên chỉ-huy rồi lại nhìn những tâm hình và quà tặng mà họ đang giữ chặt trong tay. Họ đứng hợp lại quanh chiếc micro. Krakow ho một tiếng, rồi bằng một giọng trầm trầm, y nói:

— Các bạn! Đây là Koenig, Kelly, Kratch và tôi — Krakow — nói với các bạn.

Ngày hôm nay, ngày lễ Chúa ra đời, chúng ta sẽ đồng ca một bản hợp với lúc này.

Hắn ngưng lời dơ tay áo quệt mắt và mũi rồi dơ tay như một nhạc-trưởng và cả bọn bắt đầu ca:

« Đêm yên tĩnh,
Tất cả đều ngủ ngon giấc,
Không một tiếng động... »

Tất cả thủy-thủ đoàn cùng cất tiếng ca vang. Viên hạm-trưởng cũng tiến lại chỗ bọn ca sỹ đứng, đầu ông hơi cúi xuống và cất giọng cao hòa theo họ.

Bản ca như át hẳn tiếng gào của biển cả lẫn tiếng máy kêu âm âm dưới hầm tàu. Trong khi bản hát chuyển tới điệp-khúc thứ ba thì từ trong đám mây đen, thấp, vụt hiện ra một con chim lớn. Con vật đậu trên cột cờ, vỗ mạnh đôi cánh lớn rộng và kêu lên như muốn cùng được hát chung với mọi người bản ca Noël.

« Các bạn tôi bảo tôi, đó là con chim Hải Âu, nhưng riêng tôi, mặc dầu mắt nhắm lại, tôi cãi với họ đó là một vị Thiên-thần.

Lẽ dĩ nhiên câu chuyện trên đã xảy ra 17 năm rồi và tôi cũng chưa lấy gì làm già. Nhưng với cái tuổi đó, tôi đã biết nhận-định rõ ràng một Thiên-thần cũng như chắc chắn rằng tên tôi là Joe Krakow. »

HOÀNG-THẮNG dịch

★ Vô-Quang-Vien

TRƯỚC ĐÂY VÀI
NGÀN NĂM AI

ĐÃ LẠI VIẾNG

QUẢ
ĐẤT
?

NGÀY xưa, Lưu Nguyễn khi ở Thiên thai về, ngạc nhiên thấy cảnh nhà thay đổi, vạn vật không còn giống như lúc ra đi. Chuyện cổ tích giảng rằng một ngày tiên giới dài bằng mấy thế-kỷ ở thế-gian. Cách giảng này chỉ có tính cách hoang đường cho đến một ngày gần đây, với thuyết EINSTEIN, tính chất co rút của thời gian được đặt ra và khiến ta suy tưởng lại về những ngày vui chơi của hai chàng trai ở chôn non bồng. Thật vậy, môn cơ học tương đối của EINSTEIN dạy rằng: trong một hỏa tiễn bay với tốc độ lớn, thời gian trôi chậm hơn là thời gian ở mặt đất. Nhà vật-lý học SANGER còn tính một hỏa tiễn bay với một độ gia tốc 9,8 thước/(giây)², nghĩa là bằng độ gia tốc của trọng lực quả đất, chỉ mất có

42 năm là chạy ra đèn được biên thủy vũ trụ hiện biết. 42 năm trong hòa tiền này tương đương với 3 tỷ năm ánh sáng (tốc độ ánh sáng là 300 ngàn cây số/giây) đối với con người ngồi nhìn ở mặt đất. Vậy thì nếu Lưu Nguyễn được đi chơi một vòng trên một hòa tiền bay với tốc độ lớn thì trường cũng dễ hiểu khi về lại mặt đất hai chàng thầy cảnh vật thay đổi.

Giảng như vậy là cần phải đặt giả thuyết một hòa tiền hay một con tàu vũ trụ đã đưa hai chàng Lưu Nguyễn đi chơi. Ai dám cam đoan thời Lưu Nguyễn, một con tàu vũ trụ đã được chèn ra trên mặt quả đất? Giả thuyết đặt ra chỉ để thỏa mãn tính hay lý luận của người thường muốn tìm hiểu căn nguyên của một câu chuyện hoang đường. Nhưng, trở lại với tính chất cơ rút thời gian trong thuyết EINSTEIN, ta cũng có thể tưởng tượng một con tàu vũ trụ từ một hành tinh xa lạ nào một ngày trước đây đã không ngại đường xá xa xôi lại thăm quả đất ta. Ở đây cũng chẳng có chứng cứ

gì rõ rệt để chứng minh giả thuyết. Tuy nhiên, hiện nay trên mặt đất có biết bao tàn tích để gieo một mối nghi ngờ cho những nhà khoa-học thường hay nghĩ tới các nhà phi hành thuở trước đã dùng chân trên mặt đất.

● Vì sao dân tộc Inca biết được lịch sao Kim?

Trên bờ hồ Titicaca, nằm trong dãy núi Andes bên Nam Mỹ, ở cao độ 4 ngàn thước, một dân tộc thật là văn minh trước đây đã vang bóng một thời: dân tộc Inca. Theo các nhà địa chất học, trước đây vài chục hay vài trăm ngàn năm, một cuộc biến thiên vĩ đại đã biến một vịnh bể ra làm hồ Titicaca. Hiện nay nhiều vết tích rong biển và hàu hên đang còn thấy được. Đặc biệt là người ta đã khám phá ra những phế tích một hải cảng! Thật là kỳ dị, nhất là hải cảng ấy nằm cạnh tầng cổ Tiaganaco, cạnh những tảng đá khổng lồ mà người ta không hiểu làm sao người thời ấy mang được lên cao như vậy. Trong các di-tích của

MỘT BỨC BÍCH HOA ĐO NHÀ KHẢO CỔ HENRI LHOTE KHÁM PHÁ RA ĐƯỢC NĂM 1956 TRONG CÁC ĐỒNG TÁPILI BÊN BÀI SA MẠC SAHARA



tầng cổ Tiaganaco, người ta lại tìm ra được một cuốn lịch khác thường, khắc trên một cái cửa bằng đá đặt tên là «Cửa Mặt Trời». Theo các nhà khảo cổ, đặc biệt theo BEL-LAMI và JIROV, cuốn lịch này xưa nhất trên mặt đất. «Cửa Mặt Trời» tính ra cũng

dựng lên cách đây 12-15 ngàn năm! Trong cuốn lịch ấy, chu kỳ gồm có 290 ngày, có thể gọi là «năm» (so với dương lịch 365 ngày). Chu kỳ chia ra làm 10 «tháng» 24 ngày và 2 «tháng» 25 ngày. Chắc chắn là không phải lịch quả đất vì cách đây 15 ngàn

năm, quả đất quay xung quanh mặt trời cùng một tốc độ như hiện nay. Vậy thì cuốn lịch ấy thuộc về một hành tinh nào đây. Từ ngày được khám phá ra, cuốn lịch hầu như bị bỏ quên vì không có ai giảng được. Cho đến cách đây một năm, dùng phương pháp từ điện học, người ta đo được tốc độ tự quay trên mình của sao Kim là hơn 9 ngày quả đất một tí. Như vậy nghĩa là một ngày Kim tính dài xấp xỉ hơn 9 ngày quả đất. Giáo sư KAZANTSEV tính ngay : vì một năm Kim tính dài bằng 225 ngày quả đất, trong một năm Kim tính có $225 : 9 \dots = 24 - 25$ ngày Kim tính. Nếu tính như dương lịch có 12 tháng trong một « năm » 290 ngày thì trong năm ấy có 10 « tháng » 24 ngày và 2 « tháng » 25 ngày, đúng như trong cuốn lịch Tiaganaco. (Đề ý là trong dương lịch cứ 4 năm thì có một năm nhuận 366 ngày, hiện tượng này giống với tính cách bất thường của cuốn lịch trên.) Nếu là tình cờ thì cũng thật là lạ thường. Nhất là người Inca

tin rằng dân tộc mình do những người lạ lấy tên là « Con Mặt Trời » từ xa lại gây nên. Lẽ tất nhiên ta không thể kết luận vội nhưng một câu hỏi đầu tiên được đặt ra : vì sao dân tộc Inca biết được lịch sao Kim ?

● Vì sao người ta không tìm ra được viên văn thạch Podkamenaya ?

Năm 1956, nhà khảo cổ LHOPE khám phá ra được trong các động Tassili bên bãi sa mạc Sahara nhiều bức bích họa thuộc thời tân thạch. Trong những bức tranh vẽ tả chân khá kỳ dị ấy, LHOPE nhận ra một con người cao 6 thước, áo quần tương tự các nhà phi hành vũ trụ và đặt tên là « Đức Chúa Hòa tinh ». Ai đã có ảnh hưởng lên các bức tranh ấy ? Bên Ấn-độ, trong động Bohistan có hình vẽ nhiều mũi tên nối liền quả đất và sao Kim. Theo bản đồ vũ trụ vẽ ngay ở dưới thì hình này cũng được vẽ cách đây đã 14 ngàn năm. Bên Xibêri nhiều hình vẽ khác cách đây

4 ngàn năm lại hình dung những tinh vân xa xăm. Hai vệ tinh của sao Hỏa đến năm 1877 mới được khám phá ra mà trước đây các dân tộc xưa đã nói đến... Những ý thức này bắt nguồn từ đâu ?

Trên khắp mặt đất hiện nay người ta tìm ra được nhiều chất giống như chai, gọi là tectit. Những chất này có mang theo những nguồn phóng xạ như các chất đồng vị nhóm 26 hay berilium 10. Những chất tectit không phải do núi lửa phun ra vì người ta tìm ra được khắp mọi nơi, đặc biệt ở Libi, Ấn-độ và Úc châu. Nhưng những chất tectit không giống các văn thạch ; một đằng vì cách rải rác trên mặt đất, một đằng không phải đã có từ lâu trên quả địa-cầu, những chất tectit cũng không thể rơi theo các viên văn thạch được. Tuy nhiên, các chất tectit chỉ có thể ở vũ trụ vào quả đất vì nếu phát xuất từ trong quả đất thì phải có một nguồn nhiệt và tia phóng xạ vô cùng lớn ! Nhiều giả thuyết đã được nêu ra để thử giải thích cách cầu tạo

các chất tectit. Người thì cho một viên văn thạch khổng lồ đã chạm vào cung trăng, người thì cho quả đất đã chạm vào một cái đầu sao chổi nên mới sinh ra các chất tectit. Dù sao, làm thế nào mà lại có các chất tectit hiện nay trên quả địa cầu ?

Nói đến văn thạch thì có một viên khá lạ thường đã rơi bên miền Xibêri. Ngày 30-6-1908, một hiện tượng lạ lùng đã diễn ra ở phía bắc thành phố Irkutsk. Các địa chấn ký ở Irkutsk, Tachkent và Iena đều có ghi một chuyển động mạnh. Nhiều người kể lại đã thấy một luồng sáng cực kỳ và sau đây một đám mây hình tai nằm. Nhà bác học POLKHOV dự kiến từ xa tả hiện tượng như một cuộc nổ dữ dội, tương-tự một cuộc động đất. Ông cũng có thấy một đám mây kéo lên cao độ khoảng 20 cây số. Rồi thì mây kéo đen nghịt, mưa đổ trong đêm, nhưng trời vẫn sáng, có thể đọc báo được tuy không có trăng. Tại chỗ, một vùng đường kính 60 cây số bị tàn phá. Ở giữa, các cây thông

vẫn đứng thẳng nhưng đều trụi cành, trụi lá và chôn sâu xuống thêm một thước như ai đã lấy vỏ đập vào đầu cây. Xung quanh, cây cối đều bị nhỏ lên và sắp nằm chia ra ngoài trông như một bánh xe khổng lồ. Tới nay người ta thường gọi là hiện tượng vẫn thạch Podkamen-naya. Nhưng lạ thay không khi nào người ta đã tìm ra được viên vẫn thạch ! Xét lại các nhà khảo cứu không cho là hiện tượng vẫn thạch nữa. Nhất là khảo sát trong dân chúng, họ còn thấy nhiều người bị đau sau hiện tượng ấy, giống như những bệnh thác loạn sinh lý sau các cuộc nổ nguyên-tử. Tìm kiếm tài-liệu trong các đài thiên văn, họ thấy đài Tatraska bên Tiệp-khắc ngày hôm ấy có ghi thấy một viên vẫn thạch bay qua bầu trời và tiến lên phía Bắc nhưng không nhắm hướng Irkoutsk, và tốc độ lại rất kém: dưới một cây sô/giây trong khi các vẫn thạch thường di chuyển rất nhanh, hằng chục cây sô/giây. Xem xét tại chỗ, nhà khí động học MONOZ-KOW lại kết luận nếu là vẫn

thạch thì phải nặng tới một tỷ tấn mà thường người ta chưa từng thấy một vẫn thạch lớn như vậy. Và nếu thật là một viên vẫn thạch thì đi đâu mất rồi ? Phải chăng một cuộc nổ nguyên tử đã xảy ra mà nếu phải thì ai đã gây nên ?

● Vì sao ở Balbek có hiện đá khổng lồ ?

Ngang đây tưởng cũng cần nhắc lại những giả thuyết của giáo sư AGREST mà cách đây hai năm, báo chí đã có dịp bàn đến nhiều. Theo ông, hai thành phố Sodome và Gomor-rhe đã bị một ngọn lửa đặc biệt thiêu-hủy, ngọn lửa ấy do một cuộc nổ nguyên-tử phát ra. Loth và gia-đình đã được thiên sứ cho biết để tránh đi nhưng vợ Loth vì ngó lui đã bị biến thành tượng muối. Thật ra, cũng theo lời giáo sư, cả vùng đều được báo trước, nhân dân phải núp và đừng dòm ngó cuộc nổ, những ai không vâng lời đã bị mù mắt hoặc chết. Thập kỷ còn nói tới « mưa lửa và lưu huỳnh ». Phải chăng đây là nhiên liệu của một hỏa tiễn khi khởi hành ?

Giáo sư AGREST cũng đặt câu hỏi về các tảng đá khổng-lồ dài 20 thước, nặng một ngàn tấn ở Balbek bên xứ Libăng. Những tảng đá ấy đã được nâng lên cao 7 thước, với kỹ thuật nào ? Theo một tài liệu từ năm 1896, người ta có nổi lên một tảng đá kích thước 21 x 4,8 x 4,2 thước, phải cần 40 ngàn người mới xê-dịch được, hiện đang còn nằm trong hốc đá. Ai cắt những tảng đá này, để làm gì ?

Trước báo nhiều câu hỏi oái-oăm, giáo-sư đưa ra giả thuyết cách đây khá lâu, tuy vẫn nằm trong vòng lịch-sử, một chiếc tàu vũ-trụ đã lại gần quả đất. Khi đến cạnh 36 ngàn cây-sô, chạy trên một quỹ đạo 24 giờ (nghĩa là đứng yên so với mặt đất vì chạy xung quanh quả đất cùng tốc độ quay của quả đất là 24 giờ) các nhà phi hành xa-lạ cho rút tốc độ bớt lại, biến tàu vũ-trụ thành vệ-tinh của quả đất. Họ phóng xuống mặt đất nhiều chất nổ để bắt đầu cuộc thám hiểm. Chính những chất nổ này khi chạm với mặt đất đã gây nên những chất tectit nói trên. Sau đây, họ cho tàu vũ-



« ĐỨC CHÚA HÒA TINH »

trích trong một bức bích họa tìm ra được trong các động Tassili bên bãi sa mạc Sahara

trụ hạ dần xuống mặt đất, gây nên những chuyện thần thoại, hoang đường trong dân chúng đã thấy thiên sứ từ trên Trời xuống. Những hỏa tiễn hồi đó khi vận dụng cũng có thể gây nên nhiều chất tectit đóng lại trong một khoảng lớn như các cánh đồng tectit bên xứ Libi. Xuống đến mặt đất rồi, họ chế nhiên liệu ngay với các nguyên liệu

của quả đất, gây những cuộc nổ nguyên tử để khảo cứu cấu tạo quả đất (phương pháp rất thông thường hiện nay, người ta cũng đang tính cách áp dụng lên cung trăng), xây những đài bắn hỏa tiễn, những đài kỷ niệm... mà hiện đá ở Balbek là một?

Khi giáo sư AGREST cho ra các giả thuyết trên, phản ứng khắp hoàn cầu rất mãnh liệt. Nhiều người cho các giả thuyết ấy chỉ là «những lời phỏng đoán viễn vông», trách nhà bác học đã «lợi dụng khoa học để dựng lên những chuyện hoang đường». Nhưng giáo sư thì không tin rằng các giả thuyết của mình là vô lý và đề nghị phương pháp kiểm tra thực nghiệm.

● **Vì sao khách vũ trụ chưa trở lại thăm quả đất?**

Theo giáo sư thì phải rất thận trọng trong cách thông diễn những chuyện thần thoại cổ tích cũng như phải nhận định không phải bất cứ chuyện gì lạ thường trên mặt đất cũng dính dấp tới các nhà phi hành trong các giả thuyết của ông.

Chương trình kiểm tra thực nghiệm mà ông đưa ra gồm có 4 điểm :

1) Xung quanh miền Biển Chết, ngoài câu chuyện Sodom và Gomorrhe nói trên, còn có nhiều chuyện thần thánh khác cũng cùng một đề mục. Vậy thì cần phải tìm trong vùng ấy những vết tích các đồng vị phóng xạ đặc biệt của một cuộc nổ nguyên tử. Cũng cần phải khảo sát các thủ bản tìm được trong Biển Chết để xem thử có một tang chứng gì không về các nhà phi hành vũ trụ. Những tin tức đầu tiên là người ta đã khám phá ra được một ít phóng xạ bất thường ở các vùng Rachi, Dariat và trong bán đảo Sinai bên Ai-Cập.

2) Trong miền Biển Chết có nhiều đền đài. Cần phải xác định một cách chắc chắn tuổi tác các đền đài ấy, nhất là đền đá Balbek. Luôn tiện cũng cần phải khảo sát những thành phố ở đáy Biển Chết.

3) Tuổi tác của chất tectit hiện nay chưa được rõ. Có người cho là vài triệu năm, có người bảo chỉ là 5 ngàn năm thôi. Một phương pháp

đo lường mới dựa trên nguyên tắc nhiệt quang có thể đem áp dụng vào các chất tectit. (Nguyên tắc : khi một vật đã nóng chảy được đem đun nóng dần thì phát ra một luồng ánh sáng do các điện tử bị cấm tù trong vật gây nên, một định luật đích xác liên kết cường độ ánh sáng và tuổi tác của vật). Ngoài ra cần phải khảo cứu kỹ cánh đồng tectit bên xứ Libi mà hình dạng tương tự một nơi đã chứng kiến một cuộc nổ nguyên tử.

4) Sau cùng, phải khảo cứu lại kỹ tất cả các câu ghi chú trên các đền đài có thể có dính dấp ít nhiều với các nhà phi hành vũ trụ.

Cũng theo giáo-sư AGREST, cuộc du hành giữa các hành tinh xa cần phải khoảng 10 ngàn năm. Nếu thật có những nhà phi hành ngày xưa đã lại viếng thăm quả đất thì hiện họ đang ở trên đường về hành tinh họ. Đối với họ trong hóa tiễn thì chỉ vài chục năm thôi nhưng đối với ta thì là hàng ngàn năm. Vậy thì nếu họ có trở lại cũng phải đợi vài ngàn năm nữa. Có một điều chắc chắn là nếu có người vũ trụ đã lại viếng thăm quả đất thì thề nào cũng có để lại một vết tích gì. Ngày nào ta tìm ra được vết tích ấy thì nền văn minh nhân loại sẽ tiến được một bước dài.

VÕ-QUANG-YẾN
(Paris)



★ **DANH NGÔN**

● Thường rất khó nói sự thật cho người khác ; khó hơn nữa là mình tự nói sự thật cho mình.

(Il est souvent difficile de dire la vérité aux autres ; il est encore plus difficile de se la dire à soi-même).

PHƯƠNG NGÔN

bức tường ô nhục

★ HOÀI-VIỆT (Paris)

Tôi ghét những bức tường
Che chở phường trọc-phú
Đố no say, đây dối khổ khôn lường.

Tôi ghét những bức tường
Ngăn đường cản lối
Biết làm sao tìm tới bóng giai-nhân...

.
Nhưng lòng còn tức giận
Nhưng dạ còn oán hờn
Trăm ngàn lần
Muôn triệu lần
«Bức tường ô-nhục» chia Đức-Quốc làm hai

Vợ một nơi!
Chồng một nơi!
Mẹ một nơi!
Con một nơi.
Bao nhiêu là máu chảy
Bao nhiêu là lệ rơi
Trên hoa,
Trên lá,
Trên đá,
Trên vôi,
Thấm sâu vào lòng đất
Đỏ sẫm giầy thép gai
Vì ai?
Cho ai?
Ôi «Bức tường ô-nhục»
Ô-nhục quá Trời ơi!

nuôi tiêc

★ HỮU-PHƯƠNG

Vắng bóng em rồi tôi đứng yên
Ngần sâu như một kẻ vô duyên
Chiều nao ngơ-ngác hồn riêng mảnh,
Dối bóng mây tan hợp cuối miền.

Dấu còn in đó rõ chia ly,
Sóng vọng bờ xa gió cuốn đi
Trên quãng đường xưa em có biết,
Hân-hoan đàn én đã bay về

Bóng em mắt hút vào muôn phố
Đề lại lòng tôi mấy khoảng trời
Hoa bướm mùa xuân khoe sắc thắm,
Sầu tư tôi biết gửi vào ai.

Thơ ngây còn rõ mắt em trong
Đôi má lúm tiêc em thấy không
Xuân đã một lần đi cách biệt
Trong tôi còn ứng sắc mây hồng.

(1962)



**BÍ MẬT TRONG
« PHÉP LẠ FATIMA »**

**ĐỨC MẸ
CÓ TIỀN TRI**

**B O M
NGUYÊN - TỬ
CHẶNG ?**

?

★ TẾ - XUYỀN

BÍ MẬT TRONG « PHÉP LẠ FATIMA »

NHỮNG phép lạ trong giới Công-giáo từ trước đến giờ xảy ra rất nhiều, khoa-học không thể nào giải thích được. Như chuyện bà Thérèse Neumann vừa từ trần ngày 18 tháng 9-1962 tại Bavière mà dân chúng đã gọi là bà « Thánh sùng » vì trong 40 năm nay bà chẳng ăn gì, ngoại trừ miếng bánh Thánh chừng 2 gờ-ram mỗi ngày ; mỗi thứ sáu bà thiếp đi và sống trở lại cuộc Thương-khó của Chúa, cho mọi người thấy những tia máu tiết ra ở hai mắt và những dầu đánh đóng ở chân tay. Đời của bà « Thánh sùng » trong 40 năm nay đã làm xôn xao dư-luận và đã có cả triệu người đến thăm viếng làng bà để được chứng-kiến tận mắt.

Ngoài việc trên đây còn những hiện-tượng kỳ-dị khác nữa mà giáo-hội đã ghi được từ trước đến giờ, xin thuật lại vài vụ sau đây :

Năm 1917 trong khi cuộc Thê-chiến thứ nhất đang ác-liệt thì có hai sự kiện đã xảy ra : một việc tự-nhiên là cuộc Cách-mạng tháng Mười ở Nga thiết-lập chế-độ Cộng-sản và

một việc siêu-nhiên là vụ Đức Mẹ Đồng-trình hiện hình ở Bồ-đào-nha với những lời tiên-tri mà sau này người ta suy-gẫm thấy có câu liên hệ đến bom nguyên-tử nữa.

**● BA ĐỨA TRẺ GẶP
ĐỨC MẸ**

Hôm ấy là ngày chúa nhật 13 tháng 5 — 1917, vào 12 giờ trưa.

Đức Mẹ đã hiện xuống cho ba đứa nhỏ Bồ-đào-nha chứng kiến : em Lucia dos Santos, 10 tuổi, và hai đứa em họ của Lucia là François Marto 9 tuổi, Jacinthe Marto 7 tuổi. Ba em này đều là trẻ chăn trâu, không biết chữ.

Vùng diễn ra phép lạ này là vùng đồng hoang vắng Cova da Aria gần xóm Fatima, cách phía bắc Lisbonne chừng 100 cây sô.

Ba chị em đứa nhỏ hôm ấy nghe chuông nhà thờ dõng 12 giờ, bèn quỳ xuống đọc kinh. Đọc xong, ba em tìm trò chơi giải-trí. Bỗng trên trời có lần chớp khiến cho Lucia sợ mưa, vội vàng gom trâu lại để lừa về

trại. Trên đường về, đi được vài bước đã thấy lần chớp thứ nhì trên trời, em Lucia nhìn lên đỉnh một cây sậy, thấy xuất hiện một bà rất trẻ, đẹp, có hào - quang quanh mình. Bà bận một áo dài trắng lộng lẫy, choàng thêm cái áo ngoài viền bằng vàng lóng lánh. Bà đang đứng như cầu kính, bà đưa trẻ hỏi bà thì được bà trả lời.

Trên đây là lời thuật lại của ba em. Dấu trước mặt cha mẹ hay trước vị linh-mục sở tại hỏi các em, các em cũng trả lời đúng nhau và đúng từng chi-tiết. Lucia nói rõ thêm :

— Bà còn hẹn em sẽ đến đây 5 lần nữa, cùng ở chỗ cũ và cùng vào 12 giờ trưa ngày 13 mỗi tháng.

Có một sự trùng-điệp ngẫu nhiên là đúng vào lúc ba đứa nhỏ thấy Đức Mẹ hiện xuống, thì ở La-Mã, Đức giáo hoàng Benoit XV làm lễ tấn phong một giám-mục mới là Đức giám-mục Eugenio Pacelli sau này là Giáo-hoàng Pie XII.

● THÁNG SAU, ĐÚNG NGÀY GIỜ ĐÃ DẶN...

Tháng sau, đúng 12 giờ

ngày 13, ba chị em Lucia đã tới Cova da Aria, có chừng 60 người tò mò đi theo. Tới nơi, bỗng Lucia quỳ xuống, chỉ lên đỉnh cây sậy mà nói : « Kia, Bà đã hiện xuống ».

Cả ba chị em đều ngược mắt nhìn, nét mặt bừng lên như có ánh sáng chiếu vào. Các người đi theo nhận thấy rõ nét mặt dị thường của ba đứa nhỏ và nghe chúng nói nhỏ như đàm-thoại với ai.

Sau đó, cả ba không chịu tiết lộ câu chuyện giữa Đức Mẹ và chúng : « Đó là bí-mật của Trời ! » Lucia chỉ cho hay rằng Đức Mẹ khuyên em phải đi học cho biết chữ.

Tháng sau tức tháng bảy, đúng ngày 13, có tới 5000 người kéo đến Cova da Aria. Lucia bỗng thét lên một tiếng và quỳ xuống vào đúng 12 giờ trưa. Sau đó, em không chịu nói chuyện của em với Đức Mẹ; em chỉ thuật lại đúng có một câu : « Đức Mẹ sẽ làm một phép lạ vào tháng 10 để cho mọi người phải tin em. »

Đến tháng tám, lại ngày 13 số người kéo đến chỗ Đức Mẹ hiện hình, lên tới 15.000

người, nhưng không ai thấy bà đưa trẻ đâu hết. Chúng đã bị viên đốc lý Arthur d'Oliveira Santo bắt giam vì ông ta là người chồng Công-giáo, quyết bắt 3 em nhỏ cái cung, phải khai là 3 em đã bịa đặt ra câu chuyện này. Ông treo tay em Jacinthe (ít tuổi nhất) lên trên lửa và dọa : Mày có khai không, hay là tao đốt chết mày. Em bé la sợ nhưng quyết không cái cung, kết cuộc viên đốc-lý chịu thua và hôm sau trả tự do cho 3 em nhỏ.

Đã lỡ ngày hẹn, ba chị em Lucia cũng gặp lại được Đức Mẹ 6 ngày sau ở Valinhos, nhưng lần này không nghe được Đức Mẹ nói gì.

Tháng chín, lại ngày 13 nữa, số người đi theo 3 em nhỏ lên tới 30 ngàn. Đúng 12 giờ thấy trên trời trút xuống những cánh hoa trắng như mưa tuyết song những cánh hoa tiêu tan trước khi đến mặt đất.

● NGÀY CÓ « PHÉP LẠ » ĐÃ TỚI

Sau chót là ngày 13 tháng 10, ngày Đức Mẹ xuất hiện lần thứ 6 và cũng là ngày Đức Mẹ

hứa với Lucia sẽ ban một phép lạ để cho mọi người tin Lucia.

Phép lạ này đã được một ký giả vô thần chứng kiến : ông Avelino de Almeida, chủ bút tờ báo *O SECULO* (Thế kỷ) là tờ báo chống tôn giáo ở Lisbonne, có khuynh hướng xã-hội cực đoan.

Avelino quyết đến tại chỗ để quan sát và « lật tẩy » câu chuyện mà báo ông cho là « dị-đoan, mê-tín ». Nhưng rút cuộc, ông đã phải ngạc nhiên khi thấy rõ sự thật :

Mấy chục ngàn người chen lẫn nhau và tin tưởng chờ phép lạ trong khi ba chị em con Lucia quỳ dưới gốc cây sậy, cầu nguyện. Hôm ấy có mưa buổi sáng nên trời u ám, tối tăm. Đúng ngọ, bỗng mặt trời lộ dạng, mây đen tiêu tán. Lại sao mặt trời hôm nay khác thường, hơi mờ đi và trông như một miếng bạc tròn xoe. Bất thình lình một ánh sáng lòa phụt chiếu ra như cái đèn rọi. Mọi người la lên : « Phép lạ ! Phép lạ ! » và ai cũng thấy mặt trời rung động, lay chuyển như cành cây gặp giông tố.

Bao nhiêu sự kiện trên đây,

anh ký giả vô thần nhìn thấy rõ và kêu điện thoại tường thuật cho tòa soạn báo anh chiều ngày 13-10-18. Sở báo hôm sau để ngày 15-10-18 đăng rõ những sự quan sát của chủ bút, song không có lời kết luận.

Mười tám tháng sau khi xảy ra phép lạ ấy, một trong ba đứa trẻ bị bệnh cúm, từ trần ngày 4-4-1919. Ngày 20 tháng 2 năm 1920 đèn lượt một em nữa qua đời vì bệnh đau phổi có nước. Lucia là người duy nhất còn sống. Em đã biết trước 2 việc bất hạnh xảy đến cho 2 đứa em nhỏ vì Đức Mẹ đã báo cho Lucia hay trước.

Rồi một hôm có tin Lucia mất tích nốt. Lucia đã đóng vai tuồng cốt yếu trong 6 lần tiếp xúc với Đức Mẹ và đã được nghe Đức Mẹ nói cho nghe vài bí mật của Trời Đất.

Đền đây giáo-hội cho lệnh mở cuộc điều tra về phép lạ mà 3 đứa trẻ đã được thấy trước sự hiện diện của 70.000 người lần chót. Vụ này được mệnh danh là « Phép lạ Fatima » vì xảy ra gần Fatima.

Trước vụ này đã có xảy ra mấy vụ Đức Mẹ xuất hiện nữa:

Năm 1846 tại làng Salette, vùng núi Alpes, hai trẻ chăn trâu đã được thấy Đức Mẹ hiện xuống cho, hay có hai tiếng: « Hồi hận » và « Chịu tội ». Có lẽ Đức Mẹ đã dụng ý báo cho Nhơn-loại biết rằng tội lỗi đã nhiều, cần phải dọn mình chuộc tội.

Tại Lourdes năm 1858, Đức Mẹ hiện xuống 18 lần cho một thiếu nữ tên Bernadette Soubirous được thấy, kể đến một giòng suối tự nhiên bật ra, cho đời một thứ nước linh-nghiệm chữa được nhiều người đau hết bệnh.

Ngày 17-1-1871, Đức Mẹ hiện lên lần nữa ở Pontmain, vùng Bretagne. Thiếu nữ được thấy Đức Mẹ, đã nghe được câu phán truyền như vậy: « Sự giận dữ của Con Ta rất mạnh. Ta không thể kìm giữ cánh tay của Con Ta lâu nữa. »

Sau chót là vụ « Phép lạ Fatima » trong đó Đức Mẹ cho 70.000 người thấy Lửa thay vì Nước như ở Lourdes. Nhân-loại sẽ trải qua những cuộc trừng phạt trong biển lửa chăng?

● VỤ THẢ BOM NGUYÊN TỬ Ở QUẢNG ĐẢO?

Người ta chưa có thể giải hết được những bí quyết ở Fatima. Người ta chỉ biết rằng cô Lucia đã được Đức Mẹ cho phép tiết lộ một số những sự kiện song phải vào lúc thích ứng.

Mười năm sau khi cô vắng mặt mà không ai biết cô đi đâu, cô Lucia đã gọi lần thứ nhứt đến Tòa Thánh (vào năm 1937) hai cuốn tập rồi năm 1942 cô gọi hai cuốn nữa. Trong 4 cuốn ấy nói gì? Tòa Thánh còn giữ bí mật chưa công bố.

Tuy nhiên, cô Lucia trước khi lánh mặt, hồi 1917-1920 đã có cho người lời xóm nghe vài điều mà cô được phép nói:

Năm 1917, cô đã tiên liệu vụ chết của 2 em họ của cô. Cô cũng có lần tuyên bố: « Chiến tranh sắp kết thúc... Song nếu loài người còn làm cho Chúa giận thì một cuộc chiến tranh khác sẽ xảy ra... Xảy ra dưới trào của Đức Giáo-hoàng sau. »

Lời tiên tri này đúng vì

dưới trào Đức Giáo-hoàng Pie XII đã xảy ra Thế chiến thứ nhì.

Năm 1920, cô Lucia tiên liệu: « Nếu nước Nga không trở về với Chúa Trời, thế giới sẽ chết trong một cuộc khời lửa nổ bùng! »

Cũng năm ấy, cô tuyên-bô: « Nếu ta thấy có đêm nào được soi sáng bằng một thứ ánh sáng vĩ-dại mà chưa ai biết, đó là dấu hiệu của Chúa Trời báo trước sắp có cuộc trừng phạt thế giới bằng chiến-tranh, đói rét và có những cuộc tàn sát chống với Giáo-hội và Tòa Thánh. »

Sau lời cảnh cáo ấy người ta thấy gì?

Trước hết là một thiên tượng vào đêm 26-1-1938; giữa khoảng 21 và 23 giờ đêm một luồng sáng phừng lên chiều xuống miền Tây-Âu. Luồng sáng ấy phải chăng là « ánh sáng vĩ-dại, chưa ai biết » mà cô Lucia đã tiên liệu theo lời phán của Đức Mẹ hiện hình? Hay là « ánh sáng vĩ-dại » ấy ám chỉ trái bom nguyên-tử đầu tiên thả xuống Quảng-đảo?

Các nhà tôn giáo đoán câu trên đây mỗi người mỗi khác.

Có người cho rằng câu ấy tiên - liệu kỷ - nguyên của nguyên tử lực. Có người nhắc đến trận nội chiến Tây-ban-nha xảy ra vào cuối năm 1938 (sau khi có thiên-tượng đêm 26-1-1938) rồi kéo đến Thế chiến thứ nhì.

● ĐỨC MẸ CÒN XUẤT HIỆN HỒI 1950 NỮA

Việc Đức Mẹ xuất hiện gần hơn hết là vào ngày 30-10-1950 Theo lời tiết lộ của Đức Hồng-Y Tedeschini thì hồi 4 giờ chiều hôm ấy, Đức Giáo-hoàng Pie XII đi dạo bằng xe Cadillac, khi Ngài về tới tư-dinh, vừa xuống xe bỗng nghe có tiếng gọi từ trên không vọng xuống. Ngài ngược mắt nhìn lên thấy bàn

tay của Đức Mẹ mở ra rồi đèn mặt trời rung chuyển để lộ một bức vẽ về cuộc đời trên Thượng giới... Đức Giáo hoàng nhìn vào bức vẽ ấy, thông cảm ngay là một lời truyền phán của Chúa Trời. Lời truyền phán ấy nói gì? Đức Giáo hoàng giữ bí mật vì Ngài không được Chúa cho linh phổ biến.

Trở lại vụ «Phep la Fatima» người ta được biết rằng cô Lucia sau khi có tin mất tích, đã vào tu tại nhà tu kín ở Pontevedra (Tây ban nha) và sau thành bà phước Dorothee.

Bà phước Dorothee giữ bí mật những lời Đức Mẹ đã nói với bà mấy chục năm trước, nên không một ai được biết ngoài Tòa Thánh ở La-Mã.

TẾ-XUYẾN



★ CHỜ

— Tôi có cái tính hễ gã chủ nợ viết thư dục tiền, là tôi thôi ngay không trả nữa.

— Nhưng nếu gã ấy lại không viết thư cho anh?

— Đã thế thì tôi lại chờ cho bao giờ gã viết thư lại dục!

TỔNG-SI



(Tiếp theo P.T. 94)

★ NGUYỄN VỸ

MẤY hôm sau, cô Hoa, học trò lớp Nhì, không đi học nữa, và anh «planton» nhà trường có thóc-mách cho học trò biết rằng Thầy Trợ giáo Lớp Nhì bị «Conseil de Discipline» (Hội đồng kỷ-luật) của các giáo-sư và ông Hiệu trưởng khiển-trách nặng-nề. Ít lâu sau thầy bị đổi đi tỉnh khác. Theo mấy cậu học trò ở Huế cho biết thì Thầy-giáo và cô học-trò cả hai đều quê-quán ở Đê-đô, đã vội vàng làm lễ cưới tại đây trong kỳ nghỉ hè năm ấy.

Thà như thế thì hơn! Vì giá như trò Tuấn không trông thấy hai bóng Ma ở Mả-vôi trong một đêm tối trời, thì biết đâu cuộc tình-duyên vụng-trộm của

thầy giáo và cô học trò lớp Nhì sẽ có thể đổ bể tùm-lum ra nữa mà hậu quả sẽ tai hại biết bao nhiêu!

Vụ «thầy trai gái với trò» làm xôn-xao dư-luận ở Học đường và cả thành phố suốt một tháng trời, và thỉnh thoảng người ta còn ưa nhắc lại. Nhưng riêng trong đám nữ-sinh, không hề có một lời bình phẩm. Các cô mặc-cờ. Không ai bảo ai, nhưng tất cả đều giữ thái độ hoàn toàn im lặng trước tai tiếng ấy. Có lần Tuấn dựa hơi quen thân với bốn cô lớp Nhứt, Trâm, Anh, Lại, Thục, đánh bạo hỏi các cô:

— Sao, các cô có bệnh vực con nhỏ học trò lớp Nhì với Thầy trợ Liên không?

Tức thì cô Anh khẽ đánh vào cánh tay Tuấn một cái đau đing : Anh này kỳ quá ! Hỏi chi chuyện nó ?

— Hỏi cho biết chơi !

Nhưng không cô nào muốn trả lời. Tuấn mới kể lại câu chuyện gặp ma (kể lần thứ ba, thứ tư...) và cười giỡn, cố ý tạo ra không-khí thân-mật hơn đề các cô thỏ lộ vài câu tâm sự. Mai khuya gần đi ngủ, cô Trâm mới vừa ngáp vừa nói :

— Có con Hoa nó thành yêu, thành tịnh như vậy, chớ con gái gì mà lằng-loằng thế bao giờ.

Cô Lại cắt ngang :

— Ối ! Nói làm chi chuyện xấu-xa đó mà nói hoài !

Tuấn lại hỏi cô có lưng quần đỏ và giày lưng đỏ. Cô này theo Đạo Thiên-Chúa.

— Còn cô Thục, cô nghĩ sao ?

Thục đỏ mặt tía tai, hai mí mắt cứ chớp chớp lia-lịa. Cô mắc-cở, không nói. Hỏi mãi, cô mới trả lời :

— Chúa không tha cho những tội-lỗi như vậy đâu.

Tóm lại, thân-lắm mới được nghe các cô nữ-sinh tỏ bày « quan-điểm », và tất-cả đều cương-quyết kết tội thầy trợ

Liên và cô học trò lớp Nhì.

Cả thành-phố không có được một người đàn ông lên tiếng bào chữa cho thầy trợ giáo, hoặc một người đàn bà, một cô gái, bênh-vực cho cô học-trò lớp Nhì.

Trong hoàn-cảnh « thuần-phong mỹ-tục » của xã-hội Việt-Nam 1924, như vừa phác-họa, thật không có chỗ cho một cuộc tình-duyên tự-do hay lãng-mạn. Tôi đã nói : thể-hệ ấy chưa dám dùng chữ « **yêu** », và chưa ai dám thực hiện tình « **yêu-đương** » công khai.

Đôi « trai gái » chỉ nói « **thương** » nhau. Chữ « **thương** » ấy có thể chứa đựng một cảm-tình thiết-tha, nhưng vẫn lén-lút, giữ-gìn, sợ-sệt. Cho nên có câu thông dụng « **thương vụng nhớ thầm** » và truyền thống tình-cảm ấy vẫn chặt-chẽ ở Trung-kỳ cũng như ở Bắc-Kỳ và Nam-Kỳ, trong đám trí-thức và thanh-niên Tây-học cũng như ở Hương-thôn. (1)

Bây giờ tôi xin kể chuyện một

(1) Các bạn sẽ đọc trong một chương sau một vụ « **Bạn và Vợ** » làm sôi nổi dư luận của Thành phố Hà nội, năm 1932 suốt một tháng trời.

Thầy trợ giáo lớp Năm, thật là buồn cười. Không phải là một vụ trai-gái, mà là một vụ « **Cộng-Sản** ». Năm 1924, Cộng-Sản đã bắt đầu tuyên-truyền bí-mật trong các giới gọi là « **trí-thức** », nhất là Giáo-giới. Dĩ-nhiên là « **Quan Tây** » và « **quan An-Nam** » không hề biết một tý gì về các sự kiện ấy, cũng như họ chẳng biết gì về hai tờ báo *Le Paria* và *Việt-Nam-Hồn* (của Đảng Độc-lập Việt-Nam ở Pháp, hoàn-toàn không có dính-líu gì với Cộng-sản cả).

Trong toàn-thề Giáo-sư và trợ giáo ở Qui-nhơn, chỉ có mỗi một thầy Trợ lớp Năm là theo lý-thuyết Cộng-Sản, và thầy hiểu Cộng Sản với ý-nghĩa tuyệt-đối giản-dị là « **tất cả của cải đều là của chung** ». Chính trò Tuấn cũng được Thầy lớp Năm rủ đến nhà thầy chơi, và thầy tuyên truyền. Hình như không những riêng ở nhà Trường, mà kể cả thành phố Qui-nhơn, chỉ có mỗi một thầy Trợ dạy lớp Năm là theo Cộng Sản, nghĩa là theo chủ trương như thầy thường tuyên bố, là : « **Của đời muôn sự của chung** ». Không có vật gì là riêng của ai cả.

Thế rồi một hôm, có một anh

thợ chụp-hình (tuy là người thợ chụp-hình duy-nhất trong thành phố, nhưng tiệm anh vẫn nghèo nàn) đến xin vô đảng, và nói : « **Tôi cũng xin theo làm Cộng Sản đệ-tử của Thầy** ».

Thầy mừng quá, và khi anh thợ chụp-hình đã biết trước rằng thầy có một cái máy chụp-hình mới mua, anh hỏi : « **Thầy đưa cho tôi cái máy đó để tôi dùng được hông ?** ». Trung-thành theo thuyết Cộng Sản của thầy, thầy vui-vẻ đưa máy cho anh thợ chụp-hình. Hai hôm sau, một Thầy Thông làm việc ở Sở Thương Chánh, đến nói với thầy :

— Tôi đến xin làm đệ tử Cộng-sản của Thầy đây.

Thầy trợ vui mừng nhận người đệ-tử mới. Nhưng thầy Thông Thương Chánh biết nhà Thầy có một máy hát và 20 đĩa hát cải-lương, thầy bảo thầy Trợ :

— Thầy đưa cái máy hát và 20 đĩa hát cải-lương cho tôi về vặn nghe chơi.

Thầy Trợ rất sốt-sắng trao máy-hát và 20 đĩa cho người đệ-tử Cộng-Sản của thầy, cũng như thầy đã trao máy chụp hình cho anh « **đồng chí** » thứ nhất.

Dần dần, trong 3 tháng, số

người xin « làm Cộng-sản » với thầy trợ rất đông, và mỗi người đệ-tử mới đến đều xin của Thầy một món đồ : từ cái « đồng hồ trái quít » đeo tòn-ten trên túi áo, cái đồng-hồ báo thức đặt trên bàn trà, cây dù, cái mũ, cho đến chiếc lư và hai cây đèn đề trên bàn thờ Ông-Bà. Các đảng-viên Cộng-Sản của thầy lấy đồ-đặc của thầy mà không đem trả, và họ cũng không đưa các đồng chí khác đề thay phiên nhau dùng, theo lời Thầy dặn.

Nói đúng sự thật, thì thầy rất hạnh diện đã kết nạp được một số « đồng chí Cộng-sản » khá đông và thầy rất vui vẻ, sốt-sắng thực hành đúng theo đường lối chủ trương Cộng-Sản của Thầy, là trao hết các đồ dùng trong nhà Thầy thường ưa thuyết cho trò Tuấn và các trò khác nghe rằng Cộng-Sản là như vậy đó, và nếu trên đời này ai ai cũng chia của đồng đều cho nhau đừng ai tham lam giành-giữ một mình thì sẽ có « Thế-giới đại-dồng ».

Một hôm, cô Trợ than phiền rằng tất cả quần áo, chén, đĩa, nồi đồng, mâm thau, Thầy đã

chia cho hàng xóm mỗi người một mớ đồ họ đem về nhà dùng làm « của chung », đến nỗi bây giờ ở nhà chỉ còn mỗi một cái nồi đất mà thôi. Thầy Trợ cười bảo :

— Cộng là chung. Sản là của. Cộng Sản là của chung. Của mình tức là của chung hết thiên hạ. Vợ của tôi, ai xin tôi cũng cho.

Cô Trợ tức mình và xấu-hổ, ôm mặt khóc hu-hu cả một buổi chiều. Thế rồi có một anh chàng đẹp trai, con thứ bảy của một ông Thầy Thuốc Nam — anh ta đang soạn tuồng cải-lương và định lập một gánh hát cải-lương Bình-định, — buổi chiều đó lò-dò đến nhà Thầy Trợ xin vào đảng Cộng-sản. Thầy mừng-rỡ đón tiếp và nhận anh làm đồng-chí, bảo cô Trợ pha trà đãi người đảng viên mới. Uống xong một tách trà nóng, đồng-chí cải-lương tùm-tùm cười bảo :

— Thưa Thầy, thầy cho tôi mượn cô Trợ về ở với tôi có được không ?

Thầy Trợ cười, hạnh-diện :

— Được chứ. Của đời muôn sự của chung. Của tôi, tôi phải chia cho người khác dùng. Của anh cũng vậy. Mình là Cộng-

sản, phải thực-hành lý-thuyết đó chứ... Nhưng anh mượn vợ tôi rồi phải trả lại cho tôi nghe hông?

Đồng-chí cải-lương cứ tùm-tùm cười :

— Dạ.

— Chừng nào trả ?

— Dạ, chỉ vài ba tháng, cô trợ giúp tôi lập gánh cải lương xong rồi tôi trả, vì nghe nói cô trợ có giọng ca tứ-dại-oán nghe mê.

— Ừ, phải, vợ tôi ca tứ-dại oán thì hay kinh hồn. Anh muốn mượn vợ tôi thì tôi sẵn-sàng cho mượn, nhưng ba tháng anh phải trả lại tôi nghe hông ?

— Dạ. Thầy nói đúng quá. Vậy mới đúng là Cộng sản chứ hỉ !

Cô trợ nằm trong buồng, nghe rõ câu chuyện, khóc thút-thít, nhưng không biết nghĩ sao, cô vùng đứng dậy, xách nón ra bảo chồng :

— Cơm chưa nấu, nghe ! Cái nồi đất bể rồi. Thầy chịu khó đi ra chợ mua cái nồi khác về nấu cơm. Tui đi với anh này.

Nói xong, người đồng-chí mới của thầy T chào thầy rồi cùng với vợ Thầy ra đi.

Nhưng câu chuyện đến đây gần chấm dứt. Vì sáng hôm sau thầy trợ T đến nhà người đệ-tử để bắt vợ về. Thế là có cuộc cãi lộn, rồi đánh lộn. Vợ thầy trợ T ại xách nón ra đi, và lần này đi mất biệt, không ở với anh bầu Cải-lương mà cũng không trở về nhà ông chồng « Cộng-sản ».

Kể đó, phong-trào Cộng-sản của thầy trợ T tự-nhiên giải-tán. Thầy T cũng bị đòi đi tỉnh khác. (1)

N.V.

(1) Chuyện này đúng sự thật 100 phần 100, cũng như tất cả các chuyện trong sách này.

(còn nữa)



★ DANH NGỒN

● Một quả tim không lý tưởng cũng giống như một bầu trời không tinh tú.

(Un cœur sans idéal est comme un ciel sans étoiles)

PHƯƠNG NGỒN

LỮ - GIA

trong lịch - sử

VIỆT - NAM

(Tiếp theo P.T. 94)

Chúng tôi đã dùng một vài sử liệu để nhận xét về quan điểm của ông Nghiêm-Thâm, đến đây, chúng tôi sẽ không theo lối ấy, mà lại đi thẳng vào các lý luận của ông, nhận xét giá trị của các luận lý ấy. Chúng ta sẽ thấy rằng ông Nghiêm-Thâm đã lý luận một cách rất là kỳ lạ, nghĩa là tiền đề đã không ăn thua gì với kết luận, và không có một chút gì mạch lạc trong lối luận lý của ông. Chúng tôi thử rút ra hai thí dụ về cách ông lý luận trong một đoạn ở phần kết luận:

• Thí dụ thứ nhất, ông Nghiêm-Thâm trình bày một kết luận như sau:

— Người ở Nam Trung-hoa không phải thuộc Hán tộc

★ NGUYỄN ĐỨC CUNG
● TRẦN VINH ANH

— Họ là người Nam-Man

— Kết luận: «Vậy thì nhà Triệu làm vua ở một nước gồm có các người có thể gọi là cùng một giống với người Việt.»

• Thí dụ thứ hai:

— Nước Nam-Việt gồm có cả Âu-Lạc — tức Bắc-Việt ngày nay.

— Thời ấy vấn-đề biên giới chưa ổn định

— Kết luận: «Vậy có thể coi nhà Triệu là một giòng họ đã làm vua ở nước ta vào thời thượng cổ; lúc đó gọi là nước Nam-Việt».

Hai thí dụ trên là do chúng

tôi rút ý trong lập luận của ông Nghiêm-Thâm rồi sắp theo thứ tự của ông, chứ không phải ông đã viết theo lối trình bày của chúng tôi. Lý luận như thế có đúng không, có chặt chẽ, có hợp lý không, kết luận ấy có thể nhận được không? Chúng tôi xin nhường độc giả phẩm bình. Chúng tôi chỉ xin có một ghi nhận, đây là tiến trình luận lý như đã thấy chẳng theo một phương pháp nào, chẳng ăn nhập gì với nhau cả. Cái sau chẳng do cái trước mà ra, thì sao lại có thể dùng chữ «Vậy», hay «Vậy thì» được. Chúng tôi thấy có rất nhiều điểm đáng đề ý, và xin nêu một điểm làm điển hình, để chứng tỏ rằng ông Nghiêm-Thâm thiếu thận trọng, do đó ông đã tự mình đi vào chỗ sai lầm. Đây điểm chúng tôi muốn nói đến: «...nhà Triệu là một giòng họ đã làm vua ở nước ta vào thời thượng cổ; lúc đó gọi là nước Nam-việt».

Chúng tôi đã trích nguyên văn lời ông Nghiêm-Thâm, bây giờ chúng ta thử phân tích. Chúng ta đã biết rằng nước Nam-Việt gồm có đất Nam-hải và Tượng-quận. Tên Nam-Việt này có trước khi Triệu-Đà đô-hộ đất Tây-âu-lạc, sau khi Nhâm-Ngao chết,

Triệu-Đà đánh chiếm các miền dưới quyền của các trưởng-lại, ông cai-trị đất Nam-hải, nhưng thay vì giữ tên ấy, Triệu-Đà đổi Nam-hải ra Nam-Việt, và đất Tây-âu-lạc được coi là thuộc vào Nam-Việt. Ông Phạm - đình - Khiêm cũng đã nói: «Triệu-Đà đánh được An Dương-Vương rồi sát nhập nước Âu-lạc vào quận Nam-Việt», chúng ta thấy rõ rằng nước ta không phải là nước Nam-Việt, mà chỉ là một thuộc địa của Triệu-Đà, như là thuộc địa của nước Tàu về các triều đại sau này, nếu ta xem rằng Tây-âu-lạc là đất Bắc-Việt ngày nay.

Thêm vào đó, Triệu-Đà chỉ đô-hộ đất chiếm được của nhà Thục, chứ nào có làm vua nước ta, dù là vào thời thượng-cổ.

Một nhân-vật có uy-tín và cũng là một nhân-chứng của phiên-tòa, ông Đào-dăng-Vỹ, lên tiếng bênh-vực thêm cho Lữ-Gia. Nhân-chứng này đưa ra mấy điểm:

• «Tôi cũng tin-tưởng rằng Việt-Nam ngày xưa bao gồm cả mấy Tỉnh miền Nam nước Tàu, rồi sau này chúng ta bị mất, và nhiều nhà anh hùng như Lý-

Thường-Kiệt, Nguyễn-Huệ đã đường như muốn đòi lại. Biết đâu tương-lai sẽ đem về cho nước Việt-Nam chúng ta cái gì đã mất, cũng chưa biết chừng!»

— Ông đồng-ý với ông Nghiêm-Thầm trong việc cho rằng dân các tỉnh miền Nam nước Tàu giống người Việt («... những người ở các tỉnh miền Nam nước Tàu họ giống người mình hơn là người Hán.»)

Và cuối cùng ông đề-nghị dùng bàn đến vấn-đề biên-giới quốc-gia vì sợ sẽ đi quá xa chủ-đề của phiên-tòa, và nên «nhận cái giả-thuyết là Việt-Nam» rồi dựa trên giả-thuyết ấy để kết thúc vấn-đề Lữ-Gia. Kể đó ông đã ca-tụng «Lữ-Gia là một đại anh-hùng dân-tộc», do đó «ta nên cho ông ta là một người Việt từ hồi đó.»

Trong nhận-xét của chúng tôi, thì ông Đào-dăng-Vỹ đã không đồng-ý chút nào với ông Nghiêm-Thầm, trái lại ý-kiến của hai ông nghịch hẳn nhau là khác nữa. Ông Nghiêm-Thầm nói: «Vương-quốc này gồm có các tỉnh Quảng-đông, Quảng-Tây, Phúc-Kiến và cả nước Âu-Lạc của nhà Thục.» Chúng ta

thấy rõ chữ «Vương-quốc» ở đây là chỉ nước Nam-Việt của Triệu-Đà, nước ấy gồm lưỡng Quảng, Phúc-kiến, cộng thêm Âu-lạc, nghĩa là Âu-lạc chỉ là một phần phụ thuộc vào Nam Việt.

Ông Đào đăng Vỹ trái lại cho rằng «Việt Nam ngày xưa bao gồm cả mấy Tỉnh miền Nam nước Tàu», như thế theo ông phần đất Nam Trung-hoa lại trở thành phụ thuộc vào đất Âu-lạc (nếu nói đất này là Bắc Việt). Nước Nam Việt khác xa nước Việt-Nam, chúng ta không được phép lầm lẫn điều này. Nghĩa là phải phân biệt rõ hai trường hợp:

— Nước Nam-Việt gồm có...

— Nước Việt-nam gồm có...

Lại nữa, chữ «Nam Man» người Tàu dùng không phải ngụ ý rằng tất cả các dân ở những tỉnh miền Nam Trung-hoa là thuộc về một giống Ông Nghiêm Thầm đã hiểu lầm, bây giờ ông Đào-dăng-Vỹ lại cũng đi theo vết bánh xe của người trước, đề nghị định một cách quá dễ dãi: «họ giống người mình hơn là người Hán». Chúng tôi thắc mắc về chữ «mình» của ông

Đào-dăng-Vỹ dùng ở đây. «Mình» là chúng ta ngày nay, hay là dân sống trên mảnh đất mà Triệu Đà đã cướp của nhà Thục hay là cả hai? Thật là rối như tơ vò. Nước Việt-nam xưa bao gồm mấy tỉnh của nước Tàu; dân các tỉnh miền Nam Trung-Hoa trước giống mình, thế rồi người Việt-nam ngày nay nên nhận ông Triệu Đà và ông Lữ Gia đặc Tàu kia «là người Việt từ hồi đó». Thật tình chúng tôi không thể hiểu nổi nhân-chúng này muốn nói gì?

Cũng chưa hết, ông Đào-dăng-Vỹ lại đề-nghị «cứ cho giả thuyết nhà Triệu là Việt-Nam» để kết thúc vấn đề Lữ-Gia. Chúng tôi chưa thấy ai nói về lịch-sử một cách gan dạ đến thế!

Ngày nay, lịch-sử đã được coi như là một khoa-học có phương pháp hẳn-hoi, mà đã là một khoa-học, thì lịch-sử không thể nào chấp nhận một giả thuyết chưa được kiểm chứng. Không phải một giả thuyết nào cũng có thể trở thành một sự thực được, cũng như không phải bất cứ một sự-khiện nào cũng có thể được coi-là một sự-khiện lịch-sử. Do đấy, khi một giả thuyết chưa được kiểm chứng thì tất cả

những gì từ giả thuyết ấy suy ra đều không có giá-trị.

Chúng ta đã vừa lạc vào khu rừng rậm đầy những lý-luận mâu thuẫn của phe muốn nhìn nhận Triệu-Đà và Lữ-Gia vào lịch-sử Việt-Nam; giờ chúng ta hãy thử xem ông Nguyễn Ngu-Í đã đưa ra những luận-điểm gì để phủ-nhận sự-khiện mà, hầu hết các nhân-vật tham dự «Tòa án văn-nghệ» đã chấp-nhận một cách hăng-hái.

Trước hết, ông Nguyễn Ngu-Í đồng-ý với ông Bình-Nguyên-Lộc, tác-giả bản «Việt sử trường ca», rồi đến ông Phạm-Hoàn-Mĩ với bài «Nhà Triệu là một triều đại Việt? Lữ-Gia là một anh-hùng dân-tộc Việt?» đã đăng ở Bách-Khoa số 23; Hai ông này từ chối việc nhận Lữ-Gia vào lịch sử Việt-Nam, Nguyễn-Ngu-Í rất tán thành ý kiến đó và do việc phủ nhận nhà Triệu ông cho biết vấn-đề Lữ-Gia không còn là một vấn-đề quan-trọng nữa.

Ông lại nêu nhiều lý-lẽ để cho việc nhận nhà Thục là hợp và từ chối nhà Triệu là phải lẽ. Chúng tôi xin tóm tắt một số lý-lẽ cốt yếu như sau:

— Về nhà Thục, ông cho

rằng trường hợp Thục-Phán đánh Âu-lạc khác việc Mãn-châu hay Mông-cổ đánh Trung-hoa trước kia vì bộ lạc của Thục-Phán cũng trong giòng Bách-Việt. (ông cho rằng dân Việt cũng thuộc giòng này); việc thứ hai là kinh-đô nhà Thục ở trong đất « ta », tức là ở Cồ-loa; dân hai nơi Thục và Âu-lạc sống hòa đồng cùng chung số-phận.

— Về nhà Triệu ông nói rằng Triệu-Đà không vì dân ta mà hành-động, trái lại ông chỉ vì dân Nam-Việt, hành-động của Triệu-Đà lại chỉ là hành-động của một kẻ xâm-lược đối với dân đất thuộc-địa; nước Âu-lạc của ta chỉ là một phần nhỏ phục-thuộc vào Nam-Việt; Triệu-Đà dùng văn-hóa Tàu để biến ta thành người Tàu; Triệu-Đà chống nhà Hán chỉ là vì quyền-lợi riêng và Lữ-Gia giữ Nam-Việt chỉ là vì họ Triệu.

Tóm lại ông cho rằng, dân-tộc ta bị nô-lệ và nước ta bị nhà Triệu đô-hộ, như đã bị người Tàu, người Pháp đô-hộ. Do đấy ông không nhìn nhận nhà Triệu và Lữ-Gia vào lịch-sử Việt-Nam.

Sau đấy, lúc nghe ông Vũ-Hạnh xác định lại những căn bản lý-lẽ của ông, ông Nguyễn-Ngu-Í lại lên tiếng. Lần này ông đặt vấn-đề quốc-tịch của

Triệu-Đà và Lữ-Gia nữa, mà nêu ra một điểm đáng lưu-ý, đấy là nhìn nhận ảnh-hưởng của Triệu-Đà, như nhìn nhận ảnh-hưởng của người Pháp sau này, khi họ đô-hộ Việt-Nam. Người Pháp có rất nhiều ảnh-hưởng trên dân-tộc Việt-Nam nhưng chúng ta có xem họ như là người Việt đâu. Dù rằng lịch-sử Việt-Nam vẫn ghi nhận những việc làm của người Pháp.

Nhân chứng này còn đưa ra một câu hỏi đại để: Nếu nước ta gồm cả phía Nam nước Tàu thì sao kinh-đô lại không ở hẳn bên Tàu, như Triệu-Đà đã làm, mà lại có kinh-đô là Phong-châu? Câu hỏi này được ông Thái-Bạch trả lời một cách rất tức cười rằng: sự chọn Phiên-ngung làm đô của nước Nam-Việt là một điểm tiến-bộ của Triệu-Đà. Chúng tôi xin trả lời ông Thái-Bạch ở điểm này, trước khi nhận xét vài ý kiến của ông Nguyễn-Ngu-Í.

Triệu-Đà không hề chọn Phiên-ngung làm kinh-đô, trái lại đấy là ý kiến của Nhâm Ngao — là một quan của nhà Tần cai-trị Nam-hải với chức Úy. — Ông này lúc sắp mất đã khuyên Triệu-Đà nên biệt lập ra một cõi, và khuyên Triệu-Đà nên chọn Phiên-

ngung làm căn cứ (Phiên-ngung nhà Hán còn gọi là Nam thành). Việc này *Đại-Việt sử-ký Toàn-thư* ở quyển I, tờ 9b có đề cập đến. Tuy nhiên chúng tôi thấy rằng *Toàn-thư* hình như đã lấy trợn của *Tiền Hán thư* (quyển 95, tờ 8), mà Ban Cố cũng lại đã mượn của *Sử-ký*; và cũng có thể cho rằng *Toàn-thư* đã lấy trực-tiếp từ *Sử-ký* của Tư-Mã Thiên, cho nên chúng tôi trích *Sử-ký* để làm chứng cho điều chúng tôi nói trên. Đây những lời Nhâm Ngao nói với Triệu-Đà:

« Phiên-ngung phụ sơn hiểm trở, Nam-hải đông tây sở thiên-ly, phả hữu Trung-quốc nhân tương phụ, thử diệc nhất châu chỉ chủ địa, khả dĩ lập quốc. Quận trung, Trường lại vô túc dữ ngôn giả, cổ triệu Công cáo chi. » (1) Chúng tôi xin tạm dịch đoạn văn phiên-âm từ *Sử-ký* như sau:

« Phiên ngung dựa vào núi non hiểm trở, đông tây Nam hải có vài ngàn dặm, và lại có người Trung-quốc giúp đỡ, đấy cũng là châu trọng yếu, có thể từ đó lập nước được. Các Trường lại trong quận không có ai đáng để bàn chuyện, cho nên tôi mời Công đến để mách bảo cho điều đó ».

Chắc chắn là sau khi đọc đoạn văn vừa trích dịch, không ai còn có thể khen ngợi sự tiến-bộ của

Triệu-Đà nữa, trong việc ông lựa chọn nơi đóng kinh-đô cho nước Nam-Việt. Chúng ta đã đi khá xa vấn-đề chính, xin hãy quay trở lại với những điểm của ông Nguyễn-Ngu-Í mà chúng tôi nhắc đến ở trên.

Chúng tôi hoàn-toàn đồng ý với ông Ngu-Í trong việc phủ nhận nhà Triệu và Lữ-Gia trong lịch sử Việt-Nam, tuy nhiên về các chi tiết mà ông đã đưa ra, có nhiều chỗ chúng tôi quan-niệm khác hẳn. Chúng tôi xin đàn cử một thí dụ: ông Ngu-Í nhìn nhận nhà Thục trong lịch sử Việt-Nam, ông dẫn nhiều lẽ để nhìn nhận; còn chúng tôi thì lại rất hoài nghi về nhà Thục. Chúng tôi không thấy có chứng cứ gì để nói rằng bộ-lạc của Thục Phán là cùng trong một giòng Bách-Việt cả. Đã có nhiều người cố đi tìm để xem thử họ Thục từ đâu đến, thuộc vào giòng dân nào, và không ai đi đến kết luận hoàn hảo cả. *Sử sách* xưa khi nói đến họ Thục cũng chỉ đề cập bằng danh-từ « Thục vương tử », ngoài ra không cho chúng ta tia sáng nào trong việc tìm hiểu về nhân-vật này hết. Chúng ta đã không biết gì về « Thục vương tử », thì làm sao nói được đất đai cũng như dân số của ông ta là ít hay nhiều.

(1) *Sử-ký*: quyển 113, 1.
(con tiếp)

đông lạnh

★ **CẨM - THỦY**
(Bến-Ngự - Huế)

Mùa đông thấm lạnh tận lòng,
Lạnh bao em bé giữa giòng cô đơn.
Gió đông reo vụn oán hờn,
Gió reo, reo mãi từng cơn u hoài.
Nghe như tiếng khóc lạc loài,
Nghe như tiếng nấc đoạn đoàn tâm can.

Lạnh mùa đông ! Hỡi mưa đông !
Đừng rơi thêm nữa cho lòng tái-tê,
Chiều nay mưa gió lê thê,
Cầm tay chị hỏi : Em về nơi mô ?
— Ngày em đi khắp Huế-đô,
Tối về nương nấu bển đò Đông-Ba.

Thân mồ côi ! kiếp mồ côi !
Đau thương phủ trọn lấy đời trẻ thơ.
Về đây em hỡi chị chờ,
Bên lò lửa ấm ta mơ thái-bình.
Về đây chung một tấm tình,
Cầu mong cho ánh bình-minh trở về.

về yêu kiều

★ **TRẦN-TUẤN-KIỆT**

« Áo xiêm khanh tướng trong thiên hạ
Rớt lại chưa đầy mắt mỹ nhân »
PHẠM-THÁI

Sóng gợn trời trăng đêm loáng sương,
Thủy ngân khua lạnh tiếng em buồn.
Đêm thâu thời khắc tuôn sầu nhịp,
Thi-ĩ lẽ hồn mộng vẫn vương.

Một quả tim si dốt mắt cuồng,
Như người nước Sở ngùi quê hương.
Say trăng chàng Lý ghêêu ngao hát,
Ta lánh bụi đời mê sắc hương.

Em chủ vườn hoa Hạnh của Trời
Ta người lưu lạc giữa đêm rơi.
Non sông thăm đậm bùng mây lửa
Em hé bờ mi sáng rực đời.

Trăng biếc xanh và mộng thấm son
Thềm sương hoa lộng gót em tròn.
Vi-vu gió bắc lửa cơn mộng,
Môi chớm yêu đào diềm dấu son.

Em chuốc rượu người má ửng hây,
Bao nhiêu người khách rượu nồng cay ?
Đời Em xuân-sắc mờ tro bụi,
Nào sá chi bao chén rượu đầy !

Anh đón Em về giữa giấc mơ,
Giữa cảnh vườn sương phủ mặt-mờ.
Vệ nữ thần ôi ! Em có biết
Anh ngồi trong mộng nói bằng quơ.



một giấc mơ hoa

★ DUYÊN-HỒNG

(Tiếp theo P.T. 94)

★ Thứ Hai 30 5-1960 - 10 giờ đêm.

Trưa nay đi học về, mong chóng đến nhà để thực-hành lối bói của chị Thu vừa mới «truyền» Đạo này ở trường, phong trào bói bài, bói chữ ký, xem chỉ tay, xem chừng thịnh-hành ghê! Không biết «thọ giáo» ở đâu mà Sửu nó xem tay Hồng, bảo «Hồng đang

MỘT GIẤC MƠ HOA

có người yêu, là nhiều tình cảm, là thông minh» và nhiều câu đúng lắm, mà Hồng không nhớ nữa!

Sáng nay, lúc giờ chơi, mấy đứa tụi năm, tụi ba lại gieo quẻ «cầu gia đạo» lung tung. Mỗi nhóm biết một kiểu bói khác nhau, và nhiều kiểu quá khiến Hồng quýnh lên không biết nên học kiểu nào trước, và kiểu nào hay hơn. Giờ chơi thì ít mà nhất định Hồng phải học cho được một kiểu để về bói cho... Hải ngán chơi.

Đi xem qua một vòng, Hồng thấy kiểu của nhóm chị Thu là «dễ thương» nhất. Thế là Hồng đầu lại ở nhóm chị Thu và nhờ chị ấy «truyền nghề». Chị Thu bảo: này nhé, muốn biết ai thương ai, ai ghét ai, thì cứ viết tên họ của 2 người ra thật rõ ràng không được viết tắt, rồi lần lượt gạch bỏ những chữ giống nhau của cả hai tên (làm theo phép triệt-tiêu trong đại-số), còn lại những chữ, toàn là những chữ không giống nhau. Thí dụ còn 13 chữ, chúng mình ghi số 13 rồi đề đó, đoạn gạch một chữ thập to, mỗi đầu chữ thập tiêu biểu cho một tình cảm của mình; rồi cứ đếm vòng theo kim đồng hồ hết số 13 ngừng lại ở đâu thì tình cảm của 2 «nhân vật» có tên bói nó sẽ như thế đấy, chắc chắn là như thế, không bao giờ sai (Thu nói có vẻ tin-tưởng lắm).

Tụi Hồng nhào nhào lên: «Nhưng chị làm thử cho tụi này xem đã chứ, lộn xộn quá tụi em làm thế nào nhớ được?» Bà Thu hạnh diện tuyên-bố:

— Này nhé, xem đây nhé!

Rồi Thu viết tên của Thu và của Thảo ra, lần lượt gạch từng cặp chữ giống nhau cho tụi Hồng xem:

Nguyễn Bích Thu
Phan Thị Mộng Thảo

Sau khi gạch bỏ hết những chữ trùng nhau trong hai tên, còn lại ở tên «Nguyễn-Bích-Thu», những chữ: u, y, ê, B, c, u, cộng là 6 chữ, và ở tên «Phan thị Mộng Thảo», những chữ: P, a, th, M, ô, a, ô, cộng là 8 chữ. Thế là tổng cộng tất cả hai tên còn

MỘT GIẤC MƠ HOA

lại 14 chữ không trùng nhau. Xong, Thu gạch chữ Thập, một chữ Thập to-tướng giữa tờ giấy:

Thu bảo Hồng đếm theo chiều mũi tên từ số 1 đến số 14 thì ngưng lại xem là chữ gì.

Cách đếm: 1=tình bạn, 2=tình yêu, 3=thù, 4=lãnh đạm, 5=tình bạn, 6=tình yêu, 7=thù, 8=lãnh đạm, 9=tình bạn

v.v... Cứ đếm mấy vòng như thế cho đến con số 14 dừng lại chữ gì là đúng với tình-cảm theo chữ ấy. Hồng chăm chỉ đếm đến con số 14 thì đúng ngay chữ **Tình Yêu!** Tụi Hồng cười rồ xem tâm-sự của riêng mình, sẽ thấy không bao giờ sai đâu nhé!

Mai thì-thăm bên tai Hồng: đúng quá Hồng nhỉ, chị ấy với bà Thảo bên Trung-Vương thì đúng là 1 cặp rồi!

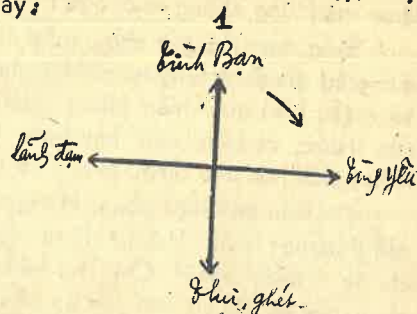
Tiếng chuông reo báo hiệu hết giờ chơi. Vào lớp Hồng cứ nhớ mãi bài bói ấy. Hồng muốn viết ngay tên **Hải** và **Hồng** rồi cũng bói thử xem 2 đứa có đúng là yêu nhau không? Nhưng ngán bà giáo nhìn xuống thấy Hồng «làm việc khác», Hồng sợ bị rầy nên chưa dám «thí-nghiệm» trong lớp.

Trưa nay, vừa về đến nhà, Hồng lấy ngay giấy bút ra bói. Trước khi viết tên, Hồng khấn trong mồm: «Hải ơi, em bói tụi mình đây, vái giời cho quẻ nói tụi mình yêu nhau, yêu chứ không phải là lãnh đạm nhé!» Xong, Hồng viết:

Nguyễn Tuấn Hải

Lê Dương Hồng

Bỏ đi những chữ trùng nhau, thế là còn lại tất cả 10 chữ trong hai tên Hải-Hồng. Hồng vẽ chữ thập:



MỘT GIẤC MƠ HOA

Hồng đếm: 1=tình bạn, 2=tình yêu, 3=thù, 4=lãnh đạm, 5=bạn, 6=yêu, 7=thù, 8=lãnh đạm, 9=bạn, 10=Yêu!

Hồng reo lên: Đúng là Yêu rồi!! Ha! Ha! Hồng vui mừng quá! Hồng sướng mê hồn!

Giá có Hải ở đây bây giờ chắc là Hải cũng vui «tưng-bưng» lên! Hồng nghĩ ngay, thế là tình yêu của Hải và Hồng chẳng những là cao-đẹp, trong-sạch, mà lại còn có sự bằng-lòng của Thần Thánh nữa. Quẻ bói đã nói như thế cơ mà!

Hồng muốn viết thư cho Hải, đề báo cho Hải một cái tin «sensationnel»... Mời Hải chiều thứ Sáu đến nhà, Hồng sẽ mang quẻ bói ra cho Hải xem, và kể cho Hải nghe nhiều chuyện vui-vui của Hồng. Bây giờ thì đi ngủ đã, đêm nay có mỗi một chuyện bói mà Hồng ghi nhật-ký dài ghê! không buồn ngủ tí nào cả nhưng 12 giờ rồi, phải ngủ đề sáng mai còn đi học nữa chứ! Good night anh Hải của em! Đêm nay thế nào cũng gặp anh trong giấc mơ hoa!

★ Thứ ba, 7-6-1960 — 5 giờ chiều
Anh yêu-mến,

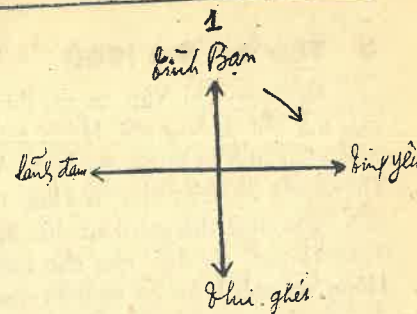
Tuần vừa qua, em có nhiều chuyện vui lắm, em muốn kể anh nghe. Thứ sáu này anh đến em nhé, em không viết ra trong thư là vì em muốn dành lại cho ngày thứ Sáu, cái ngày mà hai anh em mình vẫn thường gặp nhau, vẫn thường viết thư cho nhau, cái ngày mà chúng mình vẫn yêu nhất trong tuần ấy mà. Đến, anh nhé? Hồng mong anh.

Yêu anh nhiều-nhiều-nhiều.

HỒNG

7 giờ đêm.

Định đi nhà giầy-thép đề bỏ thư cho Hải, lại may mắn gặp Thanh! Thế là thư Hồng sẽ đến tay Hải tối nay. Đêm nay không biết Hải có nghĩ gì về Hồng không?



★ Thứ tư, 8-6-1960

Hôm nay chị Vân có cái thư, trông chị ấy vui quá. Hồng hỏi mãi mà chị không nói, Hồng phải làm bộ sượng, chị ấy mới chịu «thỏ lộ tâm-tình»! (chị Vân vẫn chiều Hồng lắm cơ mà!) Thì ra chị ấy được thư ở Huế, thư của anh Tuấn. Chị Vân quen anh Tuấn từ 2 tháng trước, lúc ấy anh Tuấn còn làm việc ở Saigon. Tuấn rời anh ấy đến nhà cho biết là sẽ đi Huế. Trông chị của Hồng và anh Tuấn có vẻ thân nhau lắm.

Hồng muốn trêu chị Vân quá nhưng không tìm ra được câu nào để nói và Hồng nhìn chị Vân cười chúm chím, chị ấy đỏ mặt và gắt Hồng: «cười cái gì?» Hồng nhòe-nhòe lại:

- Ơ hay em đâu có cười!
- Có, chị vừa mới thấy Hồng cười.
- Mà Hồng cười không được à?

Bị hỏi bí, chị Vân cứ Hồng mấy cái, hai chị em cười ầm lên... Vui «quá xá»!

● Chuyện này cũng nên ghi vào đây: Sáng nay, lúc giờ chơi Chị Thu, Sửu, Mai, viết tên Hồng và tên Hải rồi bói, đúng ngay chữ *Tinh-Yêu*. Thế là họ cười rùm lên, làm Hồng thẹn quá đi mất. Rồi chị Thu bảo: «Từ giờ đặt tên cho quẻ bói chữ Thập là «*Quẻ Bói Duyên-Hồng*»».

S Sửu và Mai reo lên: «Hoan nghênh! Hoan-nghênh! danh-từ mới: «*Quẻ Bói Duyên-Hồng*!» Hồng hỏi chị Thu: Sao lại lấy tên em mà đặt tên cho quẻ bói chữ Thập? Thu bảo: «Nói bói quẻ chữ Thập, không có nghĩa gì hết. Nhưng cả lớp tụi mình đây mới đem áp-dụng lần đầu tiên cho Duyên-Hồng và Hải thì rất đúng! Thế là từ nay tụi mình gọi «*Quẻ bói Duyên-Hồng*» thì «*très-à-la-mode*» chứ sao! Mai còn chêm vào: «Cái tên Duyên-Hồng rất là duyên-dáng đem đặt vào đây lại còn gì thích-hợp cho bằng!» Mấy đứa bạn khác ở đâu chạy đến vừa nghe cũng reo lên «O.K. O.K!» rồi cười ầm-ì. Thế là từ nay trong lớp Hồng và cả mấy lớp khác cũng thích chơi «*Quẻ Bói Duyên Hồng*»!! Hồng phải mệt với Hải mới được.

(còn nữa)



I. - TRÍ THỨC CÓ MẶT...

TRONG lịch-sử loài người, sự phát-sinh và trưởng thành của *trí-thức-giới* và của *chất trí-thức* — nếu có thể gọi như vậy — ở Âu-châu và Á đông. đi theo một con đường tiến hóa hơi.. lạ! Nói rằng có hai con đường thì đúng hơn! Hai đường khác nhau cho nên tác-dụng và cứu-cách cũng khác nhau: có lẽ mãi cuối thế-kỷ mười chín, hai con đường ấy mới lăm le gặp nhau chăng?

Mong rằng chưa trễ!



SỨ MẠNG

của nhà

TRÍ - THỨC

trong

LỊCH - SỬ

và

XÃ - HỘI

★ TAM ÍCH

Ở bên Âu-châu, đề-quốc La-Mã sụp đổ, thì Âu-châu sống trong một *lỗ hồng* lớn dài có đến một ngàn mấy trăm năm Phải đợi đến thời Phục-Hưng, (Renaissance) *chất trí-thức phong-phú* lại mới hồi-sinh, và từ thế-kỷ XVII, mới *lộng-lẫy* lần lần.. Vậy là không có liên-tục rồi đây: cái giây đứt, mà đứt khá lâu, và *lỗ hồng* khá lớn!

Trái lại bên Á-đông, khác! Cái giây liên-tục của *chất trí-*

thức á-đông bắt đầu từ thuở tối-tăm nào của loài người : từ Ngũ-đế tam-vương, chất trí-thức đã âm-ấp đầy rồi : hai cái ông Sào-Phủ và Hứa-Do... đã có mặt từ đời Nghiêu Thuấn ! Mà cồ-nhiên : nếu chất trí-thức không đầy âm-ấp thì ông Không - Khâu lấy gì mà « *thuật nhị bất tắc* » ? Không - khâu không phải là một người như Thích - ca Mâu-Ni ngồi ở gốc bồ đề luyện linh-giác đèn chổ tuyệt-diệu, mà cũng chẳng phải như Vương-dương-Minh... chỉ vì ở cảnh hoang-vu cần-cối... mà « *giác* » được thực-thể *lượng-tri*, mà cũng chẳng phải là Nietzsche từ núi Alpes xuống năm 1870... Không - khâu chỉ là một người thông minh tuyệt đối và dày công ngồi trong thư-viện !... Rồi cái giây liên-tục của *trí-thức* á-đông từ đây, cho đến ngày nay, chưa từng gián-đoạn.

Không may cho Á-đông, chẳng phải vì không gián-đoạn mà *chất trí-thức* có quyền hãnh-diện !

Ở Âu - châu, chất trí-thức đèn thê-kỷ thứ XVIII thì có bề sâu và bề rộng :

tác-dụng của nó rất tung-búng nhộn-nhịp. Cuộc cách-mạng dân-chủ năm 1789 bên Pháp vang dội cả Âu-châu và đánh thức cả Tôn-Dật-Tiên dậy, là gì, nếu không phải là sản-phẩm của những người mang chất trí-thức, gọi là *trí-thức-giới* — nói riêng ra từng cá-nhân, là *nhà trí-thức* ! Như vậy là chất trí-thức âu-châu mang sẵn tính chất *sáng-tạo* (création), sáng tạo vì nó cũng như một chất hóa-học : ... trong cái « phòng-thí-nghiệm » của cái mà người ta gọi là *sự thông-minh* của con người (intelligence humaine), nó được phân-tách nó được tổng-hợp, nó biến-chất... để nuôi dưỡng xã-hội loài người như chất sinh-tổ nuôi cơ-thể...

Trái lại, ở Á-đông, từ Hạ, Thương, Chu cho đến khi nhà Thanh thờ hơi cuối cùng,... chất trí-thức gần như vẫn là... *nguyên-chất* ! Nếu nó có biến-chất thành Hán nho chẳng hạn, Tổng nho chẳng hạn... (Hãy đề một bên Lão, và Phật...), thì cũng chỉ là đề phụng-sự chính-trị của Lưu-Bang, của Tống-Thái-Tồ... Còn ở Việt-

nam chúng ta, hai ba ngàn năm mới có được một Nguyễn-Công-Trứ, một Cao-Bá-Quát : còn bao nhiêu, nếu chẳng thờ vua chúa cho ráo riết thì lại trở về cảm thông với mây hòn non-bộ ! Trí-thức chỉ là trí thức một chiều ! Đến cuối thê-kỷ thứ XIX, đầu thê kỷ XX, có dịp nghe tiếng vang *dân chủ*, từ xa vọng lại, thì lại là vùng dậy đề mà « *cóp* » : *cóp nguyên-văn*, *dùng nguyên-chất* ..

... Và lại, chẳng nhai đi nhai lại, thì làm gì hơn được kia mới được chứ ! Được một nước Nhật bôn « *cóp* » một cách thông-minh hơn, sáng suốt hơn, và có nhiều tính chất *sáng-tạo*. Nhưng ô hô ai tai, kết quả của một quá-trình tiên-hóa là rước hai trái bom nguyên-tử, chết ba trăm ngàn người trong một thoáng rồi, không còn biết làm gì hơn là xây một cái đài kỷ-niệm đề oán thán thiên-mệnh, oán thán ai kia, và oán thương cho thân phận của cả một dân-tộc ! Thê thời không hơn không kém : sau một khúc-quanh của lịch-sử, khi tính số nhân-sinh, Nhật-bản không

có ai để gánh *trách-nhiệm lịch-sử* và cũng chẳng ai đổ trách-nhiệm cho ai được, mà có đổ trách nhiệm cũng vô ích ! Rồi chỉ có lịch-sử là có cái lưng lớn ! *L'histoire ayant bon dos*., hình như ai cũng biết vậy... !

★

Bên Á-đông, từ Hạ, Thương, Chu, chất trí-thức là của riêng của thánh hiền, của hiền-giá, của những người có cái tên là Hứa-do, Sào-phủ..., của giai cấp sĩ-phu và chất ấy liên-tục... cho đến cuối thê-kỷ thứ mười chín. Còn bên Âu-châu, sau thời văn-hóa la-hy (humanités gréco-latines), sau cái « *lỗ hổng* » lớn trong lịch-sử tiếp theo sự sụp đổ của đế-quốc I a-mã, lại phải mãi đến gần cuối thời trung-cổ phong-kien (moyen-âge féodal) chất trí-thức thuần chất lại mới phục hồi, do từ sự *khao-khát tự-do* mà phát-sinh. Hẳn ai cũng nhớ rằng một buổi sáng, giai-cấp quý tộc sa-đọa, vua chúa phải ngửa tay vay mượn vàng bạc của một số nông-nô lợi dụng thời-thê bỏ cái tiền dành dụm ra được mua sự tự-do của mình, rồi sống thành *công-xã*... dựng tháp canh

(beffroi) lên để canh chừng vua chúa, hiệp-sĩ... và trộm cướp! Đệ-tam giai-cấp ra đời, giai-cấp trưởng-giả ra đời, vàng bạc lại bỏ ra để mua luôn cả chất trí-thức. Họ dựng văn, thi, họa, nhạc, kịch, kể luôn cả triết..., và từ đây họ đeo một mớ đồ trang-sức trí-thức và tinh-thần... Đồ trang-sức này còn lộng-lẫy hơn một vạn thứ đồ trang sức bằng kim cương và châu-ngọc!

Tôi nghĩ rằng chất trí-thức Âu-châu phát-sinh từ sự khao-khát tự-do, trường-thành trong khí-hậu tranh-đấu vì tự-do... cho nên lúc nào nó cũng sống, cũng linh-động, cũng chứa tính-chất sáng-tạo! Chúng ta thấy đó!

Còn ở Á-đông chúng ta, ở Việt-nam chúng ta, chất trí-thức trên thờ vua, dưới cai-trị dân,... đời đời kiếp kiếp lệ thuộc và khuất-phục, cho nên nó đi một chiều. Lúc nào nó cũng giữ nguyên chất «ngọc kia chẳng dũa chẳng mài», và mấy ngàn năm nó bị nhốt trong những kích-thước nhất-định, nó không va chạm, không thăng trầm... nó làm đồ xa-xỉ-phẩm cho một giai-

cấp viện lễ trung ra để ngu-trung, viện lễ hiền dưng để ngu hiền ngu dưng, viện lễ tùy thời biến dịch ra để xu thời... để mưu quyền lợi cho vua chúa và củng-cố quyền lợi cho cá-nhân mình. Đông tây khác nhau là đó, mà mắc-cổ vì nhau cũng vì vậy! Ngày nay, nếu chúng ta có hãnh-diện cũng là gương: con người đôi khi cũng phải mình dối chính mình để tạo một chút thoải mái không trung thành! Chàng Narcisse soi mặt nước để mình say mê mình còn người Á-Đông chúng ta soi gương để trầm trở chính mình! Cô gái già bôi một lớp son phấn... Chứ sao! Biết làm sao! Mà biết làm sao!

★

Mỗi một giai-cấp, họ đều biết họ muốn gì (cũng như tiếng pháp người ta hay nói: *ils savent ce qu'ils veulent...*) Giai-cấp quý-tộc phong-kiến gồm có vua chúa, lo củng-cố thế-lực, bành-trướng đất đai, chất chứa vàng bạc châu báu... và giữ giai-cấp nông-nô đời đời kiếp kiếp làm nô-lệ để phụng-sự họ. Giai-cấp tư-bản

kỹ-nghệ và tư-bản tài-chánh lo siết chặt hàng ngũ, bảo vệ và phát triển tư-bản, giữ giai-cấp vô-sản ở địa-vị làm tôi tớ, làm giầu trên lưng những kẻ trắng hai bàn tay. Còn giai-cấp vô-sản lo củng-cố và bành-trướng sức mạnh và sự thuần nhất để tranh đấu với giai-cấp tư-bản...

Nói một cách khác, mỗi giai-cấp trên đều thuần-nhất và có nhất-trí, trong không gian cũng như trong thời-gian, và xin nói lại: họ biết họ muốn gì, họ ý-thức sứ-mạng lịch-sử và xã-hội của họ, họ có ý-thức giai-cấp (conscience de classe).

Chỉ riêng có giai-cấp trí-thức — coi như là một giai-cấp (en tant que classe) — thật là... lạ! Họ không thuần-nhất, cũng không có nhất-trí mỗi khi cần phải đứng thành hàng ngũ. Nói khác đi: họ rời-rạc, rời-rạc đến vị-kỳ một cách rất... bực mình!

Chúng ta cứ nhìn vào lịch-sử thì thấy: ở giai-đoạn đã qua rồi cũng như ở những giai-đoạn hiện-tại. — mà ngày sau có lẽ cũng vậy! Có lẽ đó là một định-luật của thiên-mệnh?

Có khi họ «khá» lắm! Họ vốn là những người không chịu được những sự bất-công trong xã-hội; họ ghét những sự lạm-dụng của thế-lực; họ không muốn có máu và nước mắt đầm đìa trong lịch-sử; họ thường chống lại những giá-trị cố-định (Valeurs établies) vì họ cho rằng sự cố-định của những giá-trị ngăn trở sự tiến-hóa... Vì vậy, họ có những ý-tưởng người ta gọi là ý-tưởng tiên-bộ (idées progressistes). Một khi những ý-tưởng ấy ra đời thì nó có gốc có cạnh, nó có mẫu sắc, nó mang hương-vị, nó mọc lông, mọc cánh, bay khắp chốn, tràn khắp nơi, biến thành những phong-trào văn-hóa, đôi khi chuyển hướng cả kiếp sống. Thế-kỷ thứ mười tám, ở Pháp, phái bách-khoa đại-diện cho những loại ý-tưởng này... Kết quả của phong-trào bách-khoa là cả Âu-châu chuyển mình và làm giao-động cả khí-hậu phong kiển ở Trung-hoa, làm nhà Mãn-Thanh mất ăn-ngủ...

Kể như vậy thì ngày xưa Tần-Thủy-Hoàng sợ Ngũ-Kinh Tứ-thư và những kẻ mười năm kinh-sử lều chõng

đi thi... cũng là « phải » lắm !

Trái lại, có khi những nhà trí-thức lại... *lôi thôi* lắm ! Rất *lôi thôi* ! Chúng ta cứ nhìn vào thời Xuân-thu Chiền-quốc thì thấy ! Có lẽ chính vì thấy nhà trí-thức... *lôi thôi* lắm cho nên những người như Mạnh-Thường-Quân, Bình-Nguyên-Quân, Tín-Lãng-Quân... mà cả đền Lã-Bất-Vi... mới « mua » được họ. Mà đôi khi cũng không đắt lắm ! Vài bữa cơm có thịt một ngày và thái-độ cho cung-kính... của gia-chủ là đủ ! Là đủ để cho kẻ sĩ có thể làm chó để cắn gâu gâu, làm gà để gáy... để đáp ơn tri-ngộ, để cứu kẻ đã đãi mình rất hậu. (Xin đọc đoạn sau bộ *Đông Châu liệt quốc*) Ấy là chưa nói rằng có người còn đáp ơn tri-ngộ bằng cái chết, cái chết mà lịch-sử ngày sau cho là một phương diện của cái *dũng*. Nhưng thôi, như thế cũng cho được đi ! Đàng này có khi lại... « *tôi* » : *tôi* nghĩa là ở với người ta lúc thịnh, lúc người ta suy thì lại bỏ đi mất, rồi đến lúc người ta thịnh lại trở về... ăn ! Mấy ngàn năm, có được bao nhiêu người như Phùng - Hoan ở

với họ Mạnh ? Nhất là một ! Để đền đổi, khi Mạnh-Thường-Quân thất thê và khi nhà trí-thức bỏ đi hết... rồi khi Mạnh-Thường-Quân trở lại làm tướng nước Tề và nhà trí-thức lại rủ nhau trở lại, Mạnh - Thường - Quân hỏi Phùng Hoan rằng : « Tôi đổi với tân khách không có gì mich lòng, thê mà lúc bị bãi chức, khách đều bỏ tôi mà đi, nay nhờ tiên-sinh được phục chức, tưởng các tân khách không mặt mũi nào trông thấy tôi nữa mới phải ! » thì họ Phùng trả lời : « Xin ngài chớ cô chấp. Ở đời kẻ trung nghĩa rất hiếm, còn kẻ xu phụ rất nhiều, cũng tỷ như một chợ phiên đô-thị. Buổi sớm người ta chen lấn đông nghẹt, nhưng đến chiều tôi vắng ngắt như bãi tha ma, ngài còn lạ lòng gì việc thê-sự ! »

Buồn : một người lịch-sử phê bình một giai-cấp trong lịch-sử... ! Ấy là chưa nói rằng đã có lần Hán-Cao-Tổ kéo dài mũi của nhà trí-thức xuống pi pi lên mà nói rằng kẻ sĩ là kẻ thời loạn thì mất mặt đến thời bình thì kéo nhau ra

để kiếm chuyện... ăm thực ! Bèn có người nói rằng Hán-Cao-Tổ từ trên lưng ngựa lấy thiên hạ thì dễ, nhưng muốn cai trị thiên-hạ thì phải có kẻ sĩ và sách... Lưu-Bang tình ngộ bèn trọng kẻ sĩ, thì kẻ sĩ lại một phen làm lợi-khí cho giai-cấp quý-tộc phong-kiến cai-trị thiên-hạ ! Cũng nên kẻ thêm Lý-Thái-Bạch làm thơ ca tụng môi tình vương-già và Bạch-cư-Dị làm thơ bắt-từ-hóa mỗi buồn của người làm vua nhớ một mỹ-nhân đã qua đời là Dương-Quí Phi...

Chúng ta cũng nên để một bên cái hình-thức cao nhất của chất-trí-thức là Quán-Di-Ngô — chỉ tiếc là Quán-Trọng không làm gì hơn là tô-diêm cho Hoàn-Công nước Tề xây nghiệp bá... nuôi dưỡng thêm cho máu và nước mắt thời Đông-Chu mà rớt cuộc xác Tề-Hoàn-Công phải hỏi thú bao nhiêu ngày mà rồi sự nghiệp của ông Vua đồ sộ ấy cũng chỉ là một giấc mộng.



Tôi sợ mang tiếng là hỗn với tiên-nhân của dân-tộc tiên-rồng : thực ra, ba ngàn năm, sĩ-phu của dân-tộc Việt-

Nam, cũng đã hiểu Nho Lão Phật cái kiểu *một chiều*... và con cháu ngày sau cũng không có gì để hãnh-diện lắm đâu ! Vốn vẹn được một mình Nguyễn-Công-Trứ và vốn vẹn được một mình Cao Bá-Quát thì lại là những *nhà lý-tưởng* (idéalistes) Và đã là *nhà lý-tưởng* thì bao giờ cũng sống xa... *thực-tại* : thực-tại lịch-sử (réalités historiques) cũng như thực-tại xã-hội (réalités sociales) — sống như thi-nhân vậy. Ừa, mà đúng ra họ là thi-nhân : Nguyễn-Công-Trứ còn là một *nhà tri-bình*, Cao-Bá-Quát thì thật là vốn vẹn chỉ có một tâm lòng và một khối ý-chí mà thôi.

Mãi đến đầu thế-kỷ hai mươi mới có được vài người hiểu được tinh-thần chân-chính và linh-động của lẽ trung hiền... là Trần-Trọng-Kim, Bùi-Kỷ... thì lại là những người đến trễ quá trong một cuộc đời đương phát sinh, đương trưởng thành... trong một xã-hội Việt-nam đương chuyển mình (Xin nói là đương chuyển mình thôi, còn chuyển mình để hướng đi đâu sau này và

đúng hay sai, đó lại là một chuyện khác). Đúng ra, các ông Trần-Trọng Kim, Bùi-Kỷ là những nho sĩ đáng mặt đóng góp. Chỉ tiếc một điều là nhịp lịch-sử một ngày một dồn dập... và thường vượt ý-thức của con người : người chung và người riêng...

Vậy chữ giai-cấp trí-thức tiểu-tư sản dâ-học Việt-nam cận-hiện-đại ra sao ? Họ làm gì ? Thực ra, họ cũng không làm gì hơn được trong nửa thế kỷ hai mươi trước... Chính-trị ngu-dân của chính quyền Pháp và sức đàn áp của chính quyền thực dân cũng chỉ có một kết quả là tạo ra một giai-cấp (nền đó là *giai-cấp*) thụ - động và, không biết làm gì hơn là diễn lại những việc của những người đã khuất : một số năm kinh-sử, một số kỳ thi, một số bằng cấp...

Mà thực ra là nhà trí-thức Việt - nam cận - hiện - đại có muốn làm hơn cũng không được ! Có phải ai cũng can-đảm và dũng - lược như Nguyễn - thái-Học, Nguyễn-thị Giang... đâu !

Đây ! Chúng ta thấy rõ ;

xét trong không-gian và thời-gian, giai-cấp trí - thức tiểu-tư-sản không t uần nhất và nhất-trí một chút nào ! Cái đẹp của họ là thể, cái không đẹp của họ là thể — kẻ cả hay dở, phải quấy, hơn thua... Họ có là một sức mạnh trong lịch-sử không, quả tình, thật là khó mà nói : nói có hay nói không cũng vậy.

Bây giờ đã đến lúc phải đi h-nghĩa, giới-thuyết họ, giới-thuyết xong rồi thì vẫn để sứ-mạng của họ cũng sẽ đặt ra một cách rõ ràng.

TAM ÍCH

Kỷ sau : *Giới-huyết* và vấn-đề sứ-mạng



TRANH KHÔNG LỘT



giải thích vài
chi tiết về

BỆNH DỊCH HẠCH

★ Bs NGÔ-QUANG LÝ

● GIẢI THÍCH MỘT VÀI DANH TỪ

Về bệnh này, ta thấy nhiều danh từ : « dịch chuột », « thứ

dịch » ; « dịch hạch », « bệnh pest ». Rồi trong bệnh dịch hạch các bác.sĩ lại viết

thêm : « dịch hạch có thể phổi, thể huyết nhiễm, thể hạch, và ở thú-y-học lại có dịch trâu bò dịch heo, (peste bovine, peste porcine) v. v...

Vậy tôi xin giải thích về danh từ trước. Danh từ peste của Pháp, ở gốc La-tinh « pestis » mà ra. Pestis có nghĩa là tai ương (fléau) thiên tai (calamité). Hồi xưa, người ta dùng danh từ này để chỉ nhiều bệnh dịch, gây ra những tai ương khủng khiếp, sát hại nhiều người. Vì vậy mà hiện giờ các bệnh dịch gồm vào một mục gọi là « maladies pestilentielles » và những chữ peste bovine, peste porcine chỉ là dịch trâu bò, dịch heo.

Sau này, chữ « peste » dùng để chỉ một bệnh truyền nhiễm lây từ giống này sang người khác, có thể là dịch, hoặc có tính cách địa phương, thường có ở Ấn-Độ, Trung-Hoa.

Khi bệnh phát ra, tuy có nhiều triệu chứng, nhưng triệu chứng thấy được, và là đặc tính của bệnh, là hạch

sung, nổi hạch, nên ở Tầu và ta gọi là « dịch hạch », và cũng dịch luôn chữ Peste của Pháp.

Khi khảo cứu các bệnh nhân bị bệnh dịch hạch, ở Hồng-Kông, Bác-sĩ Yersin tìm ra được vi-trùng sinh ra bệnh ấy, vi trùng ngày nay mang tên bác-sĩ. Vi trùng ấy không phải chỉ thấy ở hạch bệnh nhân mà thôi, nó có ở trong đờm những bệnh nhân sốt nhiều, tức ngực, ho khạc ra đờm có mầu hung. Trong đờm này có nhiều vi-trùng Yersin nên lại có thể phổi. Vì danh từ dịch hạch đã làm căn bản để dịch chữ « Peste », nên người ta gọi dịch hạch thể phổi (forme pulmonaire de la peste).

Nhưng có bệnh nhân sốt mê man, rồi lại thêm những xuất huyết, là những chứng của một bệnh nhiễm nặng. Đem cây máu bệnh nhân này, thấy vi-trùng Yersin. Vì bệnh nặng, có thể chết trong 24 tới 48 giờ, những chứng ở phổi, ở hạch chưa kịp phát ra, bệnh nhân đã chết, nên thể ấy gọi là bệnh dịch hạch thể huyết nhiễm (forme septicémique de la peste).

Như vậy thì thể hạch (peste bubonique) chỉ là thể khởi xuất, hoặc là thể hạn định của bệnh, sau khi qua được hai trạng máu và phổi (vì bệnh nhân có sức chống lại sự hoành hành của vi-trùng).

Tóm lại, bệnh peste (đọc là péts-tô) mà ta dịch là bệnh dịch hạch có ba thể: thể hạch, thể phổi, thể máu, nặng khác nhau. Trong ba thể ấy, thể hạch là nhẹ hơn hết và có thể trị được.

● BỆNH HẠCH Ở ĐÂU PHÁT RA VÀ PHÁT RA TỪ ĐÂU ?

Bỏ những tài liệu lịch sử đi, ta chỉ cốt hiểu bệnh mà thôi. Khoa học đã chứng minh rằng bệnh dịch hạch là do vi-trùng Yersin, nhưng vì sao lại có bệnh ấy, bệnh ấy khởi nguồn từ đâu ?

Trước hết, nói có vẻ khôi hài nhưng là một sự thực. Bệnh ấy Trời Sinh ra, La Fontaine cũng bảo như vậy.

Một tai ương, trong cơn diên tiết

Trời bày ra, không khiếp nhân sinh

Dịch « Peste » phải gọi đích danh... thì còn ai chỗi cãi ?

Nhưng nó phát tự đâu ?

Nếu ta cho bệnh sốt rét là bệnh nước độc rừng sâu thì bệnh « peste », dịch hạch, phát tự chồn rừng già núi thẳm. Ông Trời thật oái oăm. Không bắt con người mắc ngay bệnh ấy mà lại mượn hai con vật làm trung gian.

Con vật thứ nhất là con chuột.

Ở chồn rừng sâu, chẳng rõ tại sao, một con chuột bị bệnh. Mà trên mình con chuột ấy lại cho con bọ chết « ngụ cư ». Con bọ chết thường hút máu chuột để sinh sống. Con chuột bị bệnh, máu chuột có vi-trùng, thì dĩ nhiên là trong bộ tiêu hóa của bọ chết, vì hút máu chuột, cũng có vi-trùng bệnh.

Nhưng con bọ chết đánh hơi hay lắm. Khi chuột bị bệnh nặng, nó biết rằng mai đây còn gì nhờ cậy, nên nó phải tìm nơi khác nương thân. Nó di cư, tìm con chuột lành mạnh. Nhưng chích con chuột mạnh này, nó không dè đã truyền sang cho chuột mới, vì trùng nó mang. Chuột mới bị bệnh, rồi khi, cái hơi chết

sắp tới, bọ chết lại nhảy đi. Thể là từ chuột nọ sang chuột kia, bọ chết đã truyền lan bệnh. Nhiều chuột bị bệnh, chết, gây ra dịch chuột (thứ dịch).

Từ chồn rừng sâu, bệnh lan ra những chuột ở ven rừng. Từ ven rừng, chuột chạy vào những làng xóm. Con bọ chết, chứa vi trùng bệnh, khi theo chuột vào tới thôn xã, có một nơi trú ngụ mới: người. Nó bỏ chuột bệnh, nhảy sang người, thể là nó truyền bệnh sang cho người, nghĩa là vi trùng Yersin từ chuột, qua trung gian con bọ chết, vào người. Người mắc bệnh lại truyền sang cho người nữa, thể là bệnh từ chuột (dịch chuột) qua hai trung gian, bọ chết, người, lan truyền bệnh, gây ra dịch (dịch hạch), với những thể mà tôi đã nói: thể hạch, thể phổi, thể máu.

● VÀI ĐIỀU NHẬN XÉT

Xưa kia, vì chưa tìm ra được nguyên nhân bệnh, vì thờ ơ, vì thiếu vệ sinh, thiếu phương pháp phòng ngừa, bệnh truyền lan khủng khiếp.

Biết được nguyên nhân bệnh, khảo về cách lây của bệnh, phát minh ra các phương pháp phòng ngừa và ngăn ngừa, bệnh không còn tính cách dịch, mà chỉ còn tính cách địa phương, và với những thuốc mới, bệnh trị được, nếu biết sớm.

Bệnh từ chuột phát ra thì muốn không mắc bệnh, đừng để chuột gần người. Phải giết chuột. Ngoài những phương pháp đại quy mô áp dụng cho làng xóm, ở tư gia phương pháp hay nhất là làm thê nào cho chuột không có gì ăn trong 2 ngày (48 giờ) thì nó sẽ chết.

Từ nguyên-tắc ấy, ngoài những bẫy, những thuốc giết chuột, ta còn có phương pháp cắt kín các thực phẩm, đừng để hở các thùng rác có đồ thừa, đừng liệng, đổ rác bừa bãi, ta cũng tránh được phần nào, sự truyền lan của bệnh.

Bệnh truyền được phải nhờ trung gian bọ chét, thì muốn tránh bệnh đừng để bọ chét bám được vào người. Điều này đưa ta đến nguyên tắc nhà ở phải sạch sẽ, mà có khó gì, chỉ việc rầy sà nhà bằng nước

crésyl, lau quét âm cho sạch sẽ, giường nệm phải rắc thuốc trừ rệp bọ, (bột DDT) và nhất là quần áo đừng để (bẩn). Bọ chét không cần được người, vì không ở chung với người thì làm sao lây bệnh được.

Khi ở chung, gần với bệnh nhân, có thể lây do mủ hay máu, nhưng quan hệ nhất là đờm. Nếu người bệnh có thể dịch phôi, đờm rãi bắn thẳng vào người. Ở thê máu, thê hạch, máu mủ vào chần, nệm, quần áo, khăn, rồi lây gián tiếp sang người, đó là những nguyên nhân truyền bệnh. Vệ-sinh ở đây là điều cần thiết, và việc chích phòng ngừa là điều phụ thuộc.

Tôi xin đánh ở đây một dấu ngoặc.

Bệnh dù lý do nào truyền vào người, nghĩa là khi vi-trùng Yersin đã vào người, bệnh chưa phát ra ngay. Nó có một thời kỳ tiềm ẩn, nghĩa là không một triệu chứng nào phát ra. Thời kỳ ấy là Năm ngày. Nếu chung đụng với bệnh nhân mắc dịch hạch, mà sau năm ngày, không có triệu chứng gì phát ra, là mình không bị lây. Chỗ này ta cần

biết để hiểu những phương pháp phòng ngừa nói sau.

● VIỆC CHÍCH PHÒNG NGỪA

Những cách gìn giữ nói trên có mục đích ngăn ngừa, không cho vi-trùng Yersin vào cơ-thể.

Để tăng cường sức chống lại vi-trùng ấy, ở trường hợp nó vào được trong người, khoa học đã phát minh ra cách chích ngừa.

Có hai phương pháp chích ngừa này: chích thuốc chủng, chích huyết thanh.

A) CHÍCH THUỐC CHỨNG THƯỜNG GỌI LÀ VACCIN.

Mà vaccin là gì? Không gì lạ. Tôi đã nói rồi, tôi xin nhắc lại. Ta thường nói «đạp phải gai, lây gai mà lè». Thì muốn ngừa bệnh do vi-trùng gây ra, ta lây ngay vi-trùng ấy mà ngừa bệnh. Nếu để vi-trùng ấy mạnh, tất nó truyền bệnh chớ đâu có ngừa. Muốn tránh sự kiện này, phải giảm độc tính của vi-trùng hay giết chết vi-trùng đi. Những vi-trùng này, vào cơ-thể không gây bệnh mà sẽ làm cho máu trong người phát ra

những chất có hiệu lực chống lại vi-trùng mạnh, vi-trùng gây bệnh. Những chất ấy khoa học gọi là kháng thể (anticorps). Như vậy thì vaccin hay thuốc chủng, chỉ là những vi-trùng yếu hay chết, hòa với nước cất, thê thôi.

Với bệnh dịch hạch mà ta biết là vi-trùng Yersin thì lại lây vi-trùng Yersin, giảm độc tính hay giết chết, hòa với nước cất, hay hơn là «nước sinh lý», nước cất trộn với 8 gr.5 muối biển trong một lít, đem chích cho người.

● CHÍCH CÁCH NÀO?

Hiện nay Viện Pasteur, chế Vaccin với một loại vi-trùng giảm độc tính hòa với «nước sinh lý» tức là nước có 8,50/100 muối biển (NaCl). Cứ mỗi phân khối (cc) có một tỉ (1000 triệu) vi-trùng.

Thuốc này có hiệu lực mạnh hơn thuốc chề bằng vi-trùng bị giết chết.

Muốn cho tiện, người ta chề thứ thuốc chỉ cần chích một lần, một phân khối (1 cc), chích dưới da, ở đầu nhọn xương bả vai. Có thể

chích cho trẻ em từ hai tuổi trở lên.

Những người, nếu nghi là đã mắc một bệnh cấp tính, những người sốt, người lao mà bệnh đang tiến triển, người đau tim, đau thận (nước tiểu có đản bạch, hơn 1 gr. trong một lít), những người đái ra máu, đái ra chất đường, những người có thai, không nên chích.

Sau khi chích có vài phản ứng nhẹ:

— chỗ chích nổi đỏ. Chờ ngại. Ít ngày sẽ tiêu đi.

— hơi sốt, người uể oải, chừng hai ngày thì hết.

Nhưng điều cần nhớ là chỉ mười ngày sau khi chích, máu mới có những chất chống lại bệnh (khoa học nói là mới có miễn nhiễm tính — *immunité*) Tại sao? vì cơ thể cần phải tự chế luyện ra chất ấy.

Khi đã có tính miễn nhiễm rồi thì tính này chỉ có một thời gian là *một năm*. Trong trường hợp có dịch nên cứ mỗi sáu tháng chích lại một lần.

B) CHÍCH BẰNG HUYẾT THANH (sérum)

Tôi vừa nói: nếu chích

bằng thuốc chủng (vaccin) *mười ngày sau*, máu mới có chất chống bệnh dịch. Nếu bệnh phát ở một nhà hay trên một chiếc tàu, chờ mười ngày sau mới có chất ngừa bệnh trong máu thì ngừa sao được, bệnh sẽ truyền lan?

Trong trường hợp này, cơ quan hữu trách, chỉ chích cho một số người thôi, những người cùng chung nhà hay chung tàu với bệnh nhân (mười phần khối « 10 cc ») thuốc huyết thanh chống dịch hạch.

Thuốc này sẽ gây một miễn dịch tính tức khắc nhưng *nhất thời*. Chừng mười ngày sẽ mất.

Thuốc này không nên lạm dụng vì một khi chích rồi, lại chích lần thứ hai, mười ngày sau khi đã chích mũi trước, có thể gây ra những tai biến, « những biến-cô vì huyết thanh ». Khoa học chúng tôi gọi là quá mẫn tính (anaphylaxie).

Tóm lại, với phương pháp chích phòng ngừa bệnh dịch hạch cho dân chúng, quanh địa điểm có bệnh: dùng vaccin; cho những người ở chung nhà với bệnh nhân:

dùng phương pháp hỗn-hợp, nghĩa là chích huyết thanh chống dịch hạch, ngừa ngay bệnh, chỉ trong mười ngày, và chích cả thuốc chủng (vaccin) để sau mười ngày, tiếp tục ngừa cho người chống bệnh nguy hiểm ấy.

Vì đã nói rồi thế nào là huyết thanh, chúng tôi không nhắc lại.

C) THUỐC KHÁNG SINH

Có người muốn phòng ngừa, uống thuốc kháng sinh tức các loại sulfamid. Thuốc này tuy không giết vi-trùng, nhưng làm cho vi-trùng đứng khựng, không hoạt động, chờ phương pháp phòng thủ tự-nhiên có trong người, thực bào tính, của các bạch huyết cầu tới giết.

Nhưng vì thuốc không có tính cách riêng biệt, nó thuộc một phương pháp chung cho mọi vi-trùng, nên chỉ có hiệu lực một phần nào.

Cách phòng ngừa này gọi là hóa học phòng ngừa.

• HÀNG RÀO Y-TẾ LÀ GÌ?

Mỗi khi có nhiều trường-

hợp « dịch hạch » phát ra ở một nơi nào, chánh quyền thiết lập « Hàng rào Y-Tế »

Đây là một phương pháp có mục đích không cho bệnh truyền lan.

Chỗ có bệnh phát ra, bệnh nhân dĩ nhiên là phải cách biệt với mọi người, trừ nhân viên Y-Tế.

Những người ở cùng nhà được đặt vào tình trạng « cảnh dịch thông hành », dưới này sẽ đề cập đến.

Còn những người ở chung quanh, thí dụ người cùng làng, thì trong một chu-vi rộng hẹp tùy theo trường hợp, quanh điểm có bệnh dịch phát, người ta lập hàng rào y-tế. Trong chu vi này, nội bắt xuất, ngoại bắt nhập. Tại sao? E rằng những người ở quanh người bệnh đã bị lây, nếu cho ra ngoài, sẽ truyền bệnh sang cho người khác. Nếu người trong chu vi ấy chưa bị lây, lẽ dĩ nhiên việc chích phòng ngừa dễ thực hiện.

Người ngoài không được vào, vì vào đây là vào chỗ nguy hiểm, dễ lây bệnh. Tuy nhiên những người đã được chích ngừa, có thể xuất nhập

vùng ấy, thí dụ: nhân viên Y-Tê.

● CẢNH DỊCH THÔNG HÀNH

Đây cũng là một phương pháp ngăn ngừa bệnh.

a) những người ở chung nhà với bệnh nhân, áp dụng luật lệ địa phương, phải để riêng một nơi, trong thời gian từ 5 ngày tới một tuần lễ.

Làm vậy, vì e rằng những người này đã bị lây. Nếu đã bị lây thì sau thời gian ấy, thời kỳ tiềm ẩn bệnh phải phát ra, nghĩa là sẽ có triệu chứng. Lẽ dĩ nhiên những người để riêng ấy, được chích phòng ngừa. Sau thời gian ấy, không có triệu chứng nào phát hiện, những người này, có giấy chứng nhận, được tự do.

b) Phương pháp này, theo luật quốc-tê, áp dụng cho hành khách trên tàu, nếu tàu này có bệnh dịch hạch phát ra. Tàu được để riêng một nơi, hành khách cũng bị đặt dưới tình trạng « cảnh dịch thông hành ». Sau khi chích rồi và sau thời gian 7 ngày hành khách có thể tách bến.

Những phương pháp này, theo luật địa phương và quốc-tê, ai gặp trường hợp ấy, cho rằng những người thừa hành pháp luật làm khó. Họ chỉ hi hành luật, theo chỉ thị, ngừa bệnh cho nhân dân.

● TRỪ CHUỘT VÀ BỌ CHẾT

Những phương pháp nói trên, áp dụng cho người. Nhưng còn hai sinh vật, yếu tố quan trọng sinh ra bệnh là chuột và bọ chết cần phải diệt trừ.

Những phương pháp « thuốc chuột », ta cũng có, mà khoa học ngày nay cũng có những thuốc riêng. Bẫy chuột là phương pháp thông thường. Còn « thuốc chuột », ta hay dùng thịt nướng thơm có trộn bột, nhân ngon. Nhưng vì mùi thơm nồng hắc, chuột khôn, không ăn.

Thuốc để dùng là D.D.T, rắc chung quanh nhà, trước hang chuột, chuột chạy qua, D.D.T. bám vào lông, bọ chết ở sàn nhà hay trên mình chuột chết, thuốc vào hang, giết những bọ chết trong hang,

thê là đã trừ được một sinh vật nguy hiểm, bọ chết.

Còn chuột? « có hai thứ thuốc rất tốt để « đánh bả chuột ».

a) Thuốc giết chuột *Phosbé* tức là thuốc Phosphure de baryum trộn, nhét vào mỗi như bột gạo, bắp, cua đồng, cào cào, thịt, cá chiên, nướng, sào, v.v... Thuốc này rất độc cho người và loài gia súc, nên dùng cho cẩn thận.

b) Thuốc giết chuột *Warfarin*, thuốc này cũng dùng như thuốc Phosbé; vì nó độc nên phải cẩn thận.

Tại các Ty Nông-Vụ các Tỉnh có bán và phát các loại thuốc giết chuột nói trên.

● KẾT LUẬN

Đây không phải là nơi trình bày những lý thuyết Khoa-Học. Đừng về phương diện phổ thông, chúng tôi tưởng như vậy cũng khá đủ để các bạn hiểu những gì cần ích cho mình, cho nhà mình về bệnh dịch hạch. Tôi không

trình bày tỉ mỉ về các triệu chứng của mỗi thể bệnh.

Rủi bị nóng, ho dữ dội, tốt hơn tìm bác-sĩ. Ở thôn quê, nên tới các bệnh-xá. Có nhân viên phụ trách đã được huấn luyện về bệnh này, tìm phương, hoặc điều trị hoặc gửi tới những nơi có đủ phương tiện tìm tòi. Rủi mắc phải thê máu, thê phổi thì tại « ăn ở thất đức » nên Ông Trời gieo họa cho đây, đành phải chịu. Nhưng đừng quên phải phòng ngừa cho những người chung quanh.

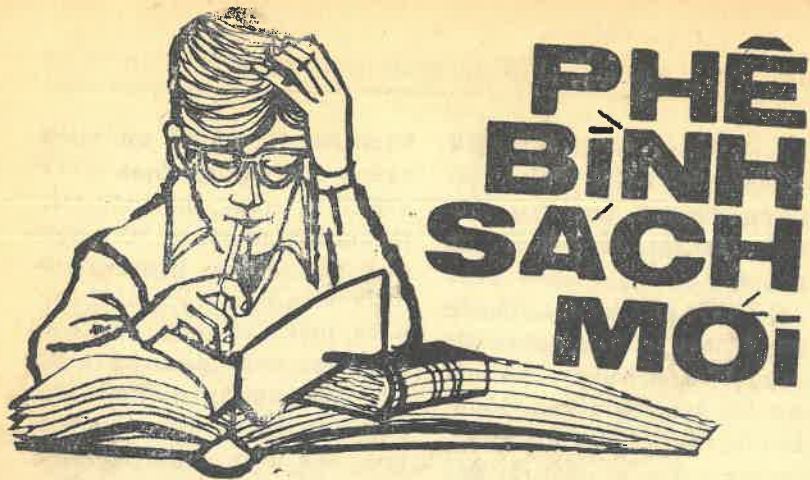
Nếu sốt và nổi hạch, nên tìm ngay các trạm cứu thương bệnh xá, khai bệnh. Những biện pháp hữu hiệu sẽ được thực hành ngay.

Dùng thuốc cũng nên cẩn thận.

Có người muốn phòng ngừa, uống các thuốc loại Sulfamide, được, nhưng phải đề dặt đôi với việc dùng thuốc trụ sinh. Nên dành quyền cho các bác-sĩ.

BS. NGO-QUANG-LY





Thơ

TUỆ MAI

TÁC - GIẢ: TUỆ - MAI

★ NGUYỄN-VỸ

TÔI không biết Tuệ-Mai là ai. Hôm nhận được tập Thơ Tuệ-Mai gửi tặng, tôi thấy trên bìa Họa-sĩ Ngọc-Dũng vẽ một cô gái ngây-thơ mới độ 17, 18 tuổi, nhưng đôi mắt uất-hận

không muốn nhìn đời, tóc túa ra tùm-lum như một chồi lan kiêu-hãnh. Tôi đoán chừng rằng nếu người trong tranh là hình ảnh của Tuệ-Mai, thì Thơ Tuệ-Mai đáng yêu lắm rồi, tôi không

PHÊ BÌNH SÁCH MỚI

cần đọc cũng biết thế. Và Tuệ-Mai cũng đã Thi-sĩ lắm rồi, không cần làm Thơ.

Tôi định cắt Thơ Tuệ-Mai trên ngăn tủ cao, nơi tôi để dành riêng những bài thơ đẹp, của Tương-Phổ, của Anna de Noailles, của Yosano Akiko, của Amy Lowell và của Sapho từ hăm lăm Thế-kỷ.

Đề rồi đêm nào Trăng về mái hiên, tôi sẽ đem Thơ Tuệ-Mai ra ngâm trong ánh Trăng vàng, cho ánh trăng say!

Tôi chưa đọc Thơ Tuệ-Mai lần nào. Nhưng tôi cứ muốn tưởng-tượng Thơ Tuệ-Mai như đôi mắt hận không muốn nhìn đời, như chồi phong-lan nở trên ngọn cây cao, sùm-sề, kiêu-hãnh. Cứ như thế tôi để nguyên Thơ Tuệ Mai không cần mở ra xem.

★

Tôi không nhớ là mười mấy đêm sau, Thơ Tuệ-Mai vẫn còn nằm nguyên-trình trên bàn ngủ của tôi, mà không hé mở. Cho đến cái đêm mây đen mù-mịt, một làn gió lạnh phất-phơ lật ra trước mắt tôi một bức tranh khác nơi trang đầu tập Thơ. Tôi ngó bức tranh, chau mày, giận gió. Tôi trông Tuệ-Mai như pho-tượng Nefertiti! của El-Almarna.

Tôi bị ám mãi bởi hai ảnh-tượng. Có một Tuệ-Mai duyên-dáng sâu mơ với đôi mắt hận không muốn nhìn đời, và một Tuệ-Mai bằng granit tro-tro trên bãi cát Sahara.

Tôi đi tìm Tuệ-Mai trên kia trong một đêm mưa gió. Tôi vẫn không tránh được ảnh-tượng của El-Almarna! Tôi tức giận ông Họa-sĩ đem cục đá Nefertiti đặt trong ngưỡng cửa lầu Thơ Tuệ-Mai.

Mặc! Tôi đã gặp được Tuệ-Mai khi Tuệ-Mai buồn bã, quyến-luyến một nàng ca-sĩ:

*Chỉ đêm đêm, quá nửa đêm,
Khi trở về nhà nhỏ
Nhìn mẹ, nhìn em đương say
ngủ,*

*Lòng nhẹ đôi phần,
Nụ cười hé nở,*

*Rồi, bình-minh đến lúc nào
không biết nữa,*

Tĩnh dậy, nắng chói chan,

Lại chiều tàn,

Lại đêm tối,

*Lại đến chốn men nồng,
hương ngát,*

*Sầu dâng dâng... khóc đời
trong tiếng hát!*

Tuệ-Mai thương nàng ca-sĩ với những lời thơ hồi-hộp,

những tiếng thở nghẹn-ngào, với một ngấn lệ muốn trào trong nốt nhạc.

Tuệ-Mai đã truyền cảm cho khách yêu thơ, cho lòng ta xúc động miên man, u sầu tê tái...

Nhưng Tuệ-Mai duyên-dáng lắm, biết khinh-thường đau-khổ, không tránh nó nhưng không ôm nó. Không thăm-thía như Anna de Noailles, không bi-sầu như Yosano, không bi-sầu như Tương-Phổ, Tuệ-Mai cũng là một duyên-kiếp tài-hoa của thế-hệ, nhưng nàng vẫn bình-tĩnh dưới bóng trăng, trên bãi cát, oán-hận đời mà vẫn kiêu-hãnh với đời.

Một triết-lý phốt qua của hiện-sinh, hòa-lẫn trong man-mác u-hoài về dĩ-vãng; bao nhiêu tín-ngưỡng vào tương-lai gói-ghém một chút hoài-nghi của định-mệnh. Thơ của Tuệ-Mai là cả một mâu-thuẫn dễ thương ấy. Một hồn-giận như hồng-nhỏ với thế-gian, vài nụ cười mỉa-mai cùng thế-sự.

Một tuổi xuân căng nhựa
Giữa cuộc đời tranh-đấu nổi
Cố lẽ đâu chỉ tìm lối thoát

Bằng : lánh đời, hoặc sống
buông trôi ?

Chúng mình hãy đợi...
(VĂN CÂU CHUYỆN ẤY)

... lớp xưa tráng sỹ, lớp nay
cao-bồi,

rộn-ràng, cũng tuổi đôi mươi,
Thời-gian rồi nữa tặng đời
lớp chi ?

vàng son thoáng hiện bốn bề
màn mây, nhạc sống, — ngủ
khi cái chơi !

(LONG-HẢI — 60)

Không ai nữ đánh thức nàng Thơ chôn hận đời trong giấc ngủ. « Ngủ cái chơi ! » Giấc ngủ tự-mãn của đôi mắt không lưu-luyến với thời-gian, của tâm-hồn không vẩn-vương trong đau-bề.

Tuệ-Mai cũng có nhiều tâm sự gửi gió, gửi trăng. Ta nhất được trong vườn thơ của nàng biết bao nhiêu là trăng, gió !

Có người thiếu phụ
đêm nay yêu trăng quên ngủ...
Trăng một mình, giữa mây
mênh-mông,

Nàng một mình, với lòng nhớ
nhung.

Mơ thuở nào : tơ trắng phơi-phới

Cười soi đôi mái đầu xanh
Bên nhau âu-yếm
Gió đêm lưu-luyến chuyện
tâm tình

Rồi, cùng chồng cách biệt

Nàng ở nhà cầu nguyện chờ
mong

Dù có dài năm tháng
Vẫn « nghĩ đến nhau và làm
việc vì nhau »

Cánh chim Bằng từ vút
phương trời

Trăng mất ánh vui

nhìn trăng

nhớ mắt,

nhớ môi,

trăng lạnh, hay lòng nàng
lạnh !

(TRĂNG LẠNH...)

Đặc tính khả-ái nhất của Thơ Tuệ-Mai là như thế đấy : bằng, hoàng mơ trắng, mơ gió, « nhớ mắt, nhớ môi », không đề-mê như « những chiếc răng trắng-nồn cắn vào quả pomme », không thăm-thía như tiếng cười chìm trong cặn rượu.

Ấy thế mà đẹp Vẫn là chồi-lan buông mộng, thoang-thoảng hương mơ. Ta phải ngửa mặt lên cảnh cao để đón men hương.

Thơ Tuệ-Mai đều đều một hơi

thở, phơn-phớt một màu duyên ; kẻ mệt-mỏi với nhân-sinh chắc thích vào nghỉ-ngơi trong bóng mát dịu-lành một buổi chợ trưa oi-ả. Và lắng lắng nghe nàng Thơ cõi-mở :

Kẻ không thích gặp, thì hay
gặp

Người muốn gần nhau lại
cách nhau

Ở, đứng tại trời... tại-ác vật,
Cho nên : đời cứ chẳng vào
đâu !

Tức quá làm thơ cho đỡ tức,
Thơ làm đưa vội bạn yêu thơ :
Chúng mình đừng có cho trời
biết,

Biết chúng mình thân, hẳn
chẳng ưa !
(TỨC MÌNH)

Nơi đây, tôi phải xin lỗi Tuệ-Mai, và xin thú thật : tôi thích ngâm bài thơ này nhiều lần, nhưng đọc câu chót đến chữ « hẳn », tôi thấy khó chịu.

Muốn ngâm bài thơ ấy cho hoàn-toàn giữ được ý thanh-tào, tôi phải sửa lại :

— « Chúng mình đừng có cho trời biết.

Biết chúng mình thân, trời chẳng ưa »

Dù sao, nhà Thơ cũng không nên gọi trời bằng « hẳn », nếu đã thấy là có « trời ».

Tôi có cảm tưởng như Tuệ-Mai bị có người nào xúi dại, làm thơ hỗn với Thượng đế.

Nhưng không sao, Thơ Tuệ-Mai có những bài có vần, có điệu, có nhiều ý thơ rất đẹp.

Rất tiếc, có lẫn lộn đôi ba bài chẳng phải là Thơ, mà cũng không phải văn xuôi: âm-diệu đã hoàn-toàn không có, mà lời thơ rời-rạc, lỏng-loãng, không gọi được ý thơ. Không biết trong lúc viết Thơ, Tuệ-Mai đã chấm ngòi bút trong lọ mực nào thế?

Nhưng tôi vui-mừng được đọc một bài hay nhất trong các bài thơ hay của Tuệ-Mai:

● NGŨ GIỮA LÒNG TRẮNG

Em chờ Trăng
Trăng lên rực-rỡ.
Em mời Trăng,
Trăng tỏa khắp phòng
Thương quạnh quẽ, trăng
vào... âu yếm quá.
Trăng đem theo những âm-
hưởng dệt-dìu,
Cho phòng xinh khoảnh-khắc
hết dịu-hiếu.
Trăng khoe em: tuổi Trăng
rát-rào,

Em khoe Trăng: thơ em ngọt-
ngào.

Trăng mời em tắm suối,
Em mời Trăng nghe thơ.

Cảm động... hoa năm màu
bừng nở

Góp sắc hương mừng hội
Thơ Trăng

Gió với rú thông trời nhạc
Sinh ca réo-rất vang lừng!

Vui quá!

Thấy em vui, Trăng cười rạng
rỡ,

Rồi về khuya, em ngủ giữa
lòng Trăng

Trăng ôm em... màu xanh
bằng-bạc,

Trăng ru em... tiếng thơ
mãn-mắc.

Chờ em say giấc, Trăng về.
Trăng thường cưng thế, bởi
vì...Trăng yêu.

★

Đáng yêu biết bao, những câu thơ như thế, êm-dịu như tơ, ngọt-ngào như mơ!

Nếu Tuệ-Mai nhận thấy rằng Thơ không có nhạc không phải là Thơ, thì Thơ Tuệ-Mai sẽ còn đẹp hơn nhiều. Tuệ-Mai nên coi chừng kéo đi lạc hướng sẽ không tìm lại Thơ được nữa.

N.V.

Cha Xuân

★ PHẠM - ĐỨC - THỊNH

ĐÊM NÔ-EN đã gần tàn. Mọi người đã ra khỏi nhà thờ, để trả lại bầu không khí tĩnh mịch cho Chúa.

Cha Xuân sau khi khép chặt những cửa trong nhà thờ lại, cha tắt hết đèn điện, còn để lại vài ngọn nến đang cháy lơ mờ trên bàn thờ. Cha ôm một cái thùng gỗ đã cũ, đặt ở cửa ra vào đến trước bàn thờ. Nhờ ánh sáng lơ mờ, người ta có thể đọc được hàng chữ viết trên đó: « Quý tử thiện », viết bằng sơn trắng.

— Tách.

Chiếc khóa bật ra, cha đỡ tiền trong thùng xuống đất. Rồi ngồi xuống đếm.

— 50... 100... 1000... 2000... Tất cả là 2.875 đồng, cộng với hôm trước 1.360 đồng. Như vậy được 4.235 đồng.

Ngày mai mình sẽ mua quà, tặng mấy đứa bé ở khu An-hòa. Như đã hứa với chúng ngày hôm qua. À! mình không biết mua gì cho chúng bây giờ?

— Mua khi gì? Đưa hết đây!

Cha Xuân giật mình quay lại. Một gã đàn ông gầy còm, đưa mắt nhìn cha. Hai tay gã vuốt-ve một con dao khá lớn. Cha bình tĩnh đáp.

— Xin lỗi ông, đây không phải là tiền của tôi. Mà do

những người giàu, có lòng từ thiện đóng góp.

Nếu ông túng, ông có thể lấy dờ 1000 đồng vì tôi còn phải dùng mua quà tặng mấy em nghèo.

— Ha... ha... Công tôi nằm dưới gầm ghế, chờ đợi giờ phút này, gần 2 tiếng đồng hồ chỉ có 1000 đồng sao?

Thôi, không nói gì dài dằng dụa, tôi muốn lấy hết. Cha nghĩ sao?

— Không được ông ạ! Tôi đã hứa với chúng, sẽ cho chúng đồ chơi ngày mai. Tôi không thể nào thất hứa được ông ạ!

— Im đi! Tao cứ lấy, mày làm gì tao.

Gã chạy đến vơ bạc vào túi, cha Xuân vội dẫy gã ra.

— A! thăng này gan. Mày

muốn chết? Được lắm!

Gã cầm chặt chuôi dao, mím môi lại. Gã đâm mạnh con dao vào bụng Cha Xuân.

— Á... á.

— Mày được toại nguyện chứ?

Gã đá vào mình Cha, gã cúi xuống vơ chỗ bạc còn lại bỏ vào túi, gã lững thững đi ra.

Cha Xuân dương cặp mắt lơ dờ, nhìn theo hần, cha khẽ lắc đầu. Cha cố gắng quỳ dậy trước bàn thờ lầm bầm.

— Lạy Chúa hãy tha tội cho hần, hãy cứu lấy linh hồn hần...

Trên bàn thờ, những ngọn nến vẫn rung rinh cháy. Ngoài kia, trời vẫn tối...

P. Đ. T.
(Đã-năng)



★ DANH NGÔN

● Buồn rầu là một chứng bệnh của cuộc sống Muốn chữa bệnh ấy, chỉ cần có một chút thôi: THƯƠNG hay MUỐN.

(L'ennui est la maladie de la vie; pour la guérir, il suffit de peu de chose: aimer ou vouloir.

ALFRED DE VIGNY

« THƠ CU - LI »

★ THIẾU-SƠN



TRONG Phê-Thông số 93, trong mục « Thư Bạn đọc » có đoạn thư của ông Nguyễn-Tấn-Minh hỏi về bài thơ « Cu-li quân hề ». P.T. đáp là có người nói bài thơ đó của cụ Phan-Châu-Trình nhưng không chắc đúng.

Tôi có số báo Sông-Hương xuất-bản ngày 13-3-1937 có đăng bài « thơ Cu-li » với giải-thoại như sau:

★

Năm Đồng-Khánh nhị-niên, nước ta mới bị bảo-hộ và sang năm có khoa hương Mậu-Tý.

Trường Quốc-Tử-Giám bấy giờ con đóng tại gần chùa Thiên-mộ, mở một kỳ hạch cho cả học trò hạt Thừa-Thiên. Giữa ngày hạch, sau giờ thu quyền, luận canh một các quan ở đó phát mã-thượng một cái bì về

do bộ Lễ chuyển trình Viện Cơ-Mật như là có việc gì trọng-dại và khẩn-cấp lắm.

Các quan cơ-mật đương đêm tức thì nhóm lại ở Viện, đòi ông viên-ngoại ấy vào mở bì ra.

Nó là một cái quyền tên gì thì ông Viên ngoại quên đi, chỉ nhớ ở trong viết một bài ca rằng:

Cu-li quân hề, cu-li thần,
Cu-li quan hề, cu-li dân.
Cu-li tú-tài hề, Cu-li cử-nhân.
Cu-li trường quan hề, cu-li văn.
Cu-li hề, cu-li.
Phi-lu hề, phi-lu.

Thấy thế các quan cơ-mật, ông thì tức cười, ông thì nổi giận, nhưng có một điều khó nghĩ là không biết nên tư Tòa

Khâm và tâu Hoàng Thượng hay là nên dìm đi. Về sau ông Nguyễn-trọng-Hiệp tỏ vẻ cương quyết, bảo nên dìm. Nhưng các quan đều dận ông Viên-ngoại phải giữ bí-mật, không được tiết-lộ ra.

Sau 15 năm ông ấy mới nói cho người ta biết.

★

Đoạn trên tôi trích nguyên-văn của số báo « Sông-Hương » nói trên trong bài « Những chuyện oái-oăm » của Độc tại lâu chủ-nhân.

Bài thơ « Chí thành Thông Thánh » và bài phú « Danh sơn Lương-ngọc » của Đào-mộng-Giác làm năm 1905, Thành-Thái thứ XVIII trong kỳ hạch tấn-ích ở Bình-Đình. Đào-mộng-Giác tức là bí-danh của các cụ Phan-Châu - Trinh, Trần - quý - Cáp, Huỳnh-thức-Kháng.

Bài « Thơ Cu-li » xuất-hiện năm Đồng-khánh nhị-niên, cổ-nhiên không phải là của cụ Phan-châu-Trinh nhưng vẫn không biết tên tác-giả.

THIỆU-SƠN

đêm huyền diệu

Một màu tối
Đen như mực
Một màu sáng
Chớp như sao
Trên trời cao tôi nghe tiếng nhạc
Thánh thót
Tiếng nhạc
Êm đêm
Đêm Noël !
Vườn trên mây tôi đi về Bethléem
Đường quan san tôi quyết đến thiên đàng
Mây giăng mù
Trắng lu mờ
Sương đêm rơi...

Đức tin làm địa bàn
Đường thiên đàng đo từ đây con tìm
Tôi nhắm mắt nguyện cầu Đức Mẹ...
Và khi chuông thánh đờ g dồn dồn
— 12 giờ khuya —
Tôi giật mình thấy một màu sáng chói
Sáng như sao chong
Sáng ở thiên đàng
Và sáng cả trần gian...
Bầy cừ non nằm ngoan trên nệm cỏ
Đoàn thiên thần bé nhỏ múa khúc Nghê Thường
Tiếng đàn dịu dặt
Réo rắt
Khoan thai...

Giữa khung cảnh thần tiên của đêm huyền diệu
Tôi thấy,
Tôi thấy một bà mẹ hiền đang ẵm con thơ
Hào quang sáng tỏa.
Tôi cúi đầu quỳ xuống vì rõ đây là thiên đàng
Ôi, tôi đã đến thiên đàng của trần gian !
« Con xin lạy Chúa Hai Đồng và Đức Mẹ Đồng Trinh
của nhân loại »

★ H.K.K.M

(Đài-Trang — Đà-Nẵng)



THUỐC ĐAU LƯNG HÔNG-NGUYỄN

TRỊ Thận suy yếu, nhức mỏi tay chân, phong thấp, gân xương đau nhức

Nhà thuốc HÔNG-NGUYỄN
Bà Dương-xuân-Lang chế
24C, Đại lộ NG. HOÀNG CHÁNH

KIỂM-NHẬN SỐ 239-BYT/QCĐP. NGÀY 7.8.62.



Mình ơi!

nói cho em nghe, về

**TÒA
THÁNH
VATICAN**

*và đức
Giáo - Hoàng*

**JEAN
XXIII**

— **M**ÌNH ƠI! em đọc báo thường nghe nói đến « *Tòa Thánh Vatican* » nhưng không biết là ở đâu? Ở Paris, phải không Mình? Hay ở bên Mỹ?

Ông Tú nằm võng đọc sách; liền bỏ sách xuống sàn, tùm tùm cười:

— Em lại đây! Anh hôn em một cái, rồi anh sẽ trả lời cho.

Bà Tú đang ùi ù, bỏ ngay công việc, sung-sướng chạy lại chổng:

— Em nói đúng, Mình thường em phải không?

Ông Tú mỉm cười đặt hai nụ hôn trên đôi má ửng-hồng, rồi bảo:

— Em nói sai-bét mà anh cũng thưởng em đó. Tòa-Thánh Vatican không phải ở Paris, hay ở Mỹ, mà ở Roma, (1) kinh-đô nước Italia (2). Chính Vatican cũng là kinh-đô của 450 triệu người Gia-tô-Giáo trên Thế-giới.

— Chỗ ấy chắc là to rộng lắm, Mình nhỉ?

— Ở về phía Tây thành-phố Roma, và danh-từ chính thức là **Cité du Vatican**, (cư-xá Vatican), toàn thể chu-vi của Tòa-thánh rộng 44 nghìn mét vuông thành một khu biệt-lập, mà cũng là một Tiểu-quốc độc-lập.

— Mình nói sao? Tòa-thánh

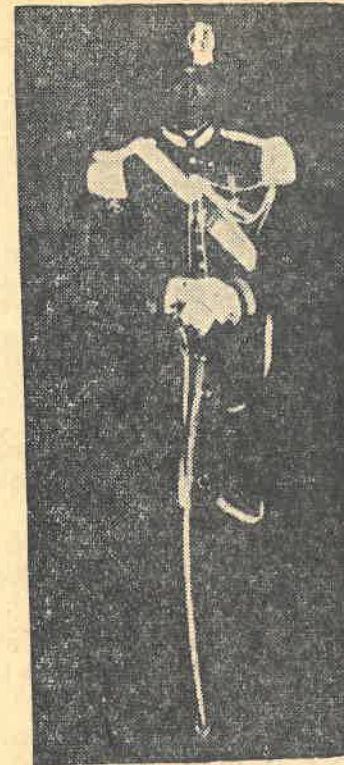
Vatican sao lại gọi là một tiểu-quốc?

— Trước kia, tuy là chiếm một khu-vực rộng lớn trong thành-phố Roma nhưng Tòa-thánh Vatican vẫn phải lệ-thuộc vào hệ-thống hành-chánh của Thành-phố. Đa-mấy lần, các vị Giáo-Hoàng điều-đinh với các chính phủ Italia để cho Vatican tách riêng ra thành một khu biệt-lập, nhưng các chính-phủ Italia không chấp-thuận, và Thành-phố Roma cũng phản-đối. Mãi đến năm 1929, dưới thời Mussolini, chính-phủ Italia mới ký **Hiệp-ước Latran**, (ngày 11-2-1929) với Tòa thánh Vatican, chính thức nhìn-nhận Vatican là một « cư-xá » hoàn-toàn tách riêng, không có liên-hệ hành-chánh với Thủ-đô Roma nữa. Từ đây, cư-xá Vatican biệt-lập thành một tiểu-quốc, với dân-số 1000 người, với tất cả những cơ-quan hành-chánh như một chính phủ thực thụ.

— Dân số chỉ có 1000 người là những ai vậy, hả Mình?

— Một nửa là các vị Tu-sĩ, từ các bậc giám-mục cho đến các ông Cha, các bà Xơ, còn một nửa là binh-lính và các

(1) (2) Ta thường đọc sai theo chữ Tàu là « La-mã », và « Ý-dại-lợi »



Vệ binh của Đức Giáo Hoàng

nhân viên làm việc trong Tòa Thánh.

— Có binh-lính nữa sao?

— Tòa-Thánh có một đội Vệ-Binh riêng của Đức Giáo-Hoàng, một đội vệ-binh Suisses, một đội Vệ-binh danh-dự, và một đội Hiến-Binh. Theo nguyên-tắc, Đức Giáo-Hoàng

là Tổng-tư-lệnh các đội binh ấy. Nhưng dĩ-nhiên toàn là những lính hầu-hạ, canh-gác, giữ trật-tự trong Tòa-Thánh, chứ không phải là lính dùng để đánh giặc.

— Còn chính-phủ của Tòa-Thánh Vatican như thế nào? Tòa-Thánh cũng có chính-phủ sao?

— Đức Giáo-Hoàng được coi như là vị Vua phần Đạo (*Le Souverain Pontife*), đại-diện Chúa trên Hoàn-cầu. Ngài ngồi trên ngai Đạo, ngự-trị trên 450 triệu Tín-đồ gia-tô-giáo khắp Thế-giới, thì uy-tín và quyền-lực của Ngài rộng lớn lắm chứ. Cố-nhiên ngài phải có một « chính-phủ » để giúp ngài trị vì trên Thần-dân Đạo-giáo của Ngài.

Chính-phủ của Đức Giáo-Hoàng gồm có tất cả 12 « Bộ », gọi là *Congrégations*.

1 — **Bộ Nội-Vụ** (*Congrégation de la Révérende Basilique de Saint Pierre*), điều-khiển trên 70 000 giáo-sĩ giảng Đạo khắp 5 châu... Bộ này do Đức Giáo-Hoàng Clément lập ra, năm 1925.

2 — **Bộ Thánh-Vụ** (*Congrégation du Saint Office*).

Chính đức giáo-hoàng trông

nom Bộ này, mà trọng-trách là gìn-giữ lý-thuyết của Đạo, đường lối của Đạo.

3— Bộ Thánh Bi-Tích (congrégation de la Discipline des Sacrements), lo việc bảo-tồn kỷ-luật của 7 phép Bi-tích, trong đó có Phép Hôn-phối là quan-trọng nhất.

4— Bộ Công-đồng (congrégation du Concile) lo về tổ-chức và kỷ-luật của các Giáo-sĩ và các Giáo-hữu.

5— Bộ Cơ-mật (Congrégation Consistoriale) lo các địa-phận của Giáo-hội ở khắp Thế-giới chỉ định các vị giám-mục.

6— Bộ Tu-viện (Congrégation des Religieux) lo về sự cai-trị và học-hỏi của các Tu-viện Nam-nữ khắp Thế-giới.

7— Bộ Nghi-lễ (Congrégation des Rites) giữ-gìn các nghi-lễ đúng phép, làm các phép Bi-tích, tấn phong các chức Thánh và A-Thánh.

8— Bộ-Triều-Nghì (Congrégation de la Cérémonie) riêng coi về hệ-thống thứ tự của các vị Hồng-Y, bổ-nhậm các Đại-sứ của Tòa-Thánh. Cử Đại-diện ngoại-giao của Đức Giáo-Hoàng (*Nonces apostoliques*) ở cạnh các chính phủ các nước theo

Gia-tô-giáo.

9— Bộ ngoại-giao (Congrégation des Affaires Ecclésiastiques Extraordinaires) Lo việc giao-thiệp giữa Tòa-Thánh và các quốc-gia ngoài đời.

10— Bộ giáo-dục (Congrégation des Séminaires et des Universités, des Etudes)

Trông nom các Chứng-viện, các Đại-học-đường, cấp phát các bằng-sắc.

11— Bộ giáo-hội Đông-phương (Congrégation pour l'Eglise Orientale)

Phụ-trách đặc biệt về các địa-phận Giáo-hội ở các nước Đông-phương.

12— Bộ Truyền-giáo (Congrégation de la Propagande). Lo việc giảng-đạo các nơi.

Ngoài ra, có một vị Hồng-Y Quốc-Vụ-Khanh, Bí-thư **Văn-phòng của Đức Giáo-Hoàng** (Secrétaire d'Etat Apostolique), lo về công-văn, sắc-chỉ, thư từ của Đức Giáo-Hoàng gửi đến các Vua Chúa, Quốc-trưởng các nước, và phiên dịch các thư tín ngoại quốc ra chữ La-tin.

Vị Hồng-Y Bí-thư cũng lo việc giới-thiệu vào Đức Giáo-Hoàng các quý khách đã được Giáo-Hoàng cho phép bệ-kiến.



Theo nghi-lễ, phụ-nữ vào yết-kiến ngài, bất luận Nữ-Hoàng hay thường-dân, đều phải mặc áo đen (quần đen) và phải làm lễ quỳ gối trước Giáo-Hoàng trong lúc giới-thiệu.

Một vị Hồng-Y phụ-trách **Phòng Nội-vụ** (La Chambre Apostolique), lo việc tài-chính của Tòa-thánh, và các thủ-tục bầu-cử Giáo-Hoàng.

Một vị Hồng-Y phụ-trách **Phòng Chương Ấn** (La Date-rie), giữ ấn của Đức Giáo-Hoàng. Sao chép các công-vụ-lệnh của Tòa-thánh và đóng dấu.

Đề giải-quyết các vụ kiện-tụng, tranh chấp, về phần Đạo, nhiều khi cả về phần đời có dính líu đến phần-đạo, Tòa-Thánh Vatican có **4 Tòa-án**:

1—Tòa Cáo-giải (Tribunal de la Sainte Pénitencerie), do một vị Hồng-Y chủ-tọa (Grand Pénitencier). Các vị Giáo-sĩ khắp nơi nếu bị vụ gì oan-ức, thắc-mắc, đều có quyền gởi đơn khiếu-nại về Đức Hồng-Y đầu Tòa Cáo-giải. Ngài sẽ phân-xử hoặc ân-xá.

2—Tòa Thượng-Thâm (Tribunal de la Rote romaine) Phân-xử các điều trở-nại về

việc hôn-phối. Đề-nghị lên Đức Giáo-Hoàng cho đặc ân hôn-phối trong các vụ hôn-nhân giữa người có Đạo và người không Đạo (như vụ Bảo-đại xin cưới Nam-Phương Hoàng-hậu, năm 1932).

3—Tòa Cao-thâm (Tribunal de la Signature Apostolique) Xét lại các việc bất công do Tòa cáo-giải đã xử. Y-án, hoặc phán những bản án do hai Tòa kia đã xử.

4—Tòa Cố-vấn Tối-cao (Tribunal du Haut Conseiller). Tòa-án bí-mật hơn hết và quyền hạn tối cao, của Giáo-Hội Gia-tô-giáo, do chính Đức Giáo-Hoàng chủ-tọa.

Các phiên xử đều hoàn toàn bí-mật, chỉ có Đức Giáo-Hoàng và 9 vị Quan-Tòa tham dự mà thôi.

— Mình ơi !

— Ơi.

— Giáo-Hoàng mặc y-phục như thế nào hả Minh ? Có giống như các Cha hay các Thầy-Cả mà chúng ta thường gặp đó không ?

— Đức Giáo-Hoàng có y-phục riêng biệt. Luôn luôn ngài mặc áo trắng dài, thắt lưng trắng. Khi đại lễ, Ngài mặc áo choàng dệt bằng tơ đỏ, viền

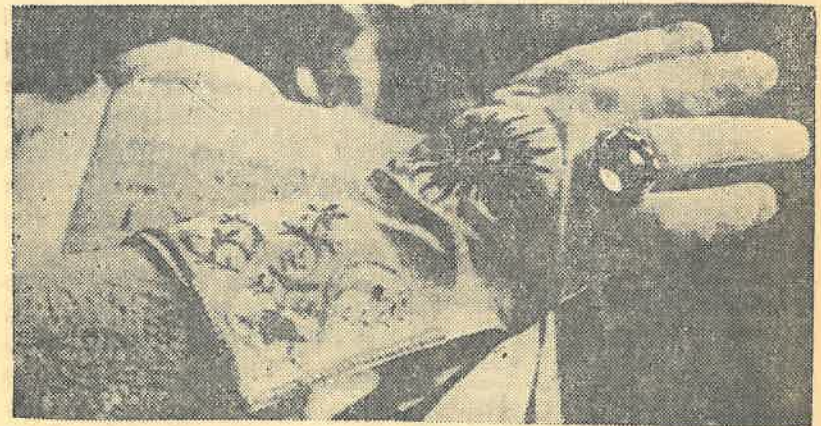
lông chồn trắng, trên một lớp áo mỏng bằng dentelle. Không bao giờ ngài mặc áo màu đen. Mũ đội thường giống như chiếc béret, hoặc có vành, dệt bằng tơ trắng, giày thêu tơ đỏ, trên mũi giày có thêu Thánh-giá vàng vì tín-đồ thường quỳ xuống hôn chân ngài. Trong lúc Đại-lễ, Ngài đội vương-miện ba tầng có nghĩa rằng : 1) Ngài là vị Cha cả của hết thầy các vị Vua, Chúa, 2) Ngài là Cha cả của hết thầy các tín-đồ, 3) Ngài là Đại-diện truyền-giáo của đấng Christ. Vương-miện ấy gọi là *Tiare*, làm bằng 3 kí-lô vàng-y, nạm 146 viên hồng-ngọc và bích-ngọc (rubis et

émeraudes) và 6 hàng ngọc-thạch.

Ngay trên chóp mũ, có đính một Thánh-giá bằng Vàng y.

Ngài đeo găng thêu, có đơm một chiếc nhẫn lớn bằng ngọc, chiếc nhẫn này riêng biệt chỉ một mình ngài đeo mà thôi, vì đó là một biểu-hiệu riêng của chức-vị Giáo-Hoàng.

Riêng Đức Giáo-Hoàng mặc y-phục sắc **trắng**, các vị Hồng-y sắc **đỏ**, các vị giám-mục sắc **tím**, Linh-mục sắc **đen**. Định-thự riêng của Đức Giáo-Hoàng chiếm một góc trong «Cư-xá Vatican». Một Biệt-điện có 3 tầng lầu Tầng thứ nhất ở dưới hết là



Chiếc Găng và chiếc nhẫn của Đức Giáo-Hoàng

phòng của vị Hồng-y Quốc-Vụ-Khanh Bí-thư trưởng của Giáo-Hoàng, và các văn-phòng của ông. Tầng thứ nhì là phòng Khánh-tiết và phòng khách của Giáo-Hoàng. Tầng thứ ba ở trên hết là Cung-điện riêng của Giáo-Hoàng. Thường sau những đại-lễ, Người ra đứng nơi cửa sổ ở tầng ba này để ban phép lành cho hàng vạn tín-đồ nồng-nhiệt đứng chen-chút trên sân rộng trước Điện, để hoan-hô Người.

— Mình nè !

— Hử ?

— Một Tòa Thánh to rộng như thế, thiết-lập thành như một Tiểu-quốc, chắc là tốn kém ghê lắm nhỉ. Rồi tiền-bạc lấy ở đâu ra? Thành-phố Roma và chính-phủ nước Italia có phụ-cấp cho Tòa Thánh Vatican không ?

— Không. Tòa-thánh có ngân sách riêng, công-quỹ riêng, tiền-tệ riêng. Khắp thế-giới có trên 2000 vị Giám-mục chung phần đóng-góp gửi về Tòa thánh để đài-thọ các khoản chi-tiêu. Tiền đóng góp ấy gọi là « Đồng-Tiền của Thánh Phê-rô » (*Les Deniers de Saint Pierre*). Cổ-nhiên các món chi tiêu ở Tòa-Thánh không phải là ít và các món tiền thu về cũng thật nhiều. Trước Đế-nhị Thế

chiến, cứ hàng năm Tòa-Thánh Vatican thu về trong khoản **14, 15 tỷ** đồng franc của Pháp, nghĩa là theo thời-giá lúc đó, ước chừng **2000 triệu** đồng bạc Việt-nam. Ngoài ra theo Hiệp-định **Latran** (đã nói lúc nãy), Tòa-Thánh Vatican có trọn Chủ-quyền một quốc-gia độc-lập, cho nên Tòa-Thánh có **Ngân-hàng** riêng, mà tên chính-thức là « *Viện giúp các Dòng và các việc Phước-Thiện* ». Ngân hàng này đúc tiền riêng có giá-trị chính thức đối với các tiền-tệ ngoại-quốc. Tòa-Thánh cũng có sở Buu-điện riêng phát hành tem thư riêng, các thư-từ ở trong Tòa-Thánh Vatican gửi ra ngoài đều dán loại tem riêng của Tòa-thánh. Loại tem này quý lắm, những người chơi Buu-hoa tìm kiếm được một con là dám mua với giá thật đắt. Tòa-Thánh Vatican cũng có **quốc-kỳ** riêng, màu vàng và màu trắng, có thêu Vương-miện của Giáo-Hoàng và hai cái chìa khóa, treo vào nhau. Ngoài ra, các xe hơi của Tòa-Thánh đều ghi số hiệu riêng, và Tòa-thánh có một Viện Thiên-văn riêng, Thư-viện riêng, với gần 1 triệu bộ sách quý-giá, đài Phát thanh riêng

phát thanh bằng 27 thứ tiếng và một tờ báo riêng.

— Ủa ! Có tờ báo riêng nữa, hả Minh ? Tên là gì ?

— Tờ báo duy-nhất của Tòa-thánh Vatican tên là « **Observatore Romano** », đặt dưới quyền chủ nhiệm của Đức Giáo-Hoàng, đã được lập ra cách nay vừa đúng 100 năm, do Ông nội của Đức Giáo-Hoàng Pío XII. Báo có 4 trang, chỉ đăng những tin-tức và hoạt-động trong giới Gia-tô-giáo, và bình-luận về thời-sự theo quan-điểm của Đức Giáo-Hoàng. Tờ *Observatore Romano* chỉ phát-hành mỗi tuần 100.000 số, và đại-khai trong danh sách những người mua dài-hạn, có những tên sau đây : Thủ-tướng Ý, Thủ-tướng Pháp, Thủ-tướng Nga-xô, đức Đạt-la Lạt-Ma ở Tây-Tạng, v.v...

Trong báo ấy, có một mục « chuyện mỗi tuần » do một vị Linh-mục viết, với giọng châm-biểu, hài-hước, đã đảo những phong-trào như : *duy-sinh* của J. P. Sartre, quyền Anh (Boxe anglaise) đá gà hoặc các môn Vũ như Rock-n-Roll, Twist, v.v... Năm ngoái, tờ báo này có bài công-kích kịch-liệt cuộc thí-nghiem « thai nhân tạo » của Bác-sĩ Petrucci, và vừa rồi đã-kích cũng rất hăng-hái vụ Tòa-án Lièges xử trắng án bác-sĩ Carters và người đàn-bà giết đứa con

quái-thai.

— Mình ơ, thôi, Mình nói về Tòa-thánh Vatican thế đã đủ lắm rồi. Giờ Mình nói thêm một chút về ông Giáo - Hoàng hiện đang còn sống, cho em nghe.

— Đức Giáo-Hoàng hiện giờ là **Jean XXIII**, được chính-thức lên ngôi giáo-chủ ngày **4 tháng 11 năm 1958**. Tên thật của Ngài là **Angelo Giuseppe Roncalli**, con một gia-đình nông-dân nghèo ở Ý có 13 người con, mà hiện nay 4 người còn sống, 4 ông già trên 80 tuổi. Chính ngài năm nay cũng đã 82 tuổi. Lúc còn nhỏ, Người đã có chí-hướng làm một vị Linh-mục. Lớn lên Người được mẫn-nguyện và được làm Linh-mục ở ngay Tòa-thánh Vatican, coi về việc truyền-giáo.

Dưới thời Giáo-Hoàng Pío XII, Người được Giáo-Hoàng rất tin cậy, và được cử làm Đại-sứ (Nonce) của Tòa-Thánh Vatican cạnh chính phủ Pháp ở Paris. Sau làm Giám-mục ở Venise. Sau khi Giáo-Hoàng Pío XII mệnh-chung ngày 9.10.1958, Đại-hội Hồng-Y ở Vatican, (*Le Sacré-Collège*), bỏ phiếu kín cử đức Hồng-Y Roncalli lên kế vị. Người tự lấy danh-hiệu là Jean XXIII, và là vị Giáo-Hoàng thứ **263**, kể từ Thánh Pierre. Hiện nay, người ta nhận thấy rằng Jean XXIII là vị Giáo-Hoàng có



Lúc trẻ, Ngài là một vị
Linh-mục đẹp trai

tư-tướng tiến-bộ nhất. Do đó, Người đã gây được cảm tình cả với những người không theo Đạo Gia-tô.

Bà Tú đặt trên hai má ông Tú hai nụ hôn, và dịu-dàng bảo:

— Mình nói chuyện hay quá!

Rồi bà đứng dậy, sửa soạn đi nấu cơm. Bà còn quây lại bảo:

— À Minh, em đi chợ gặp vợ chồng chị Tám mời tụi mình Noël này thế nào cũng đến ăn Réveillon với anh chị. Có đi không, Minh?



1914-18, Ngài làm Linh mục
Tuyên-úy trong quân đội

— Đi chứ! Hôm lễ Phật-dân, vợ chồng chị cũng có đến ăn cơm chay với tụi mình đó.

— Ờ. Noël này nếu tụi mình không đến Réveillon, chắc anh chỉ giận đấy nhì! Chỉ nói khê với em là Noël này, ăn Réveillon rồi nhảy-dầm chút-chút chơi.

— À thôi! Anh thì ăn xong, là anh nhảy lẹ về nhà.

— En, thì hể Minh nhảy đi là em cũng nhảy theo!

Ông Tú với Bà Tú cười vui ghê...

Diễn-Huyền

hẹn trở về

DIỆP-THANH TÚ
(Huế)

Ngày mai đi Sài Gòn
Hôm nay sao buồn thế?
Xa người yêu xứ Huế
Làm sao khỏi héo hon!

Ngày mai đi Sài Gòn
Sông Hương chắc buồn lắm
Núi Ngự ai lên chơi
Những chiều hè nhạt nắng

Công viên chừ vắng vẻ
Ghế đá lạnh sương đêm
Ngày xưa thường hai kẻ
Ngồi đây chờ trăng lên.

Ôi Đền đài hùng vĩ
Ôi Đại nội uy nghi
Bước chân ai thường đến
Bây giờ đây ra đi!

Phố Huế đã ít người
Rồi đây còn ít nữa
Không gian chia đôi lứa
Thời gian trừ nụ cười

Phòng the chừ ủ rũ
Và vắng bóng tình quân
Chắc em buồn không ngủ
Nhìn đêm về băng khuâng!

Thôi đừng buồn em hỡi
Cho mây sầu ủ ẽ
Đời trai thích giông ruồi
Anh đi... hẹn trở về.

THE FOREST LORD

(Phỏng dịch ra Anh-ngữ mẫu truyện trong « *Tuấn Chàng nước Việt* » của Nguyễn-Vỹ, Phê-Thông số 86, trang 34-37)

L.T.S. — Một bạn đọc Ô. Victor Lotussou, có mỹ-ý gửi đến bài sau đây, trích một đoạn trong « *Tuấn, chàng trai nước Việt* » dịch ra Anh-ngữ thành một truyện ngắn và yêu-cầu đăng trong số Noël. Vậy chúng tôi xin vui lòng làm thỏa-mãn ông bạn thân-mến đã có công dịch, và cũng tạm thỏa-mãn được phần nào các bạn đọc ngoại-quốc trong khi chờ đợi phụ-tướng ngoại-ngữ sẽ khởi đầu trong số Xuân.

VICTOR LOTUSSON

PERHAPS it was past zero hour or so, nobody could affirm. The motorcoach fumed itself up the pass snaking around a hillside. From its two acetylene headlights darted two saffron-yellow streaks upon the surface of the road. All of a sudden the front-bench passengers gazed straight ahead and found a couple of luminous eyes alining at the vehicle. The chauffeur shuddered, stopped the engine, turned back and informed the

passengers: « The (Lord) is sitting yonder! Ladies and gentlemen, look out, Don't lean out, Don't stretch out your arms, please! »

At the same moment, the passengers on the top also shouted: « Tiger! Tiger! ... Everyone, be careful: A giant tiger, sitting there, raising up his muzzle there, on the road edge, there! »

cf. PHỒ-THÔNG, No 86, of August 15, 1962, pages 34-37

THE FOREST LORD

A general bustle inside the car, a great consternation, caused to some thirty human beings by a mere wild beast.

Young Tuấn was wedged in the middle, by the side of a Chinese old man. He thought he was relatively safe, but his heart throbbed crescendo, because he might well be...! That was the boy's first experience in a motor-coach, a long trip in the dead of the night, threatened by a tiger. How could he foresee what might happen?

The chauffeur, presumably acquainted with his way, was so frightened! He seemed to wobble as his trembling hands could no longer grasp the steering wheel. He implored in murmurs, « Please, pray, Lord, let us run across, my Lord! »

The tiger did not budge any bit. His eyes sparkled and glowed, staring at the vehicle which was rumbling and smoking. The back-benchers spurred on the driver:

« Hasten along, what are you afraid of, friend? Press up your horn and hurtle off, he couldn't

do us any harm! »

« A few days ago; the chauffeur replied, « another car met him on the pass. He rushed after the car, snatched away the aide-chauffeur sitting behind! »

The back-benchers startled at this piece of news and huddled up innermost. One of them shrieked: « Why is there no back-door? »

« Yes, there was one, but it was snatched off by a tiger, and it has been under repair at Qui-Nhon. After our arrival there, the door will be refixed up again. »

The discussion was in as low a voice as possible, for fear of the tiger. The vehicle awfully rattled as if it shivered, too! Somebody incited: « Driver, just tread on the gas, can't you? » How could I manage it? » the chauffeur shouted back. « The hillock is steep, the engine is still weak after repair and must creep! If we speed all up, we may get a breakdown, and also danger! If we run down-hill, all right! friends! »

The same passenger put in

once more, « What should we do ? Standstill on this spot ? » At length the chauffeur said, « I start the car. Passengers, please scream and screech on and on ! Heavens, pray that he will not hunt for us, and then off we'll fly ! »

« Do, chauffeur, do start the car up ! We will make an uproar, sure, we will do, » one voice broke in.

The chauffeur changed gears ; the car dawdled up by inchmeal and strove to clamber uphill. All the passengers screamed and screeched deafeningly : « Villagers, help ! Hoo ! hoo ! Tiger ! Tiger ! Tiger ! Villagers, help ! Hoo ! Hoo ! Tiger ! Tiger ! Tiger !... »

The motor-coach drew near the redoubtable wild beast. He sat quietly, but his luminous eyes kept on staring at the vehicle... The motor-coach drew nearer and nearer, and the uproar broadened out ! All of a sudden the tiger's howl dithered all the forest and dismayed everyone, and then a profound silence prevailed. Only the whirs of the engine, the clicking of the

framework and the pitapat of the exhaust-pipe could be heard with the deafening honks of the car !

Now the car arrived at the tiger's very place. The beast sprang up and attempted to leap upon the car when suddenly down from the top dropped and rang two empty oil-cans : Peng ! Peng ! Zvang ! Wang ! The wild beast's muzzle was badly hit. The those cans rolled to the middle of the road. Scared by this strange tumult, the tiger fled away into the forest. The passengers could not make head or tail of all the event ; they felt only terror and huddled up and up once more into a heap. Little by little the car climbed up the pass, whirring and honking endlessly. A few passengers, who had not yet recovered their spirits, were still screaming deliriously : « Villagers, help ! Help ! Tiger ! Tiger ! Tiger ! Villagers, help ! »

A good hundred yards away from the pass, the motor-coach slid downhill, smoothly and peacefully.

A flat land came in sight with ascore of thatched huts on either side of the highway. Their oillamps glittered, a crowd stirred in full happiness. A camp of road-builders was inserted among the hamlet of natives. The car made a halt for relaxation.

Here all the low-deck passengers gathered around the three others on the top who told their story of the two empty oil-cans. Those cans were used to contain sugar and belonged to an old school-teacher who intended to sell it at Qui-Nhon city.

When the car stopped at the pass, and everybody planned escape from the tiger,

that gentleman did not express any idea. Silently he and his two fellows poured out the sugar into a large tarpaulin sheet used to cover the luggage and freight. He decided to jeopardize his two cans so as to strike on the nerves of the *Lord of the Forest* ; he believed in his success. And he did not miscount !

• VICTOR LOTUSSON
(November, 30, 1962)

Note of the adapter.— The scene occurred one night to the passengers on a motor-lorry of primitive type, perhaps model of 1920 or 1921. Travelling conditions were quite tiresome on bad highways in Central Vietnam.

Thuốc

MỒ-HÔI-TRỘM

Hiệu Kim-Điền, trị con nit đồ mồ hôi nhiều lúc - ngủ.

PHÌ-NHỊ BA-BỒ K. Đ.

Thuốc bổ trẻ em, lên cân, trừ sán lãi. Bán khắp nơi và 361, Phan-dinh-Phùng, Saigon

K.N. số 97 ngày 24-7-62

Các Báo mới

★ Khi người ta chết mỗi giờ

Thi-tập của **Vương Ân Tựa** của Đinh-Hùng. Tranh phụ-bản của Họa-sĩ Ngy-Cao-Uyên — In và trình bày đẹp trên giấy croquis, 45 trang giá 30\$.

★ Đừng gieo thương cảm

Thi-tập của **Hoàng Lạc**, một tập thơ nho-nhỏ, xinh xinh, 47 trang. Bản đặc biệt không đề giá.

★ Một vài cảm-nghĩ của người Thầy-Thuốc của Anh-Tuấn, Nguyễn-Tuấn-Phát, Ngôn-Luận xuất-bản.

Bác-sĩ Nguyễn-Tuấn-Phát, là Trung-tá quân-y trong Quân-đội V. N. C. H. Đọc một vài mẩu chuyện vui-vui của tác-giả thuật lại những sự kiện xảy ra trong nghề lương-y, với những rung-cảm dịu-dàng, chân-thật, thính-thoảng chúng tôi có cảm-tưởng như đọc G. Duhamel. Không phải lần đầu tiên một bác-sĩ viết văn, mà thật là lần đầu tiên một bác-sĩ lương thiện viết một lối văn lương thiện, Vì vậy, tác-giả đã gây được nhiều cảm-tình cho người đọc.

Một tập sách in rất đẹp, trình bày trang-nhã, dày trên 150 trang. Thư mua sách có thể gửi đến địa-chỉ của tác-giả : Bác-sĩ Nguyễn-Tuấn Phát 360 Lý-thái-Tổ, Sài-gòn.

★ Apprenons l'analyse

Par **Huỳnh-ngọc-Nhuận** (Analyse grammaticale et logique). Edité par l'auteur, 53 Huỳnh-quang-Tiên, Sài-gòn — 160 pages 36\$

★ **Tranh đấu**, Thi tập của **Hồng-Phước**, Long-xuyên. Tác-giả xuất-bản. 36 trang, giá 22\$.

★ **Đau-Thương**, Thi-tập của **Hiền-Nguyên, Nguyễn - Hiền**. Học-sinh Đệ-tam Quảng-ngãi. Trên 90 trang giá 32\$

ĐỘYCH-LOI LỢI-NGỌC

Truyện dài trào-phúng xã-hội ★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 94)

CHỊ vô Sài-gòn, chị sẽ gởi quà về cho em. Em ngoan lắm !

Trong lúc thằng Ngọng nói, tôi đã xếp cẩn-thận quần-áo của Bích-Ngọc, và cột lại trong gói. Đã hơn 1 giờ khuya. Tôi đứng dậy bảo Bích-Ngọc :

— Thôi, chúng ta lên đường !...

Bích-Ngọc cúi xuống hôn trên trán thằng bé thật lâu. Thằng Ngọng rưng-rưng nước mắt, muốn khóc. Nó nắm tà áo Bích-Ngọc và lẩm-mẩm :

— Cô đi, con buồn lắm...

— Chị cũng buồn, em ạ. Chị sẽ nhớ em, chị sẽ viết thư về thăm em luôn.

— Cô đi bao giờ cô về ?

— Chị chưa biết, em ạ.

Thằng Ngọng khóc, Bích-Ngọc cũng rưng-rưng nước mắt khóc theo.

Tôi rất cảm-động, nhưng tôi cố nén lòng. Tôi cười nói bông-lơn với thằng Ngọng :

— Con ở nhà coi nhà, đừng để kẻ trộm lẻn vào lấy hết áo quần của cậu nhé !

Nhưng câu nói đùa của tôi lúc này không làm cho ai cười hết.

Quay lại Bích-Ngọc, tôi bảo :

— Chúng ta đi.

Bích - Ngọc hôn đầu tóc thằng Ngọng một lần nữa :

— Em ở lại mạnh giỏi nhé.

— Dạ, con chúc cô thượng
nộ bình an.

Chúng tôi ra đi... Thành
Ngọc nhìn theo, còn lâm-
mảm một mình :

— Thề nà thề nào ?

Bích - Ngọc ôm gói đồ.
Nhưng tôi bảo :

— Cô để tôi.

Bích-Ngọc cõ giữ lấy cái
gói :

— Em ôm được.

Tôi khẽ giành lại :

— Cô cứ để tôi ôm cho.

Tôi không có va-li để sắp
quần áo của Bích-Ngọc. nên
đành phải để cô đem theo cái
gói. Tôi dặn cô :

— Vào đền Phú - Hải, cô
mua cái va-li nhé !

Tôi ôm cái gói vào nách.
Trời tối như mực, tuy trên
vòm trời có treo lủng-lẳng
một mặt trăng lưỡi liềm.
Những con thiêu-thân và con
rầy bu vào đầy cả các bóng
đèn điện hai bên đường
phố. Dưới chân các cột
đèn, có những vũng ánh sáng
mờ mờ. Chúng tôi phải đi
tránh trong những bóng
tối để đừng ai trông thấy.
Chúng tôi đi âm-thầm lặng-lẽ,

không dám làm một tiếng
động, không dám nói một lời.
Chúng tôi đi ngang qua thành-
phố vắng giữa đêm khuya,
như hai bóng cô-hồn.

Ra khỏi đường lớn rẽ về
Cổng - Tráng, gặp một cái
mương của phu lục-lộ đào
ngang qua đường để đặt cống
nước. Hai bên mương có hai
bờ đất cao. Tôi nắm cánh tay
nàng, nhẹ-nhẹ đỡ nàng bước
lên ụ đất, rồi tôi nhảy qua
trước, đưa tay đỡ nàng nhảy
theo sau.

Ra khỏi thành phố, hai bên
đường là ruộng. Ếch nhái kêu
vang lừng trong đồng lúa, như
trời nhạc ái-tình. Nhiều cặp
đom-đóm bay chập chờn như
khiêu-vũ.

Tôi khẽ hỏi nàng :

— Cô đi bộ, có mệt không ?

Nàng dịu-dàng đáp :

— Dạ, không.

— Lúc chiều tôi định gọi
xe cyclo, dặn họ 1 giờ
khuya đến nhà đón chúng ta
để đi cho mau. Nhưng tôi
nghĩ lại, sợ không tiện. Chúng
ta không nên để ai nghĩ ngờ.

— Em thấy đi bộ thế này
thích hơn.

— Tôi cũng thấy thế, chỉ sợ
cô mệt vì phải đi xa.

— Dạ Em không thấy mệt
gì cả, 5 cây sô mà có xa gì ?
Trái lại đêm nay là lần đầu-
tiên trong đời em, em được
sống trong một giấc mơ. Giấc
mơ thật êm-đềm.

— Giấc mơ bao giờ cũng
êm-đềm.

— Em có cảm-tưởng như
trên quả Đất đang ngủ chỉ
có hai người đang đi.

— Cảm-tưởng của Ngọc thật
là đẹp. Nhưng chúng ta không
nên mơ-mộng quá nhiều, Ngọc
ạ ! Chúng ta đang tiến tới một
thực-tế. Con đường dài đằng-
đẵng chúng ta đang đi đây là
con đường đời. Nó còn xa
mơ-mị nhưng nó vẫn gần.
gũi với ta !

— Gần hay xa bây giờ em
không lo-ngại.

— Phải. Ra đi là cứ đi. Rồi
đền đầu sẽ đến. Con đường
đời là con đường của số kiếp,
nó đã vạch sẵn bởi bàn tay
của Định-mệnh. Và chúng ta
sinh ra, để mà đi một mình.
Con người là một chiếc bóng
cô-đơn. Chúng ta cũng không
thể tự lựa chọn được người

bạn đồng-hành !

— Đúng quá. Em xem ở trên
đời này cái gì cũng do nơi số-
kiếp.

Nói thật, đi như thế này
tôi thấy thú-vị vô cùng. Cũng
như Bích-Ngọc, tôi cảm thấy
chúng tôi đang sống trong một
giấc mơ phảng-phất như bài
thơ ảo-huyền. Tôi hồi-hộp
nghe tiếng nói êm-dịu của
nàng rơi đệ-mê trong lòng tôi
như sương rơi thấm-thía trong
lòng hoa. Thỉnh-thoảng nàng
ngó tôi với đôi mắt dịu dàng
làm sao ! Tự-nhiên, tôi dừng
bước ngó nàng. Tôi nắm lấy
tay nàng. Nàng và tôi, nhìn
nhau im lặng. Tôi muốn nói
với nàng ba tiếng, ba tiếng
thôi. Nhưng tôi không dám
nói. Chắc ba tiếng của tôi,
nàng cũng muốn nghe. Nhưng
không dám nghe. Chúng tôi
bước đi, hồi-hộp, nhẹ-nhàng
man-mác. Mỗi bước của
nàng vang dội trong lòng tôi,
như nàng đi trong tim tôi.
Giả sử đêm nào tôi cũng
được đi như đêm nay, tôi
chắc tôi có thể đi bộ khắp
vòng quanh trái đất với người
yêu trong mộng !

Nhưng đã đèn ga Danh-Son rồi. Gần 5 giờ sáng. Gà ở các xóm xa xa đã cất tiếng gáy trong sương. Đứng ngoài đường ngó vào nhà ga, đã thấy thấp ngọn đèn hiu-hắt, và tiếng người xếp ga đã dậy. Chúng tôi dừng bước bên một góc cây. Tôi nắm tay Bích-Ngọc:

— Chúng ta phải từ giả nơi đây.

Bích-Ngọc rất buồn. Tôi đưa gói đồ cho nàng:

— Tôi cầu nguyện cho Bích-Ngọc đi đường bình-an vô-sự, vào Saigon gặp nhiều may mắn.

Nàng muốn gục đầu vào vai tôi. Tôi an ủi nàng:

— Ngọc phải có can-đảm. Đời Ngọc sẽ không cô-độc đâu. Thôi, Ngọc vào ga, ngồi nghỉ một lúc. Tôi về... và mong tin Ngọc.

Tôi nhìn Bích-Ngọc một lần chót. Bích-Ngọc nhìn tôi. Tôi mỉm cười đưa tay ra bắt tay nàng. Nhưng đôi mắt nàng trào ra hai ngấn lệ.

✱

Vụ Bích-Ngọc bỏ nhà ra đi làm xôn-xao dư-luận trong tỉnh một dạo khá lâu, nhưng

rồi dần dần người ta quên hẳn. Vì người ta sống ở thời buổi nguyên-tử, hay xảy ra rất nhiều biến-cố kỳ-quặc bất thường. Hết vụ này đến vụ khác, kê-tiếp nhau toàn là những chuyện mà trước đây độ mười năm không ai tưởng-tượng được.

Thỉnh-thoảng cũng có đôi ba người nhắc lại vụ cô Bích-Ngọc, cháu ông Thừa. Có kẻ bảo:

— Chắc cô ấy đi Sài-gòn rồi. Một cô nữ-sinh nói quá quyết:

— Có mấy đứa bạn ở Sài-gòn gặp Bích-Ngọc, bây giờ nó lấy một anh Trung-Ưu. Hai người thường giắt nhau đi xi-nê, mùi-mẫn lắm. Bích-Ngọc bây giờ diện ghê, theo đợt sóng mới!

Nhưng, đó chỉ là những lời đồn-đãi bịa-đặt, hoàn-toàn láo-toét.

Các bạn sẽ biết rõ Bích-Ngọc về sau này, khi chúng ta sẽ gặp lại nàng ở Saigon.



Chương 3

TẤT cả nhân-viên văn-phòng ông Lớn đều cười thăm ông Thừa, vì ông này mất một cơ-

hội bỏ đề lên chân. Lỗi tại vợ chồng ông quá nóng-nảy, đánh đập cô cháu gái yêu-kiểu duyên-dáng, một hoa-hậu của tỉnh nhà, để cô phải trốn nhà đi mất. Ai cũng biết là nếu ông khéo léo dần-xếp cách sao cho cô Bích-Ngọc chịu « lấy lẽ » ông Lớn, thì, thôi... tha-hỗ, ông sẽ lên như diều gặp gió! Ông Lớn đã định tiên-cử ông Thừa làm Quận-trưởng ở một quận béo bờ nhất, còn bà Thừa thì chắc mâm phen này thề nào cũng lên bậc Mệnh-phụ, Quận-trưởng Phu-nhân, tha hồ làm mưa làm gió với bọn dân quê, « khù-khờ » nghếch-ngạc!

Vợ chồng ông Thừa đã bị một bài học quá cay chua; ở đời thường khi sơ-hở một chút, quá vội-vàng nóng-nảy, làm không suy-nghĩ chu-đáo, là hỏng cả đại-sự!

Nhưng thôi, nhắc lại làm chi! Ông Lớn, đã lỡ hứa với ông Thừa, và dù sao ông này cũng hết sức trung thành, khéo vào luồn ra cúi, nên ông Lớn cho ông lên làm Chủ-sự phòng kê-toán, thay vì làm một nhân-viên thường. Ông Lớn còn hy-vọng có ngày ông Thừa sẽ kiêm được Bích-Ngọc đem về dâng lên ông.

Năm tháng sau, ai cũng cho

là ông Thừa gặp chuyện « hên » Thề mới biết rủi mà lại may. Rủi là bà Thừa vì quá thua bạc, nên một sáng nọ bỏ nhà ra đi, theo một ông chủ vừa nước mắm ở một tỉnh xa. Chuyện này, trong giới buôn bán ở tỉnh nhà, ai cũng biết ông Chủ vừa nước mắm thường chờ nước mắm lên cho Đại-lý của ông ở tỉnh. Do đó mà ông quen với các sò bạc lên-lút, hoặc công k ai, của các nhà giàu-có sang-tr, ở đây. Bà Thừa đã có máu-me cờ-bạc lại sẵn tính lẳng-lơ, tuy 40 tuổi nhưng còn có duyên chán! Thề là không cần từ-giả ông Thừa, bà Thừa lẳng lẽ xách một va-li áo-quần đi lên xe nước mắm của ông tỉnh-nhân phong-nhã.

Ông Thừa, trưa về nhà nghe chị Bềp bảo rằng bà đi trong lúc chị ấy đi chợ. Đến 10 giờ đêm hôm ấy, xem xét lại đồ đạc trong nhà, thấy không còn một vật gì của vợ và còn mất cả những đồ quý-giá lật-vật, ông Thừa hiểu ngay là vợ ông đã đi làm vợ người khác rồi. Ông bèn gọi chị Bềp lên ngủ với ông. Ông giải-quyết vắn-đề một cách rất nhanh chóng như thề, nhờ chị Bềp cũng thông cảm nổi lạnh-lẽo cô đơn của ông Chủ không nỡ từ-chối điều gì.

(còn nữa)

PHÁP.— Chết vì ong đốt

Một nông dân 37 tuổi, đã bị một bầy ong vò-về vây lại đốt vào gáy, vào vai và cổ họng. Từ chỗ anh ta bị ong đốt đến nhà chỉ có 200 thước, nhưng anh ta phải chạy mất nửa giờ đồng hồ vì anh ta phải dùng đủ cách để tự vệ, nhưng bầy ong nhứt định bám sát, tấn công mãnh liệt.

Người anh sưng vù và sau đó 2 giờ, đã trút linh hồn vì bị ngạt hơi.

● Gia tài trong ống quần

Thường thường người giàu có để gia tài cho con cháu bằng cách gởi tiền ở ngân hàng... không ai lạ lòng như cái ông Coulon này, nhân viên hưu trí của Nha Hỏa Xa... đã đầu gia tài trong một cái quần cũ. Số tiền của ông ta dành dụm được vào khoảng 70.000 bạc Việt Nam, và sau khi ông chết, chính thân nhơn của ông, cũng không biết ông có tiền dành dụm vì ông cũng chẳng có con cái gì, chỉ sống độc thân trong một căn nhà nhỏ.

Tình cờ hai đứa trẻ 15

tuổi và 13 tuổi, vào chơi trong một căn nhà bỏ trống ấy đã tìm được số bạc đầu trong 2 ống của một cái quần cũ nhét vào một xó nhà. Chúng đã chia nhau mua sắm đồ đạc... Nhưng tin ấy cũng đến tai nhà chức trách và hai đứa trẻ này buộc phải hoàn lại số tiền ấy cho thân nhân kẻ quá cố. Tuy số tiền hoàn lại không được đủ nhưng bà con ông Coulon, tự nhiên được của trên Trời... sa xuống, cũng đã mừng cuốn quít mà không thừa gởi gì nữa.

● Đậu xe... 5 ngày tù ở

Một bà cũng thuộc vào hạng danh vọng của xã-hội đã bị Tòa án phạt 5 ngày tù ở vì tội... đậu xe quá thời hạn cho phép ở những nơi ghi rõ thời gian.

Bà ta vì bận rộn công việc quá nhiều nên lắm lúc đậu xe ở đây đã bị phạt nhiều lần và bà ta đều nộp phạt đủ, tưởng thế là yên. Không ngờ vì bà bị phạt quá nhiều nên nhà Cảnh-sát Công-lộ đưa bà ra Tòa-Án và quan Tòa đã kêu án tui đa là... 5 ngày tù ở.

Ước quá, chẳng qua đậu xe mà phải vào... ở tù, bà ta

chồng án và gởi thẳng một lá đơn lên Tổng - Thông De Gaulle xin ân xá. Đơn bà bị bác và cảnh binh đã đưa bà vào giam ở khám đường... y như một tội nhân.

● Tưởng rằng bên ta cũng nên áp dụng những biện pháp cứng rắn như vậy để sửa lưng một số người thường ý mình là... nọ kia, chạy ẩu và đậu xe nghênh ngang, bắt chấp luật lệ là gì.

● Gan dạ đàn bà

Micheline Violin, một thiếu phụ 29 tuổi, trẻ đẹp, đã phá kỷ lục nhảy dù của nước Pháp với cao độ 9.700 thước.

Lúc máy bay lên gần 10.000 thước thì hàn-thủ-biểu chỉ 40 độ dưới số không và bà ta đã nhảy xuống, tự cho rơi trong 3 phút rồi mới mở dù.

Với cao độ này Micheline Violin chưa phá được kỷ-lục thế-giới do 2 nhà vô-địch Nga là Valentina Koulichia và Valentina Rouleva đã giữ từ trước tới nay với cao độ 10.600 thước.

● MỸ.— Tạc-zăn về già

Tạc-zăn, con « người rừng » danh tiếng, đẹp như một thiên thần, cỡi voi, vật cạp, đánh lộn với cá sấu và... bay từ ngọn cây này sang ngọn cây

khác, con người đã làm cho khán-giả xi-nê, nhứt là thanh thiếu niên ưa thích hằng mười mấy năm nay, bây giờ đã về già, tóc đã hoa râm, trên vai gánh nặng 50 lần xuân đi xuân lại.

Tạc-zăn đã 50 tuổi... không còn phong độ của chàng thanh niên, chúa tể rừng sâu như trước nữa, nhưng bên tai hàng trăm triệu thanh thiếu niên trên hoàn cầu đang còn vang vọng tiếng hú oai hùng: Ê... oua... oua... a o o o o... ooou... của con người sống hiên ngang giữa chốn rừng sâu núi thẳm ấy.

Người đã « tạo ra loại chuyện Tarzan » là Edgar Rice Burroughs và ông ta đã nhờ đây mà đã trở thành tỷ phú.

Chuyện Tạc-zăn đã được viết ra thành 23 cuốn tiểu thuyết; dịch ra 58 thứ tiếng hoặc thô ngữ, bán được 32 triệu bản trên khắp thế giới.

● Làm thành 30 cuốn phim được 4.200.000.000 (4 tỷ 200 triệu) người xem.

● Xuất bản hàng ngàn sách có hình vẽ, hàng ngàn chương trình diễn ở đài phát thanh và vô tuyến truyền hình.

● Trên thị trường người ta đã bán các loại kem Tạc-zăn, dao Tạc-zăn, cặp sách Tạc-răn

và nhiều thứ khác như kẹo cao-su, bánh ngọt v.v...

• Có cả thầy 13 Tạc-zăn, nhưng danh tiếng nhứt và được đóng phim lâu nhứt là nhà vô địch bơi lội Johnny Weismuler đã thủ vai này từ 1932 đến 1946. Con người điển hình của Tạc-zăn này năm nay đã 50 tuổi và sống giàu sang gần kinh đô Hồ-ly-vọng.

Nên biết thêm rằng tiếng « hú » oai vang vọng cả núi đồi mà chúng ta thường nghe trong phim Tạc-zăn do sự kết hợp của: giọng hú của Weismuler, tiếng tru của loại chó sa-mạc (hyène) tiếng hát nốt « do cao » (do aigu) của danh ca Lorraine Bridges, tiếng sủa của một con chó và tiếng cọ sợi giấy sol trên đàn vĩ cầm, 6 thứ tiếng ấy trộn lẫn, và câu tạo do nghệ-thuật thu thanh hóa ra tiếng hú Ê ... oua ...

oua ... aoooo ... ooooo
bắt hủ vậy.

• HOA-THỊNH-ĐỐN. — 2.000 cây số giờ

Từ cái máy bay, bay 120 cây số một giờ đến cái máy bay phản lực bay 1000 cây số một giờ cũng chưa vừa lòng, nay lại muốn chế ra loại mới; bay cho được 2.250 hoặc 3.220 cây số một giờ mới... thích.

Vừa rồi, ông Halaby, chủ tịch Công ty Liên bang Hàng không dân sự đã tuyên bố trước 30 đại diện của Hội Nghị Quốc tế Hàng không rằng Chánh phủ Hoa-kỳ sẽ đề ra 31 triệu đô-la để nghiên cứu một loại máy bay mới chuyên chở hành khách, có thể bay với tốc độ hơn 2.000 cây số một giờ và chiếc máy bay ấy sẽ trị giá chừng 750 triệu đô-la.

Để kỷ-niệm năm thứ 12 ngày xuất - bản

XUÂN DÂN TỘC QUÍ MÃO

Có sự góp sức, giúp đỡ của:

NGUYỄN-VỸ — DIỆU-HUYỀN — TCHYA — BÌNH-NGUYỄN
LỘC — BÁC SĨ DƯƠNG-TẤN-TUỔI — BÁC SĨ BẢO-NGON
— BÁC SĨ CHƠN-NGON — LUẬT-SƯ DƯƠNG-TẤN-
TRƯƠNG — TIỂU-NGUYỄN-TỬ — MALTHẢO — NGOC-
GẮM — KI N-GIANG — TỪ-TRẦM-LỆ — VIỄN-CHÂU —
TÙ XE HUỠNH — BỬU-NGÀ...

NGUYỄN-ANG-CA trình bày

Đẹp ! Lòng lấy ! Xuất sắc nhất



* Thúy Kiều và Thúy Vân không phải chị em sinh đôi

(của Ô. Nguyễn-khắc-Thiệu, Giáo-sư Trung-học, Huế)

... Trong Phổ-Thông số 93, có độc-giả hỏi về ngôi thứ Thúy-Vân Thúy-Kiều qua câu « đầu lòng hai ả tồ-nga » mà bảo rằng hai chị em Thúy Kiều Thúy-Vân là sinh đôi thì tôi e rằng không được đúng lắm. Bởi vì sau đó có câu : « Đầu lòng hai ả tồ-nga. Thúy Kiều là chị, em là Thúy-Vân » như vậy Thúy Kiều là chị. Và lại trong cách nói của ta chữ « đầu lòng » trong câu trên cũng không xác định hẳn là sinh đôi. Ví dụ tôi nói : « Cô Diệu Huyền có ba đứa con ; đứa thứ ba là con trai, còn hai đứa đầu đều là con gái. » Nói thế không có nghĩa là hai đứa con gái ấy sinh đôi. Hơn nữa, phần sau, khi bán mình chuộc cha, Kiều phải nhờ Thúy Vân thay mình kết duyên cùng Kim Trọng cho vẹn lời thề, thì Kiều có nói với Vân :

« Ngày xuân em hãy còn dài. Xót tình máu mủ thay lời nước non », thế nghĩa là Thúy Vân trẻ hơn Thúy Kiều, tức là Thúy Vân em. Đọc kỹ truyện Kiều, sẽ thấy còn nhiều chứng cứ để có thể nói rằng Kiều là chị, em là Vân, chứ không sinh đôi. Cô Diệu Huyền có đồng-ý với tôi không ?

Đáp. — Tôi cũng hiểu như ông, đã lâu rồi. Nhưng tôi cũng thắc-mắc như cô bạn Mộng-Điệp ở Quảng-ngãi (P. T. số 93, trang 116), vì :

1) đứa con đầu lòng luôn luôn chỉ-định đứa con so. Không ai nói hai đứa con đầu lòng bao giờ.

2) câu trên :

Một trai, con thứ, rớt lòng,

Vương-Quan là chữ, nòi giòng Nho-gia. Con thứ (thứ-tử) : luôn luôn chỉ-định đứa con thứ hai. Vậy nếu đúng là Thúy Kiều và Thúy-Vân không phải sinh đôi, thì Thúy-Vân không thể gọi là « con gái đầu lòng », và Vương-Quan cũng không thể là « con thứ ».

Còn nói chị và em, thì trong hai cô sinh đôi, chắc là cô Kiều chui ra trước, oe oe 3 tiếng rồi cô Vân mới lọt ra sau !

Rất tiếc, cụ Nguyễn Du khai-sinh cho hai chị em cô Kiều mà không chú-thích rành-rẽ !

* Bảng... có g, và Bản không g.

(Của một nhóm Học-sinh Trung-học Đà-nẵng)
Thưa ông, trường chúng tôi có một giáo sư Pháp-văn Đệ tứ, và chúng tôi, học sinh lớp Đệ tứ A được ông ấy dạy. Trong một bản « quy-tắc văn phạm », có chữ: « Phải xem đi xem lại bản này... » do giáo-sư soạn ra, ông bảo chúng tôi thêm chữ G vào chữ bản. Chúng tôi có thấy trong các tự điển Đào duy Anh và Thanh-Nghị ghi rằng chữ « bản » ấy không có g, chúng tôi xin phát biểu ý kiến và nói rằng tất cả chữ bản đều không có g ngoại trừ chữ *bảng đen, tấm bảng...* (bằng gỗ, kim loại, v.v...) thì giáo sư nói rằng *tất cả các chữ bản đều có g* và ông ví dụ như « *Đánh máy một bảng, hai bảng...* » còn chữ *bản đen* là *không có g*. Chúng tôi xin phát biểu ý kiến lại lần nữa thì giáo sư bảo rằng sẽ đuổi ra ngoài những ai bảo chữ *bảng đen có g*, và ông nhất định là chữ « bản đen » không có g. Giáo sư lại bảo rằng « *trò nào không thích học thì đi về...* »

Chúng tôi xin gởi vài giòng chữ này vào ông, và mong ông giải thích và trả lời giúp để chúng tôi được thông cảm. Thưa ông, đây là một sự tìm-tòi học-bỏi chứ không phải là một sự chỉ-trích Thầy Giáo.

Đáp. — Bản, (chữ Nho : 本 có thể đọc là Bôn=gốc, vốn, một tấm. Tấm giấy in. Bản viết, bản vẽ, bản in, tự bản, v.v...

Bảng (chữ nho : 榜) Bảng đen, bảng yết thị, bảng danh dự, bảng vàng, Bảng-nhân...

* Chào cờ

(của ông Hùng-Sơn, Ban-mê-thuật)

Có lần, chúa mắt tôi thấy, lễ chào cờ sáng thứ hai vào lúc 7 giờ 30. Radio nói « Mời quý-vị nghiêm chỉnh, lễ chào cờ bắt đầu ». Khách ngoại-quốc nghe Quốc-thiếu đều đứng nghiêm. còn bộ hành Việt-nam (một số) thân nhiên rãi bước như chẳng có việc gì xảy ra.

Và có lần, vào thời gian vừa nói, Radio nói « xin quý vị chuẩn bị để làm lễ chào cờ khi nghe Quốc thiếu VN ». Tiếp theo đó là một bản quân nhạc vì còn 1 phút nữa. Ấy vậy mà mọi người đều đứng lại nghiêm chỉnh. Đứng 1 phút chắc cảm thấy lâu nên họ rãi bước, lúc đó Radio lại nói « Lễ chào cờ bắt đầu » Quốc thiếu nổi lên, họ phớt tỉnh « ần-lễ », cứ bước.

Trời ơi ! Họ khinh thường Quốc thiếu ? hay họ không biết bản nào là Quốc thiếu VN ?

* « Hội bạn chơi thơ quốc tế »

(của Ô. Trương-Tiên-Liêu, cô Bắc — Nha-Trang)

Thưa ông, theo chỗ chúng tôi biết thì có một hội « BẠN CHƠI THƠ QUỐC TẾ » Pen pal Directory of all Nations

do Bác-sĩ Sven V. Knudsen sáng lập từ năm 1926 và trụ sở đặt tại thủ đô Denmark, Copenhagen.

Muốn tìm bạn chơi thơ Quốc tế, trước hết ta viết một bức thư bằng anh ngữ gởi đến bác sĩ Sven theo địa chỉ :

« Dr. Sven V. Knudsen, The pen-pal Directory, Copenhagen, DENMARK ». Trong thư hỏi xin một ORDER BLANK (nhớ kèm theo thư một phiếu trả lời Quốc tế (Coupon réponse international). Phiếu này mua ở Ty Bưu Cục) Trong ORDER BLANK có từng ô vuông ghi rõ tuổi, nam hay nữ của các quốc gia hội viên (V. N. cũng là một hội viên của hội này). Khi nhận được ORDER BLANK ta phải chọn ít nhất là 4 tên và phải trả 3 coupons cho mỗi tên chọn. Sau khi điền xong những điều cần thiết có ghi rõ trong ORDER BLANK, ta sẽ gởi đến hội cùng với số Coupons phí tổn.

Khoảng mười hôm sau thì ta nhận được những địa chỉ của hội gởi sang và từ đó ta có thể viết những bức thư đầu tiên mà không cần phải qua trung gian của hội nữa.

Thưa ông, là phụ huynh học sinh thiết tưởng chúng ta cũng nên khuyến khích họ nên giải trí bằng lối chơi hữu ích này chứ ?...

HÁN VĂN TỰ HỌC

Sách tự học chữ Nho. Tác giả NGUYỄN-VĂN-BA. In kỳ III. Sách dày 332 trang, giấy tốt bìa cứng. Gồm 110 bài có hình vẽ. Học trong 6 tháng, biết được 3.000 chữ và cả một bộ Văn phạm. Có thể đọc các sách đề nghiên cứu Văn-chương, Triết-học và Y-lý Đông-phương, v.v...

Hỏi các nhà sách.

Giá : 150\$

ĐÁP BẠN BÓN PHƯƠNG

★ Diệu-Huyền

★ Cô Duyên Trinh, Phan-kế-Bính, Sài-gòn

Hỏi : «...trong bài tựa tập Thơ Hoang Vu, nhan đề gửi một người bạn, ở trang (?) ông có viết : «Từ nàng Sapho, người thơ đầu tiên xuất-hiện trên mặt đất này, Thế-giới đã có một giống người sống hai Thế-giới...». Xin ông vui lòng cho em biết nàng Sapho là ai ? Cô nữ Thi-sĩ ấy ở xứ nào. Từ đời nào ? Sao gọi là « người thơ đầu-tiên xuất-hiện trên mặt đất » ? Rất mong tin ông bằng thư riêng. (Hoặc trên mặt báo P.T. nếu ông bận nhiều việc không viết thư riêng được)...

Đáp. — Sapho, (có sách chép là Sappho) là một nữ Thi-sĩ Hy-lạp, sinh trên cù-lao Lesbos, 600 năm trước Jésus Christ, 100 năm trước Thích-Ca. Mâu-Ni, và... 1400 năm trước Lý-Thái-Bạch, là người phụ-nữ đầu-tiên dùng tiếng nói và chữ đặt ra thành Thơ, lập một trường dạy Thơ và âm-nhạc trên đảo của nàng, và có viết ra 9 quyển Thơ diễm-tĩnh tuyệt-diệu. Nàng yêu anh thuyền chài Phaon, nhưng anh này không yêu nàng, nàng thất vọng đứng trên mỏm đá cao ở Leucade nhảy xuống biển tự tử. Nàng để lại một số đệ-tử toàn là Nữ Thi-sĩ, tất cả đều trẻ và đẹp như nàng. Nàng đã dạy họ làm Thơ, với những đoạn thơ ghép vần điệu thật ru-dương, và toàn là những thơ tình nồng-nàn thâm-thía, đủ các thể thơ, các loại thơ ca-ngợi sắc đẹp, tình yêu, tình si-mê đắm thắm cũng có, rạo-rực mê-ly cũng có, buồn thật buồn, mà có lúc vui cũng thật vui. Nhiều bài thơ ghen, thơ giận người yêu, thơ tuyệt vọng... Rất giản-dị và rất cảm-động, thơ của Sapho là những tiếng nhạc lòng từ trái tim đau khổ của một thiếu-nữ vang lên lần đầu tiên trên mặt Đất, Hiện ở tòa Thánh Vatican còn một pho tượng của Sapho ngồi mơ-màng trên một tảng đá.

★ Ông Tôn thất Bái, Chu-văn-An, Nhatrang

● Trong bài « Minh ời » P.T. 92, Diệu Huyền nói chuyện với chồng rất tự-nhiên, dùng toàn những chữ bình-dân đang thông-dụng ở Sài-gòn hiện nay, như những chữ « làm le » « ba gay » v.v. mà ông đã chỉ-trích trong thư. Ông công kích ông N.V. sao hô hào bảo-vệ Việt-ngữ mà cô Diệu Huyền lại dùng những chữ lai-căn như thế. Nhưng xin ông thông cảm cho rằng Việt-ngữ ngày nay đã chấp-nhận rất nhiều tiếng ngoại-ngữ, Anh-ngữ, Pháp-ngữ v.v.. đã được Việt-nam hóa hẳn rồi, không cần phải đề 2 dấu ngoặc hay chú-thích gì nữa. Như những chữ nhà ga, cái tách, áo sơ-mi, v.v. đã thành ra Việt-ngữ rồi. Chữ

ba-gay Việt-nam-hóa có thể dùng làm động-từ, hay tính-từ để diễn tả một tình thế hết sức hỗn độn trong đó có sự tranh giành đả-kích của nhiều phe-đảng, tiếng Việt không có chữ nào diễn-tả đúng nghĩa chữ *pagaille* của Pháp, vì thế nên chúng tôi dùng chữ ba-gay để làm giàu thêm Việt-ngữ đó thôi.

— Chữ « Vô-chính-phủ » — anarchie — chúng tôi phải đánh hai dấu ngoặc, để tỏ rằng chữ ấy dùng theo nghĩa bóng chứ không phải nghĩa đen. Tình hình Văn-ngệ hiện nay thật là « vô chính phủ » vì không có ai có đủ uy-tín để bắt buộc các giới văn-ngệ phải tuân theo một kỷ-luật nào.

— Trái lại, những câu la-tinh hoặc ngoại-ngữ khác đã thành ra tục-ngữ, đa số người biết rồi, thì theo thông lệ của các nhà văn, không cần đề dấu ngoặc, chỉ viết chữ xiên là được rồi.

— Không những tiếng Việt, mà các tiếng ngoại-ngữ khác cũng thế. Trong tiếng Pháp (cả trong các tự-điển Pháp ngữ) có những chữ như *typhon, sampan, coolie, v.v..* là những chữ Tàu, *toast, lunch, cocktail, parking, club v.v...* là những chữ Anh, đã được Pháp-hóa và được thông dụng thành ra chữ Pháp rồi. Tiếng Nhật có những chữ đã được nhật-hóa như *arbeit* (tiếng Đức) *ink* (tiếng Anh) *fiancé* (tiếng Pháp) v.v...

Ngay những mẫu tự A, B, C,... là của Tây-phương chứ đâu phải của Việt mà hiện nay chúng ta đã làm thành văn quốc-ngữ.

— Lại có những chữ *La-tin* đã thành ra những danh-từ Quốc-tế, tiếng nước nào cũng dùng được cả, như *Pensum, Sanatorium, v.v...*

Mong ông thông-cảm.

★ Ô. Lương trọng Minh, Saigon

— Trong Mục Phê bình sách mới, chúng tôi giới-thiệu những sách xuất bản trong năm, mà chúng tôi đã đọc kỹ.

— Trên bìa tập thơ Hoang-vu, màu xanh, và màu vàng tượng trưng cho trời, đất, nghĩa là vũ-trụ. Màu đen, màu xám, là màu của nhân-tâm, thế-sự. Tất cả bốn màu ấy, không hình, không bóng, phối-hợp lại là màu hoang vu dưới mắt của tác giả.

— Trong « Tuần, chàng trai nước Việt », nhân-vật Tuấn không phải là tác-giả. Chúng tôi đã có nói trước điều ấy rồi.

★ Em Lý-thanh Giang, Saigon

— C.E.E. = Compagnie des Eaux et Electricité. Công-ty Thủy-diện,

— Quốc-trưởng xứ Monaco là ông Hoàng Rainier III, chồng cô đào chớp-bóng Mỹ trước kia, là Grace Kelly.

★ **Bà B.B. Nhatrang.**

Muốn xin chuyển-ngân, bà nên đến viện Hồi-doái Saigon nơi đây người ta sẽ chỉ cách-thức cho bà.

★ **Trả lời chung các bạn muốn gặp tôi.**

Tôi ở tòa soạn P.T. mỗi buổi sáng từ 10 giờ 30 đến 12 giờ. Buổi chiều tôi không có ở đây.

★ **Bạn Chang Fou Saw KBC. 4420**

— Câu trong truyện kiều :

« Vòng ngoài bảy chữ, vòng trong tám nghề »

Bảy chữ gì, mà tám nghề gì, đó là bí-mật nhà-nghề của cụ Tú-Bà, D.H. xin chịu thua.

— Con số một ngàn hai trăm đồng bạc, phải viết có chẵn : 1.200\$.

Nhưng năm 1962, thì không thể viết : 1.962, mà phải viết không có cái chẵn sau con số ngàn (1962).

— Danh-từ *Anh Ba-Tàu* do các giới bình dân ở Miền Nam gọi chơi, quen miệng, có ý coi người Hoa-kiểu với người Việt thân mật như bà-con, anh em. Không có nghĩa gì chê nhạo. Cũng như gọi « Chà-Và » là « *Anh Bảy* » không có ẩn-ý gì khác hơn là tỏ cảm-tình thân-thiện.

— Ngày 9-6 Kỳ-Mão = ngày 25-7-1939.

★ **Ô. Nguyễn-tấn Minh, Khu-phố B, Tam-Kỳ**

Vua Thành-Thái, tên húy là Bửu-Lân, con vua Dục-Đức, sinh năm 1871, làm vua từ năm 1889 đến năm 1908.

Năm 1903 Ngài đã định xuất ngoại, mưu đồ cách-mạng chống Pháp, nhưng không thành. Năm 1907, Ngài bị viên toàn-quyền Broni bắt buộc phải thoái-vị, nhường ngôi cho Hoàng-Thái-tử Vinh-San (Duy Tân) và bị đày đi Vũng Tàu. Năm 1915 bị lưu-đo sang đảo La Réunion ở Phi-châu. Tháng 5 năm 1947, Ngài được trở về Nước, sống nghèo-nàn trong một căn nhà ngói lụp xụp, đường Quang-Trung, nay đổi là đường Võ-Tánh. Ngài mất năm 1952, tại Saigon. Linh-cữu được Hoàng-tộc rước về Huế.

★ **Cô Ng. thị C. Huế**

Rất tiếc, chuyện gia-đình của cô, tôi không thể giải-quyết hay chỉ bảo gì được. Xin cô thông-cảm.

★ **Ô. Ng.v. Điều, «instituteur en retraite», Kiến-hòa.**

Trong chữ « *Sacré idiot* », *Sacré* không phải nghĩa là « *Thiêng-liêng* », là « *thánh* ».

Nó còn nghĩa khác, rất thông-dụng là : quá lắm, đáng ghét lắm,

Thí dụ : *Sacré menteur ! Sacré idiot ! v.v...*

Thành thật cảm ơn thư ông.

★ **Bạn Dương thị Cẩm, Pnom Penh**

— Tập thơ H.V. đã gửi lâu rồi. Chắc mất rồi đây Nay gửi quyền khác. Vâng, có chữ ký.

— 27-1-1942 = 6 Giêng — Đinh-hợi.

— Duyên-Hồng là Duyên-Hồng, chứ sao lại là N. V. ?

Đừng nghe lời họ đồn.

Thành thật cảm ơn thư.

★ **Cô D.ệu Lan-Hương, Châu-đốc.**

— Hai chữ « *Bóng hồng* », là lấy theo câu chữ Tàu : *Mỹ nhân hồng ảnh*, nghĩa là bóng cô gái đẹp.

— Những chữ « *nàng* » tr. ng tập thơ H.V. là nói « *nàng* » không cần biết « *nàng* là ai ». Còn « *Một nàng* », hay « *nhiều nàng* », tác-giả không nói rõ, làm sao chúng ta biết được ?

TIN MỪNG

Được hồng-thiệp của ông Bà NGUYỄN-LƯƠNG-DUYÊN, Saigon, báo tin sẽ làm lễ thành hôn cho trưởng nam là NGUYỄN-PHAN-LONG đẹp duyên cùng cô BUI-THI-HẠNH, thư nữ của ông bà Bùi-Duy-Mai, Qui-nhon.

Chúng tôi xin mừng ông bà Nguyễn-Lương-Duyên và thân-mến chúc đôi tân hôn được muôn vạn hạnh-phúc.

NGUYỄN-VỸ

— Muốn khỏi bị giựt hự ?

— Muốn biết trách-nhiệm của bác-sĩ đối với bệnh nhân ?

Xin coi **PHÁP-LUẬT BÁN NGUYỆT-SAN số 7 ra ngày 15/12/1962.** Có bán khắp nơi — Giá 8\$.

Các bạn yêu Thơ, xin đón đọc trong tháng tới « *Những bài thơ của Ái Khanh* » hay :

TRUYỆN CHÚNG MÌNH Tập 3



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KÉO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-OC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆN TRỮ ÁI-ĐƯỢC